

CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)

-----ô-ò-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NỘI THẤT
GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ VỚI CÔNG SUẤT
232.000 SẢN PHẨM/NĂM TƯƠNG ĐƯƠNG
8.100 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA ĐIỂM: SỐ 2, ĐƯỜNG 19A, KCN BIÊN HÒA 2,
PHƯỜNG TRẦN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI**

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NỘI THẤT
GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ VỚI CÔNG
SUẤT 232.000 SẢN PHẨM/NĂM TƯƠNG
ĐƯƠNG 8.100 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA CHỈ: SỐ 2, ĐƯỜNG 19A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2,
PHƯỜNG TRẦN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI**



**CHỦ DỰ ÁN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TIN**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	1
1.2. Tên dự án đầu tư:.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	2
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	3
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	6
1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư	6
1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án.....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	11
1.5.1 Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Dự án	11
1.5.2. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất	15
1.5.3. Nhu cầu lao động.....	15
1.5.4. Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án	15
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	17
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	21
4.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường.....	21
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	21
4.2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng	21
4.2.1.1. Giảm thiểu tác động do khí thải, bụi	21
4.2.1.2. Các biện pháp khống chế và giảm thiểu nước thải	27

4.2.1.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn	29
4.2.1.4. Khống chế ô nhiễm do tiếng ồn, rung	30
4.2.1.5. Giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường.....	30
4.2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	33
4.2.2.1. Giảm thiểu nguồn gây tác động có liên quan chất thải	33
4.2.2.2. Giảm thiểu nguồn gây tác động không liên quan chất thải	52
4.2.2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành	53
4.2.2.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khác.....	57
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	65
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	67
CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	70
CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	71
6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	71
6.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	71
6.1.2. Dòng nước thải	71
6.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa	71
6.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	71
6.1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	71
6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	73
6.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	73
6.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:	73
6.2.3. Lưu lượng xả thải tối đa	73
6.2.4. Phương thức xả thải.....	74
6.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	74
6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	74
6.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	74
6.3.2. Quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung	75
6.4. Quản lý chất thải rắn	75
6.4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:	75
6.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	76

CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	78
7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	78
7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.	78
7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	78
7.2. Chương trình quan chất thải định kỳ.....	79
7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	80
CHƯƠNG VIII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	81
CHƯƠNG IX. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	82

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KPH	:	Không phát hiện
KCN	:	Khu công nghiệp
L	:	Chiều dài
NT	:	Nước thải
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm của dự án	6
Bảng 1.2. Thống kê vật liệu xây dựng của dự án.....	7
Bảng 1.3. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng cho sản xuất.....	7
Bảng 1. 4. Đặc tính của các hóa chất sử dụng.....	8
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước	11
Bảng 1.6. Quy mô sử dụng đất.....	11
Bảng 1.7. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình	11
Bảng 1.8. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất.....	15
Bảng 1. 9. Nhu cầu lao động tại dự án	15
Bảng 4. 1. Bảng tổng hợp công trình xử lý khí thải tại dự án.....	34
Bảng 4. 2. Thông số kỹ thuật HTXL khu vực chà nhám, công suất 27.000 m ³ /giờ.....	36
Bảng 4. 3. Thông số kỹ thuật HTXL khí thải các dây chuyền sơn.....	42
Bảng 4. 4. Vị trí và số lượng bể tự hoại	46
Bảng 4.5. Tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án.....	47
Bảng 4.6. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường.....	47
Bảng 4.7. Danh mục các loại chất thải nguy hại.....	48
Bảng 4.8. Diện tích, kết cấu công trình chất thải rắn	50
Bảng 4.9. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	65
Bảng 4.10. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác	66
Bảng 4.11. Tổ chức quản lý chất lượng môi trường của nhà máy	67
Bảng 7. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	78
Bảng 7. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường.	78
Bảng 7. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.....	80

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất đồ gỗ tại dự án	3
Hình 1.2. Quy trình sản xuất linh kiện	5
Hình 1. 3. Vị trí, hiện trạng giao thông kết nối dự án (ảnh chụp vệ tinh).....	14
Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của dự án	14
Hình 4. 1. Hệ thống xử lý khí thải khu vực chà nhám, công suất 27.000 m ³ /giờ ...	35
Hình 4.2. Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn	41
Hình 4. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc	45
Hình 4.4. Sơ đồ thu gom nước mưa chung tại dự án	47

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Homer (Việt Nam)
- Địa chỉ văn phòng: số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật: ông CHEN,WEI-JEN; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 02513836532.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600737062 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 28/07/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/3/2026.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8716004861 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 28/7/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 10/04/2026.

1.2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất đồ nội thất giường, tủ, bàn, ghế với công suất 232.000 sản phẩm/năm tương đương 8.100 tấn sản phẩm/năm.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô của dự án đầu tư thuộc nhóm B dự án phân loại theo Luật Đầu tư Công (Tổng vốn đầu tư: 190.480.050.000 đồng (một trăm chín mươi tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng)).
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất đồ nội thất giường, tủ, bàn, ghế.
- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án thuộc nhóm III tại số thứ tự 2, Mục II, Phụ lục V của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.
- Yếu tố nhạy cảm: Dự án không thuộc đối tượng nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 6, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty đã thuê lại đất tại KCN Biên Hòa II theo Hợp đồng thuê đất số 120/HĐTĐ ngày 07/09/2010 với tổng diện tích 14.921,2 m². Trước đây, nhà máy đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 cho hoạt động “xưởng sản xuất ván ép, công suất 1.560.000 m² sản phẩm/năm”. Sau thời gian dài hoạt động, nhà xưởng đã xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu sản xuất. Do đó, Công ty đã thực hiện tháo dỡ nhà xưởng cũ và dự kiến đầu tư xây dựng lại nhà xưởng mới trên cùng khu đất thuê, đồng thời tận dụng một số hạng mục công trình phụ trợ hiện hữu còn phù hợp để phục vụ hoạt động sản xuất.

Theo định hướng phát triển, Công ty thực hiện điều chỉnh ngành nghề sản xuất từ ván ép sang sản xuất đồ nội thất. Do đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư bổ sung mục tiêu sản xuất đồ nội thất giường, tủ, bàn, ghế.

Dự án của Công ty là “Dự án đầu tư nhóm III” do đó không thuộc đối tượng làm báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình vận hành dự án có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức. Do vậy, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án theo mẫu 22c ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất đồ nội thất giường, tủ, bàn, ghế với công suất 232.000 sản phẩm/năm tương đương 8.100 tấn sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

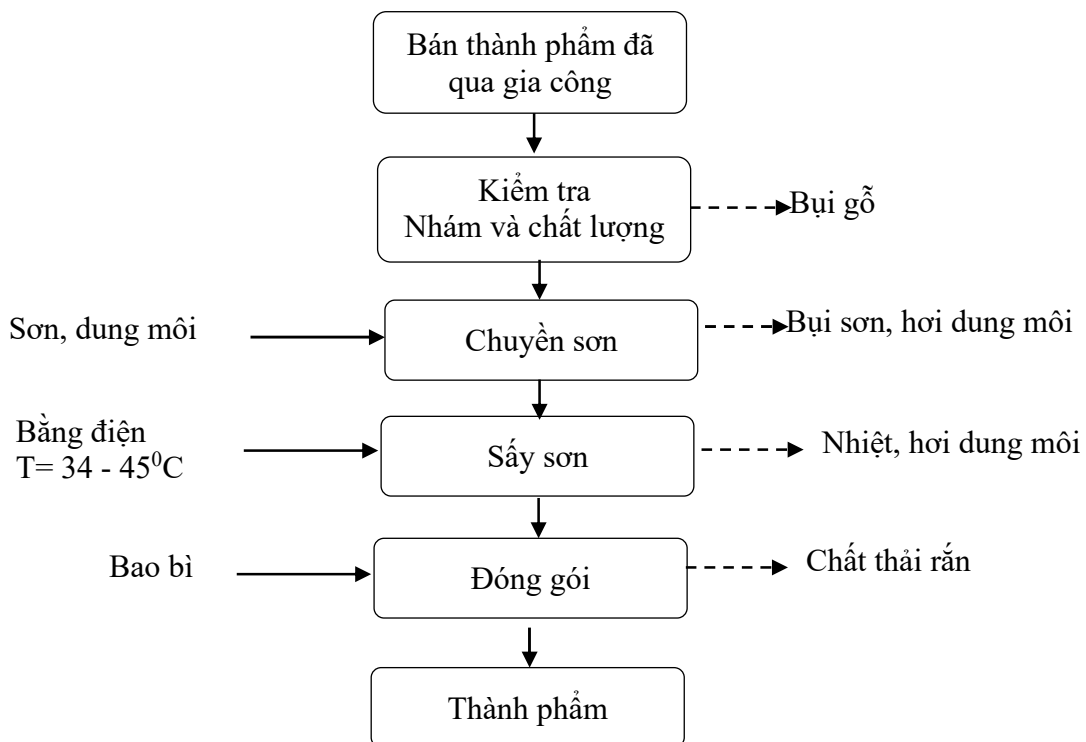
Quy trình sản xuất của nhà máy gồm 02 quy trình như sau:

(1) Quy trình sản xuất đồ gỗ

(2) Quy trình sản xuất linh kiện

Quy trình dự kiến sản xuất tại dự án như sau:

(1) Quy trình sản xuất đồ nội thất



Hình 1. 1. Quy trình sản xuất đồ nội thất

Thuyết minh quy trình:

Bán thành phẩm gỗ được cung ứng từ các cơ sở gia công bên ngoài và vận chuyển về nhà máy để thực hiện công đoạn hoàn thiện bề mặt trước khi xuất khẩu. Các bán thành phẩm này đã được gia công cơ bản như cắt, tạo hình, khoan lỗ liên kết và chà nhám sơ bộ, nên khi nhập về nhà máy chủ yếu thực hiện các công đoạn kiểm tra chất lượng và sơn hoàn thiện.

Trước tiên, các chi tiết gỗ được đưa vào công đoạn kiểm tra nhằm phát hiện các lỗi như cong vênh, nứt, trầy xước hoặc sai lệch kích thước. Trường hợp sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được trả lại cho đơn vị cung ứng, đồng thời bề mặt gỗ được chà nhám mịn để loại bỏ xơ gỗ và tạo độ nhẵn giúp lớp sơn bám dính tốt hơn.

Do bán thành phẩm không đạt chất lượng sẽ trả lại nhà cung ứng, chất thải công đoạn này chủ yếu là bụi mịn gỗ từ quá trình chà nhám.

Sau khi đạt yêu cầu, các chi tiết gỗ được chuyển sang dây chuyền sơn hoàn thiện. Công đoạn sơn được thực hiện theo phương pháp phun sơn bằng súng phun khí nén, được thực hiện tại các buồng sơn khô. Quá trình sơn gồm ba lớp sơn chính: lớp thứ nhất là sơn lót, có tác dụng bịt kín các lỗ rỗng của gỗ, tạo nền và tăng độ bám dính cho các lớp sơn tiếp theo; sau khi lớp sơn lót khô, sản phẩm được chà nhám nhẹ để làm phẳng bề mặt tiếp theo là lớp sơn lót trung gian, nhằm tăng độ dày lớp sơn, che phủ các khuyết điểm nhỏ trên bề mặt gỗ và tạo độ đồng đều màu sắc; cuối cùng là lớp sơn phủ hoàn thiện, có chức năng tạo màu sắc, độ bóng hoặc độ mờ theo yêu cầu của khách hàng, đồng thời bảo vệ bề mặt gỗ khỏi các tác động của môi trường như ẩm, trầy xước hoặc bụi bẩn. Trong quá trình phun sơn có phát sinh bụi sơn và hơi dung môi hữu cơ.

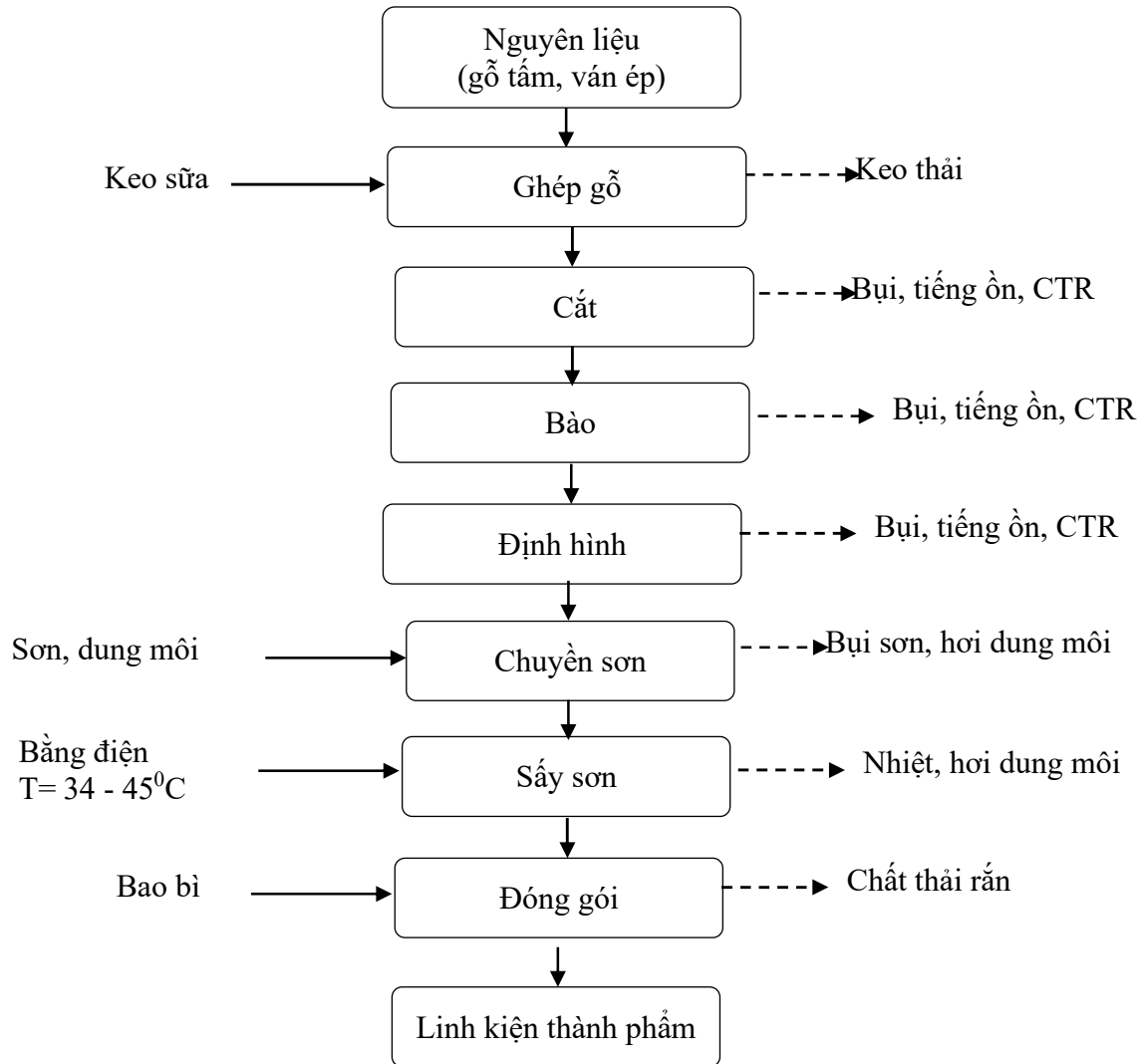
Sau khi hoàn thành công đoạn sơn, các chi tiết gỗ được đưa vào buồng sấy để làm khô lớp sơn. Hệ thống sấy sử dụng nguồn nhiệt bằng điện với nhiệt độ khoảng 34 – 45°C, giúp lớp sơn khô nhanh, tăng độ bám dính và độ bền của lớp sơn trên bề mặt gỗ. Sau khi lớp sơn khô hoàn toàn và đạt yêu cầu chất lượng, các chi tiết gỗ được chuyển sang công đoạn đóng gói.

Sản phẩm được đóng gói bằng các vật liệu như thùng carton, mút xốp, túi nilon và các vật liệu bảo vệ góc nhằm hạn chế hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Do sản phẩm được xuất khẩu theo dạng KD (Knock Down) nên các chi tiết gỗ không được lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh mà được đóng gói rời từng bộ phận trong thùng carton. Hình thức đóng gói này giúp giảm thể tích vận chuyển, tiết kiệm chi phí logistics và hạn chế hư hỏng trong quá trình vận chuyển đường dài. Sau khi đóng gói, sản phẩm được lưu kho và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, nơi người tiêu dùng hoặc nhà phân phối sẽ tiến hành lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh như giường, tủ, bàn hoặc kệ gỗ theo hướng dẫn kèm theo.

Dự án không thực hiện hoạt động lắp ráp sản phẩm theo dây chuyền quy mô lớn hoặc lắp ráp từ nhiều module độc lập. Tuy nhiên, trong quá trình hoàn thiện, có phát sinh công đoạn lắp ráp các chi tiết nhỏ, đơn giản như bản lề, tay nắm, vít, phụ kiện liên kết... nhằm hoàn chỉnh sản phẩm trước khi xuất xưởng.

(2) Quy trình sản xuất linh kiện

Do sản phẩm được xuất khẩu theo dạng KD (Knock Down) nên các chi tiết gỗ sẽ không lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh, do đó để hạn chế các trường hợp phát sinh lỗi trong quá trình lắp ráp tại nước nhập khẩu, trong mỗi bộ sản phẩm nhà máy thường bổ sung thêm một số linh kiện. Quy trình sản xuất như sau:



Hình 1.2. Quy trình sản xuất linh kiện

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính sử dụng là gỗ tấm và ván ép. Các loại gỗ này được nhập về từ các nhà cung cấp, đã qua xử lý sơ bộ và đạt yêu cầu về kích thước, độ ẩm và chất lượng trước khi đưa vào sản xuất. Nguyên liệu sau khi kiểm tra đạt yêu cầu sẽ được chuyển vào dây chuyền gia công để thực hiện các công đoạn ghép gỗ, cắt, bào và định hình nhằm tạo ra các linh kiện gỗ theo kích thước và hình dạng thiết kế của sản phẩm.

Công đoạn đầu tiên là ghép gỗ. Tại công đoạn này, các tấm gỗ hoặc thanh gỗ được ghép lại với nhau để tạo thành các tấm gỗ có kích thước lớn hơn theo yêu cầu sản xuất. Quá trình ghép gỗ sử dụng keo sữa (keo dán gỗ) để liên kết các bề mặt gỗ với nhau, sau đó các tấm gỗ được ép chặt nhằm đảm bảo độ bền liên kết.

Sau khi ghép gỗ, các tấm gỗ được chuyển sang công đoạn cắt. Tại đây, gỗ được cắt nhằm tạo ra các chi tiết gỗ có kích thước phù hợp với thiết kế sản phẩm.

Tiếp theo là công đoạn bào gỗ. Các chi tiết gỗ sau khi cắt sẽ được đưa vào máy bào để làm phẳng bề mặt và điều chỉnh độ dày của gỗ theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Công đoạn này giúp bề mặt gỗ nhẵn hơn và đảm bảo kích thước chính xác trước khi chuyển sang bước gia công tiếp theo.

Sau khi bào, các chi tiết gỗ được chuyển sang công đoạn định hình. Đây là công đoạn gia công cuối cùng trong quy trình, nhằm tạo hình chi tiết gỗ theo thiết kế của sản phẩm, chẳng hạn như bo cạnh, soi rãnh, khoan lỗ liên kết hoặc tạo các chi tiết trang trí. Các chi tiết gỗ đạt yêu cầu sẽ trở thành linh kiện thành phẩm. Các linh kiện này được kiểm tra lại về kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt trước sau đó chuyển sang dây chuyền sơn, sấy sơn (các công đoạn này tương tự quy trình sản xuất đồ gỗ).

Sau khi hoàn thiện, các linh kiện gỗ sẽ được đóng gói riêng lẻ cùng với phụ kiện lắp ráp của sản phẩm đồ gỗ để thuận tiện cho quá trình vận chuyển và lắp ráp tại nơi tiêu thụ.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Công suất sản phẩm/năm	Công suất tấn sản phẩm/năm
1	Các loại tủ	50.000	3.000
2	Giường, bàn, ghế	152.000	4.640
3	Thành giường	30.000	460
	Tổng cộng	232.000	8.100

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư

a. Khối lượng nguyên vật liệu cho giai đoạn xây dựng

Khối lượng nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất chính sử dụng trong công tác thi công Dự án được ước tính trong bảng sau:

Bảng 1.2. Thống kê vật liệu xây dựng của dự án

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng đơn vị vật liệu	Khối lượng (quy đổi ra tấn)
1	Cát mịn	m ³	100	1.380 kg/m ³	138
2	Cát vàng	m ³	50	1.450 kg/m ³	72,5
3	Gạch thẻ	Viên	12.000	1 kg/viên	12
4	Đá dăm các loại	m ³	158	1.500 kg/m ³	237
5	Xi măng các loại	Tấn	240	-	240
6	Sơn các loại	Tấn	25	-	25
7	Thép các loại	Tấn	1.500	-	1.500
8	Đinh các loại	Tấn	0,15	-	0,15
9	Que hàn	kg	100	-	0,1
10	Bê tông	Tấn	3.500	-	5
11	Gạch ceramic 40 x 40	viên	3.500	1,8 kg/viên	6
12	Chất chống thấm	kg	850	-	0,85
13	Bê tông nhựa nóng	Tấn	5	-	100
	Tổng				2.336,6

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

b. Khối lượng nguyên vật liệu cho giai đoạn hoạt động

Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư sử dụng cho hoạt động sản xuất được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.3. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng cho sản xuất

STT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi cung cấp
1	Gỗ, ván bán thành phẩm	Tấn/năm	7.000	Việt Nam
2	Gỗ thanh, ván ép	Tấn/năm	730	Việt Nam
3	Keo (*)	Tấn/năm	0,1	Việt Nam
4	Chất kết màu (*)	Tấn/năm	60	Việt Nam
5	Sơn (*)	Tấn/năm	331	Việt Nam
6	Dung môi pha sơn (*)	Tấn/năm	136	Việt Nam
7	Bao bì các loại	Tấn/năm	20	Việt Nam
	Tổng cộng		8.277,1	

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

Ghi chú: (*) dựa vào MSDS của dự án tóm tắt các đặc tính của hóa chất sử dụng như sau:

Bảng 1. 4. Đặc tính của các hóa chất sử dụng

STT	Hóa chất	Thành phần hóa học	Đặc tính hóa lý
1	Keo Sữa 560	35%: Vinyl Acetate Copolymer 9,7%: polyvinyl alcohol 0,3%: 1,2- benzisothiazolin-3-one 55%: nước	Trắng nhũ tương, mùi nhẹ, tan trong nước
2	NC Sơn bóng trong chống ngả vàng	20-25%: Resin 50-52%: Butyl Acetate 15-18%: Nitrocellulose 1-3%: Light stabilizer 1-2%: Matting Powder	Chất lỏng, mùi thơm, màu vàng nhạt, không tan trong nước
3	Sơn màu	65-70%: Butyl Acetate 30-35%: Dye Pigment	Chất lỏng, mùi đặc trưng, không tan trong nước
4	Sơn nước	5-8%: Chất trợ tạo màng 30-33%: sắc đỏ 54,4-57%: nước 10,6-12,3%: phụ gia	Chất lỏng, màu trắng và đục mờ, rất ít mùi
5	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/NC Sơn lót trắng	20-25%: Resin 35-40%: Butyl Acetate 15-20%: Titanium Dioxide 5-10%: Filler 15-20%: Nitrocellulose	Chất lỏng, mùi thơm, màu trắng, không tan trong nước
6	Dầu giả bụi	98-100%: White gasoline	Chất lỏng, mùi thơm, màu trắng, không tan trong nước, tan trong dung môi hữu cơ
7	NC Sơn lót trong	20-25%: Resin 35-40%: Butyl Acetate 5-10%: Filler 20-25%: Nitrocellulose	Chất lỏng, mùi thơm, màu trắng, không tan trong nước
8	NC Sơn bóng màu	20-25%: Resin 20-25%: Butyl Acetate 25-30%: Titanium Dioxide 15-20%: Nitrocellulose	Chất lỏng, mùi thơm, màu trắng, không tan trong nước
9	Các tinh màu GLAZE	15-20%: Solvent 100 30-35%: Pigment 40-45%: Resin	Chất lỏng, mùi thơm, sệt, không tan trong nước
10	Sơn Bóng Trắng Chống biến vàng Hệ Nước	65-70%: Resin 20-25%: Titanium Dioxide 8,9-10%: Nước 6,3-7,3%: Waterborne Additive	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
11	Sơn Lót trong Hệ Nước	75-80%: Resin 15,7-17%: Nước 6,3-7,3%: Waterborne Additive	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
12	Sơn Lót BASE WASH COAT	50-55%: Resin 30-40%: Ethanol 10-15%: Nước	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi

		1,3-2%: Waterborne Additive	
13	Sơn bóng trong hệ nước	60-65%: Resin 10-15%: Nước 1,3-2%: Waterborne Additive	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
14	Sơn Glaze hệ nước	30-35%: Raped drying resin 2-35%: PG 27,7-30%: Nước 5,8-6%: Waterborne Additive	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
15	Topcoat màu chỉ định hệ nước	55-65%: resin 1,5-3,5%: Titanium Dioxide 8,9-10%: Nước 1,5-3,5%: Waterborne Additive	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
16	Dầu chuối DURO hệ nước	98-98,5: Ethanol	Chất lỏng, màu trắng sữa, rất ít mùi
17	Dầu Chuối Pha Màu	65-70%: Butyl Acetate 25-30%: Propylene glycol monomethyl ether acetate	Chất lỏng, mùi chuối đặc trưng, ít tan trong nước
18	Dầu Chuối bóng	75-80%: Butyl Acetate 15-25%: CAC	Chất lỏng, mùi chuối đặc trưng, ít tan trong nước

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

Bảng cân bằng vật chất:

Stt	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng nguyên liệu đầu vào Tấn/năm	Lượng hao hụt (%)	Thành phẩm Tấn/năm	Chất thải phát sinh Tấn/năm	Ghi chú
1	Gỗ, ván bán thành phẩm	Tấn/năm	7.000	1	8.100	70	CTR
2	Gỗ thanh, ván ép	Tấn/năm	730	10		73	CTR
3	Keo	Tấn/năm	0,1	10		0,01	Keo thải
4	Sơn, chất tạo màu, dung môi	Tấn/năm	527	6		32,1	Sơn, dung môi thải, khí thải
5	Bao bì các loại	Tấn/năm	20	10		2	CTR
	Tổng cộng		8.277,1		8.100	177,1	

1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của dự án

a) Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

* Nguồn cung cấp điện: Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thông qua mạng lưới cấp điện của KCN Biên Hòa 2.

* Nhu cầu điện tiêu thụ của nhà máy dự kiến khoảng 80.000 kW/tháng phục vụ cho hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt.

b) Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

*** Nguồn cung cấp nước:**

Nguồn nước cấp của nhà máy là nguồn nước chung do KCN Biên Hoà 2 cung cấp, đây là nguồn nước cấp từ Nhà máy nước Đồng Nai.

*** Nhu cầu sử dụng nước**

(1) Nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt:

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.10.2), lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày đêm. Dự án sử dụng 250 lao động làm việc 3 ca/ngày.

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 250 \text{ người} = 20 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Công ty đặt suất ăn công nghiệp bên ngoài, không thực hiện nấu ăn tại nhà xưởng nên không sử dụng nước nấu ăn.

(2) Nước sử dụng cho quá trình sản xuất: Công ty không sử dụng nước trong quá trình sản xuất.

(3) Nước sử dụng cho hoạt động tưới cây, rửa đường:

- Theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD (chủ đầu tư sẽ thực hiện việc quản lý cây xanh và làm rõ nhu cầu nước tưới cây xanh, rửa đường).

$$+ Q_{tc} = 3 \text{ lít/m}^2 \times 3.000,12 \text{ m}^2 = 9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

$$+ Q_{\text{đường, sân bãi}} = 0,5 \text{ lít/m}^2 \times 3.046,21 = 1,5 \text{ (m}^3/\text{ngày)}$$

(4) Lượng nước dự phòng để phục vụ công tác PCCC:

Tính toán lượng nước dự trữ cần thiết dự phòng cho công tác chữa cháy (hoặc diễn tập PCCC) cần thiết theo TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy nhà và công trình – yêu cầu kỹ thuật, định mức nước chữa cháy bằng 20 lít/s/đám cháy; lượng nước cần dự trữ chữa cháy trong 1 giờ liên tục: 1 đám cháy $\times$ 20 lít/s $\times$ 3,6 $\times$ 1 giờ = 72 m³ (trong đó: giả thiết số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy; lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 20 lít/s).

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Hạng mục	Định mức	Số lượng	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	Phương án xử lý
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	80 lit/người/ngày	250	20	Xả thải 100% dẫn về HTXLNTTT của KCN
2	Nước tưới cây	3lít/m ²	2.898,6 m ²	8,7	Không xả thải
3	Nước tạo ẩm đường nội bộ, rửa đường	0,5 lít/m ²	2.926,83 m ²	1,5	Không xả thải
Tổng cộng				30,2	

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1 Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Dự án

Công ty đã thuê lại đất của KCN Biên Hòa II theo hợp đồng thuê đất số 120/HĐTD ngày 12/10/2010 với tổng diện tích là 14.921,2 m² và đã đi vào hoạt động từ năm 2005. Nhà máy đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 1764/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 đối với hoạt động “Xưởng sản xuất ván ép, công suất 1.560.000 m² sản phẩm/năm”. Do nhà máy đã hoạt động trong thời gian dài, hiện trạng nhà xưởng đã xuống cấp nhà máy đã tiến hành tháo dỡ nhà xưởng cũ. Dự kiến nhà máy sẽ xây dựng lại nhà xưởng mới và tận dụng lại một số hạng mục phụ trợ hiện hữu để phục vụ cho hoạt động sản xuất tại nhà máy.

Quy mô sử dụng đất của toàn Công ty và các hạng mục công trình sau khi xây dựng mới cụ thể như sau:

Bảng 1.6. Quy mô sử dụng đất

STT	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Xây dựng công trình	8.869,87	59,44
2	Cây xanh	3.058	20,49
3	Giao thông, sân bãi	2.808,48	18,83
Tổng cộng		14.921,2	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

Bảng 1.7. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Công trình xây dựng			

I	Các công trình chính			
1	Nhà xưởng	7.523,3	50,42	Xây mới
II	Các công trình phụ trợ			
1	Nhà làm việc	370,2	2,48	Xây mới
2	Nhà ăn công nhân	108	0,72	Cải tạo hiện trạng (*)
3	Nhà ăn nhân viên	120	0,80	
4	Nhà để xe Oto	60	0,40	Xây mới
5	Nhà để xe máy	332	2,23	Xây mới
6	Phòng máy phát điện	9	0,06	Xây mới
7	Nhà bảo vệ 01	40,8	0,27	Xây mới
8	Nhà bảo vệ 02	11,25	0,08	Xây mới
9	Văn phòng xưởng	157,32	1,05	Xây mới
10	Nhà vệ sinh 01	75	0,50	Xây mới
11	Nhà vệ sinh 02	24	0,16	
12	Nhà Bơm	24	0,16	Xây mới
13	Trạm biến áp	25,85	0,17	Xây mới
14	Bể nước ngầm	-	-	Xây mới
15	Nhà để máy phát điện	9	0,06	Xây mới
III	Các công trình môi trường			
1	Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	16	0,11	Xây mới
2	Khu lưu giữ chất thải nguy hại	16	0,11	Xây mới
3	Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt	16	0,11	Xây mới
4	Hệ thống hút, xử lý bụi sơn	108	0,72	Xây mới
5	Hệ thống hút, xử lý bụi dăm bào	18	0,12	Xây mới
B	Diện tích cây xanh, thảm cỏ	3.058	20,49	
C	Đường giao thông nội bộ	2.808,48	18,83	
TỔNG CỘNG		14.921,2	100	

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

Ghi chú: Đối với hạng mục cải tạo Công ty đã có văn bản số 674/KCNKKT-QHXD ngày 4/2/2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc sửa chữa, cải tạo công trình của Công ty TNHH Homer tại KCN Biên Hòa 2.

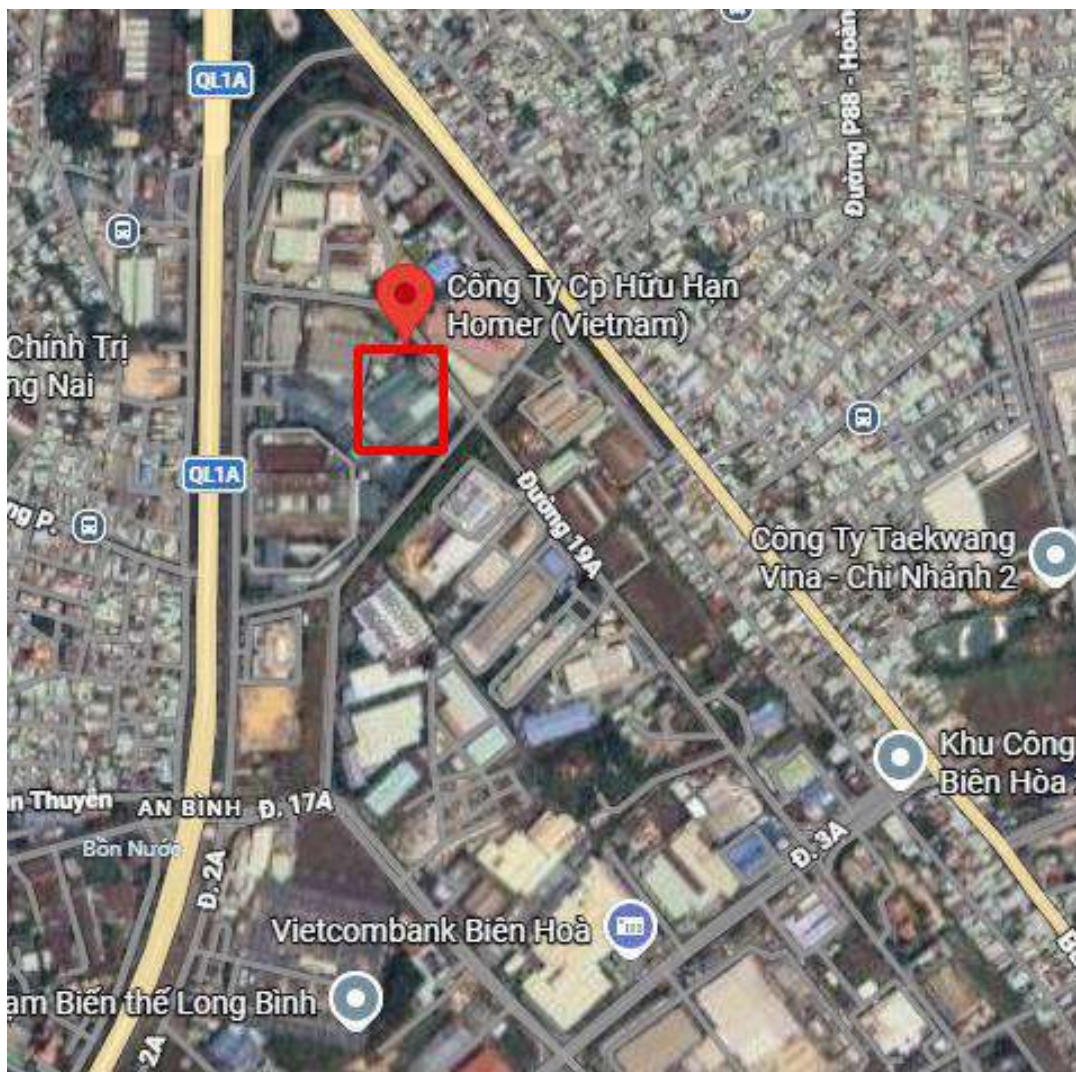
❖ Vị trí của dự án:

- Công ty được thực hiện tại số 2, đường số 19, KCN Biên Hòa II A, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích 14.921,2 m².

Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường số 19A sau đó đến Công ty TNHH may mặc CIVIC.
- Phía Nam: Giáp Công ty Việt Nhật Việt.
- Phía Đông: Giáp Công ty Kỹ Nghệ Số ASY Việt Nam.
- Phía Tây: Giáp Công ty Cổ phần C.P Việt Nam.

Vị trí dự án như sau:



Hình 1. 3. Vị trí, hiện trạng giao thông kết nối dự án (ảnh chụp vệ tinh)

Hình ảnh hiện trạng của dự án:



Hình 1. 4. Hình ảnh hiện trạng của dự án

1.5.2. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.8. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

Stt	Tên máy	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng	Mục đích sử dụng
1	Thiết bị sơn tĩnh điện	3	Việt Nam	100%	Sơn
2	Máy xịt sơn tự động	2	Việt Nam	100%	Sơn
3	Máy xịt nan tiện	1	Việt Nam	100%	Sơn
4	Máy bào 4 mặt	3	Việt Nam	80%	Bào liệu
5	Máy cắt 2 đầu	2	Việt Nam	80%	Cắt liệu
6	Máy chà nhám sơn lót	6	Việt Nam	100%	Chà nhám
7	Máy lắp ráp	20	Việt Nam	100%	Lắp ráp linh kiện
8	Xe nâng	4	Việt Nam	100%	Vận chuyển
9	Máy nhiều lưỡi	2	Việt Nam	100%	Cắt, định hình

(Nguồn: Công ty TNHH Homer (Việt Nam))

1.5.3. Nhu cầu lao động

Bảng 1. 9. Nhu cầu lao động tại dự án

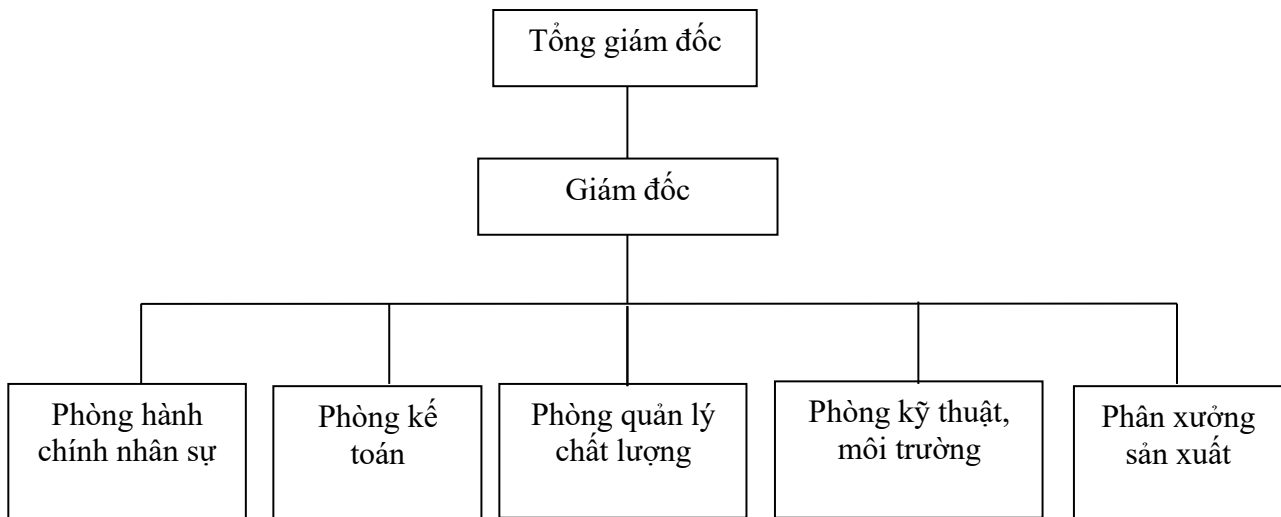
STT	Nhu cầu lao động	Số lượng
1	Lao động nhà máy	250
2	Số ca làm việc	1 ca/ngày (ca 8giờ)
3	Số ngày làm việc	6 ngày/tuần

1.5.4. Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án

- Tổng vốn đầu tư dự án: 79.600.000.000 đồng.
- Tiến độ thực hiện dự án:
 - Tháng 03-05/2026: Hoàn thành các thủ tục hành chính liên quan đầu tư, môi trường, xây dựng;
 - Tháng 06/2026-12/2026: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị;
 - Tháng 01-06/2027: Vận hành thử nghiệm;
 - Tháng 07 năm 2027: Dự án chính thức đi vào hoạt động.

Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty:



Công ty TNHH Homer (Việt Nam) là đơn vị kinh tế độc lập, chủ động hoàn toàn về mặt tài chính, thực hiện ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có tư cách pháp nhân theo đúng quy định của Nhà nước.

Tổ chức quản lý và thực hiện dự án: chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện dự án. Dự án sẽ bố trí nhân sự cho công tác bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

- + Chịu trách nhiệm chính: Giám đốc (01 người)
- + Chịu trách nhiệm về vận hành và quản lý công tác thực hiện bảo vệ môi trường: 01 người có trình độ Cao đẳng chuyên ngành môi trường trở lên.

Lao động làm việc trong dự án được lựa chọn chủ yếu là lực lượng lao động người địa phương. Thu nhập của người lao động được trả theo hình thức lương tháng. Công ty luôn tuân thủ các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, về chiến lược và quan điểm phát triển, tinh ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp sinh học, y tế, dịch vụ logistics và các khu công nghiệp chuyên ngành; do vậy về mặt định hướng phát triển ngành, dự án của bạn có tính phù hợp chiến lược cao nếu đặt trong các khu công nghiệp.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án nằm trong KCN Biên Hòa 2, thuộc vùng khác, khí thải từ hoạt động dự án phải xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

Về quy hoạch xây dựng: tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án nằm trong khu vực đã được quy hoạch theo Quyết định 3366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp.

- Sự phù hợp của dự án với quy định khác

Vị trí cơ sở thực hiện tại KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Đồng Nai.

KCN Biên Hòa 2 là KCN tập trung đa ngành nghề, bao gồm các loại hình công nghiệp theo Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ngành nghề đầu tư vào KCN Biên Hòa 2 như: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Sản xuất và chế

biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Sản xuất sản phẩm thuốc lá; Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; In ấn và dịch vụ liên quan đến in; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; Sản xuất nước đá; Truyền tải và phân phối điện; Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Bưu chính và chuyển phát; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Về ngành nghề hoạt động của nhà máy đảm bảo phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Biên Hoà 2 theo Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024 cho phép Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của KCN Biên Hoà 2 tại phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Biên Hòa 2, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu, KCN đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024.

Hiện tại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN Biên Hoà 2 đã được đầu tư hoàn thiện, bao gồm hệ thống đường giao thông đối ngoại và đối nội, hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống thu gom nước mưa, thu gom nước thải. KCN Biên Hoà 2 cũng đã xây dựng hoàn thiện Trạm xử lý nước thải tập trung, với công suất 8.000 m³/ngày.đêm, đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của toàn bộ KCN nói chung và của dự án nói riêng.

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của KCN. Trong tổng số 123 doanh nghiệp:

- Đầu nối nước thải vào NM XLNTTT Biên Hòa II: 122 doanh nghiệp đầu nối (trong đó: 118 doanh nghiệp ký hợp đồng xử lý nước thải, 04 doanh nghiệp thuê lại xưởng của các doanh nghiệp hiện hữu nước thải phát sinh của các doanh nghiệp này đầu nối chung tại cùng 01 vị trí đầu nối với đơn vị cho thuê nhà xưởng (gồm: Công ty TNHH Harada Industries Việt Nam, Công ty TNHH Mỹ An Phú và Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nam Hoa Lư cùng thuê lại nhà xưởng của Công ty TM DV Phú Nam Thắng; Công ty TNHH Gomuya Việt Nam thuê nhà xưởng Công ty TNHH Daisin Việt Nam).

- Doanh nghiệp tự xử lý nước thải và được cấp Giấy phép môi trường: 01 doanh nghiệp (Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa)).

- Nước thải của các doanh nghiệp trong KCN Biên Hòa II đầu nối về nhà máy XLNTTT: 5.373 m³/ngày.đêm. Đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án với lưu lượng xả thải tối đa khoảng 20 m³/ngày.đêm.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Như đã trình bày, dự án nằm trong KCN Biên Hòa 2 đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, do đó căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, được Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 thì dự án không phải thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án.

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

Theo quy định tại Mẫu số 22c ban hành theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Đây là dự án nhóm III, do đó không phải thực hiện nội dung đánh giá, dự báo tác động môi trường.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng.

4.2.1.1. Giảm thiểu tác động do khí thải, bụi

a) Giảm thiểu ô nhiễm do bụi từ quá trình xây dựng

Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xung quanh khu vực thi công sẽ được che chắn bằng tường tạm (gỗ, ván, tôn...) và lưới che chắn.

- Khi bốc dỡ nguyên vật liệu, trang bị bảo hộ lao động để hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

- Hạn chế vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm. Hạn chế vận chuyển vào giờ có mật độ người qua lại cao.

- Các loại vật tư như cát, đá tập kết cho công trình được chứa trong các bãi chứa trung chuyển đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý để rút ngắn thời gian thi công như áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu, áp dụng trình tự thi công hợp lý giữa các hạng mục công trình cơ bản trước sau để bảo đảm rút gọn thời gian thi công, an toàn giao thông và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải, ứ đọng, ngập úng, sinh lầy... trên công trường.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, khẩu trang, mắt kính, găng tay da,... nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân thi công.

b) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải, bụi từ quá trình thi công, vận chuyển

Khí thải từ các phương tiện giao thông và các máy móc, thiết bị phục vụ cho xây dựng của dự án là nguồn ô nhiễm phân tán và rất khó kiểm soát. Để hạn chế các tác động từ nguồn ô nhiễm trên, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc phải sử dụng đúng thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế. Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%S).

- Các xe vận chuyển không chở quá 90% thể tích của thùng xe và được bao phủ kín khi vận chuyển, đảm bảo không để tình trạng rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, các xe vận tải sẽ có bạt phủ kín tránh rơi vãi xi măng, cát, đất, đá ra đường, không chở quá trọng tải của xe, hạn chế rơi vãi dọc đường và có biện pháp chế tài để bắt buộc các phương tiện phải tuân thủ yêu cầu của công trình.

- Các phương tiện đi vào khu vực dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe trong quá trình bốc dỡ các loại máy móc, thiết bị. Sau khi hoàn thành thì mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Quy định chế độ xe ra vào khu vực hợp lý. Yêu cầu các xe ra vào phải giảm tốc độ dưới 10km/giờ.

- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

- Các phương tiện sử dụng trong vận chuyển và thi công phải đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và thay thế các linh kiện hư hỏng đảm bảo xe luôn vận hành trong tình trạng tốt nhất.

c) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do phương tiện vận chuyển vật liệu và chất thải ra khỏi công trường

Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị và chất thải xây dựng ra vào công trường có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi

trường đất và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực dự án. Để hạn chế và kiểm soát các tác động này, chủ dự án sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu như sau:

1. Kiểm soát bụi phát tán trong quá trình vận chuyển

Tất cả các phương tiện vận chuyển vật liệu rời như cát, đá, đất, xà bần từ quá trình tháo dỡ nhà xưởng phải được che phủ kín bằng bạt chắc chắn để ngăn ngừa bụi và vật liệu rơi vãi ra môi trường xung quanh trong quá trình di chuyển.

Thiết lập hệ thống bể rửa xe hoặc bố trí khu vực rửa xe tại cổng ra vào công trường để rửa sạch bánh xe, gầm xe và thân xe trước khi rời công trường, nhằm ngăn chặn việc mang theo đất cát ra đường giao thông công cộng.

Phun nước thường xuyên lên các tuyến đường nội bộ trong khu vực công trường, đặc biệt là những đoạn đường có mật độ xe vận chuyển cao hoặc vào các thời điểm trời nắng, hanh khô, gió lớn để kiểm soát bụi phát sinh do ma sát.

Các tuyến đường nội bộ phục vụ vận chuyển phải được lát bê tông hoặc nhựa hóa nhằm giảm thiểu bụi đất do phương tiện lưu thông tạo ra. Đồng thời, phải được vệ sinh định kỳ để đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ.

2. Kiểm soát khí thải phương tiện

Yêu cầu các phương tiện tham gia vận chuyển vật liệu và chất thải phải có giấy đăng kiểm còn hiệu lực, sử dụng nhiên liệu sạch và được bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo khí thải phát sinh không vượt quá quy chuẩn.

Chủ đầu tư sẽ ưu tiên lựa chọn các phương tiện vận chuyển hiện đại, ít tiêu hao nhiên liệu, phát thải thấp để giảm thiểu lượng khí ô nhiễm như CO, NO_x, SO_x, bụi mịn (PM_{2.5}, PM₁₀) phát tán ra môi trường.

Kiểm tra thường xuyên tình trạng kỹ thuật của phương tiện, đặc biệt là bộ xử lý khí thải (bộ xúc tác) nhằm đảm bảo hiệu quả giảm phát thải trong suốt quá trình vận hành.

3. Kiểm soát tiếng ồn và rung động

Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn quy chuẩn (QCVN 26:2025/BTNMT), không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh, đặc biệt vào buổi sáng sớm và ban đêm.

Sử dụng các loại xe tải có đệm chống rung, hệ thống giảm thanh tốt, hạn chế va đập mạnh hoặc còi xe quá lớn.

4. Biện pháp quản lý và vận chuyển chất thải rắn xây dựng

Đối với loại chất thải rắn không tái sử dụng được từ tháo dỡ sẽ được xử lý thông qua hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý có chức năng theo quy định. Trong trường hợp có rơi vãi, bố trí công nhân tiến hành vệ sinh, không dọn vệ sinh vào các khung giờ cao điểm.

Chất thải rắn xây dựng, vật liệu dư thừa sẽ được thu gom phân loại tại công trường, sau đó vận chuyển đến khu vực lưu chứa tạm thời có mái che, tường bao quanh trước khi chuyển ra khỏi công trường.

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định. Các phương tiện vận chuyển phải có đầy đủ giấy phép vận chuyển chất thải theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5. Tổ chức và điều phối giao thông hợp lý

Bố trí nhân sự điều tiết giao thông tại các cổng ra vào công trường, nhằm hướng dẫn xe ra vào đúng tuyến, đảm bảo an toàn giao thông và tránh xảy ra va chạm với phương tiện dân sinh.

Phối hợp với chính quyền địa phương để phân luồng giao thông, điều chỉnh thời gian vận chuyển vào những giờ thấp điểm để tránh ùn tắc, giảm xung đột giao thông với người dân xung quanh.

Lắp đặt biển báo, vạch sơn, gờ giảm tốc tại các vị trí nguy hiểm để đảm bảo an toàn cho các phương tiện ra vào công trình và người đi bộ.

d) Không chế ô nhiễm do hàn, cắt cơ khí

Như đã trình bày tại phần trên, tải lượng tải lượng khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, cắt tương đối thấp và chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến những công nhân và thợ hàn làm việc tại khu vực này. Tuy nhiên hoạt động này diễn ra trong thời gian ngắn, phạm vi ảnh hưởng hẹp và chủ đầu tư kết hợp cùng với đơn vị thầu sẽ trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực này như nón, mặt nạ hàn, mắt kính, găng tay da, yếm da, khẩu trang chống bụi,... nên ảnh hưởng là không đáng kể.

Ngoài ra, để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện biện pháp che chắn xung quanh công trình đang xây dựng nhằm ngăn ngừa bụi và khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

- Dùng quạt để phân tán khí thải từ khu vực gia công hàn, cắt nhằm tránh khí thải tập trung ảnh hưởng đến công nhân hàn.

e) Không chế ô nhiễm do quá trình sơn, chà nhám

❖ Giảm thiểu bụi từ hoạt động chà nhám

Trong quá trình hoàn thiện công trình xây dựng, công đoạn chà nhám và đánh bóng tường là một bước không thể thiếu nhằm tạo độ phẳng, mịn cho bề mặt trước khi sơn. Tuy nhiên, quá trình này lại phát sinh một lượng lớn bụi mịn (chủ yếu là bụi PM2.5 và PM10) từ vật liệu bột bả, vữa, thạch cao... Bụi phát sinh trong giai đoạn chà nhám thường có kích thước rất nhỏ, dễ phát tán vào không khí, khó lắng đọng trong thời gian ngắn và có thể tồn tại lơ lửng trong môi trường thi công. Nếu không được kiểm soát hiệu quả, bụi từ công đoạn này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp thi công, gây các bệnh về hô hấp, kích ứng da, mắt; đồng thời cũng gây ô nhiễm không khí trong khu vực xung quanh công trình, đặc biệt nếu khu vực thi công nằm gần khu dân cư hoặc trong không gian kín.

Để giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh trong công đoạn chà nhám, cần áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, tổ chức thi công hợp lý và đảm bảo vệ sinh môi trường. Cụ thể, cần ưu tiên sử dụng các máy chà nhám chuyên dụng có tích hợp hệ thống hút bụi tại nguồn. Các loại máy này thường được thiết kế đi kèm túi chứa bụi hoặc bộ lọc bụi HEPA có khả năng thu giữ hiệu quả các hạt bụi siêu mịn, giúp giảm thiểu lượng bụi phát tán ra môi trường trong quá trình thi công. Đồng thời, cần thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị để đảm bảo hiệu suất hoạt động ổn định, thường xuyên thay thế túi lọc hoặc vệ sinh bộ lọc để tránh hiện tượng bụi bị thổi ngược trở lại không khí.

Bên cạnh đó, việc tổ chức thi công theo từng khu vực nhỏ, có che chắn bằng rèm nhựa mềm hoặc vách ngăn tạm thời cũng là giải pháp hữu hiệu nhằm khoanh vùng khu vực phát sinh bụi, tránh lan tỏa ra các khu vực khác. Trong điều kiện cho phép, có thể áp dụng phương pháp chà nhám ẩm (wet sanding), sử dụng khăn ẩm hoặc bình phun sương nhẹ để làm ẩm bề mặt trước khi chà nhám, giúp giảm lượng bụi bay lên không khí. Kết thúc mỗi ca thi công, bụi cần được thu gom ngay bằng máy hút bụi công nghiệp thay vì quét khô – vì quét khô sẽ dễ làm bụi phát tán ngược trở lại môi trường. Toàn bộ chất thải bụi phải được thu gom, lưu giữ đúng quy định, tránh tồn lưu trong khu vực thi công.

Ngoài ra, việc bảo vệ sức khỏe cho công nhân cũng cần được đặc biệt quan tâm. Các biện pháp bắt buộc gồm: trang bị khẩu trang chống bụi đạt tiêu chuẩn (N95 hoặc tương đương), kính chắn bụi, găng tay và quần áo bảo hộ; đồng thời tổ chức thời gian làm việc hợp lý để hạn chế tiếp xúc kéo dài với môi trường bụi.

Để đảm bảo kiểm soát tốt lượng bụi phát sinh, chủ đầu tư thiết lập hệ thống giám sát chất lượng không khí tại khu vực thi công, thực hiện đo lường bụi lơ lửng định kỳ, đặc biệt tại các khu vực gần dân cư. Việc theo dõi, ghi chép tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị thu gom bụi, cũng như tiếp nhận các phản ánh từ cộng đồng dân cư xung quanh là cần thiết để có biện pháp xử lý kịp thời. Với các biện pháp trên, tác động tiêu cực của bụi từ công đoạn chà nhám, đánh bóng tường có thể được kiểm soát hiệu quả, góp phần đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường xung quanh.

❖ Không chế ô nhiễm do quá trình sơn

Như đã trình bày tại phần trên, tải lượng tải lượng khí thải phát sinh từ công đoạn sơn hoàn thiện nhà máy tương đối thấp và chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến những công nhân và thợ sơn làm việc tại khu vực này. Tuy nhiên hoạt động này diễn ra trong thời gian ngắn, phạm vi ảnh hưởng hẹp và chủ đầu tư kết hợp cùng với đơn vị thầu sẽ trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực này như nón, khẩu trang bằng than hoạt tính, mắt kính,... nên ảnh hưởng là không đáng kể.

Ngoài ra, để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện biện pháp che chắn xung quanh công trình đang xây dựng nhằm ngăn ngừa bụi và khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

- Để giảm thiểu các rủi ro trên, cần áp dụng đồng bộ nhiều nhóm giải pháp hiệu quả. Trước hết, về lựa chọn nguyên vật liệu, cần ưu tiên các loại sơn thân thiện môi trường, có hàm lượng VOC thấp theo tiêu chuẩn Green Label hoặc các chứng chỉ tương đương. Trường hợp không thể thay thế hoàn toàn bằng sơn gốc nước hoặc sơn không dung môi, cần lựa chọn các sản phẩm đạt chứng nhận phù hợp và công bố mức phát thải rõ ràng. Trong quá trình thi công, tổ chức sơn theo từng phân đoạn nhỏ, mỗi khu vực có thời gian xử lý riêng biệt, giúp giảm tải lượng VOC phát sinh cùng lúc. Đồng thời, hệ thống thông gió cưỡng bức cần được bố trí hợp lý, kết hợp giữa quạt cấp gió tươi và quạt hút công nghiệp để tạo dòng lưu thông không khí liên tục, đảm bảo khí độc được thải ra ngoài và nồng độ trong nhà

luôn ở ngưỡng an toàn. Ngoài thông gió ngang truyền thống, tận dụng phương pháp hút khí tầng cao (gần trần) – nơi VOC thường tích tụ nhiều nhất – để nâng cao hiệu quả xử lý.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng như khẩu trang, bao tay, đồ bảo hộ lao động.

- Toàn bộ công nhân tham gia thi công sơn được trang bị đầy đủ mặt nạ phòng độc có phin lọc hơi hữu cơ, găng tay chống hóa chất, kính bảo hộ và quần áo phù hợp. Huấn luyện và giám sát nghiêm ngặt việc sử dụng đúng cách trang bị bảo hộ cần được thực hiện thường xuyên, tránh tình trạng làm “qua loa” vì nắng nóng hoặc bất tiện. Sau mỗi ca thi công, sẽ tổ chức nghỉ ngơi ở khu vực thông thoáng, tránh để công nhân lưu lại lâu trong khu vực vừa sơn xong khi nồng độ VOC còn cao.

- Vật liệu sơn thừa, khăn lau dính sơn và bao bì chứa sơn cần được thu gom, lưu giữ theo đúng quy định đối với chất thải nguy hại.

4.2.1.2. Các biện pháp khống chế và giảm thiểu nước thải

a) Giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Quản lý tốt chất thải phát sinh tại khu vực nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước mưa gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

- Cử nhân viên thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

- Tăng cường nạo vét cát, đất chảy tràn vào các hố gas (nếu có), đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tốt.

- Kịp thời thay thế các nắp hố gas bị bể (nếu có) để hạn chế khả năng chất thải rơi xuống hố gas.

- Yêu cầu công nhân không được xả rác bừa bãi để tránh tình trạng rác thải bị lôi cuốn vào tuyến thoát nước mưa.

- Thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

b) Giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh không nhiều, khoảng 4,0 m³/ngày.đêm.

Chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng thuê nhà vệ sinh lưu động để phục vụ cho công nhân trong quá trình thi công xây dựng dự án, đây là biện pháp khả thi và thuận tiện nhất. Với số lượng công nhân tham gia xây dựng công trình là 50 người thì số lượng nhà vệ sinh lưu động khoảng 3 cái.

Tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải để đem đi xử lý.

Mặt khác, đơn vị thi công sẽ tổ chức địa điểm nghỉ ngơi và sinh hoạt cho công nhân tại vị trí khác công trường, để đảm bảo an toàn cho công nhân và vệ sinh môi trường cho khu vực xây dựng công trình.

c) Giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng với khối lượng thấp sẽ được tận dụng để san đầm nền móng. Do đó lượng nước thải này sẽ không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường. Vì vậy sẽ không ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận và không gây ngập úng tại khu vực dự án.

Quản lý tốt nguyên vật liệu xây dựng, chất thải phát sinh tại công trường xây dựng, nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

Tiến hành đào mương thoát nước bao quanh khu vực thi công. Xây dựng các hố ga lắng nước tạm thời dọc mương tiêu thoát nước mưa chảy tràn và nước thải xây dựng, để giảm thiểu bùn đất và chất ô nhiễm khác thải ra môi trường.

Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát vào đường thoát nước thải.

Tuy nhiên, để giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng của quá trình thi công đến môi trường và lân cận yêu cầu đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Sử dụng nước tiết kiệm trong quá trình thi công công trình, bảo dưỡng bê tông;
- Đảm bảo máy móc, thiết bị thi công an toàn môi trường, được che chắn để hạn chế tối đa rò rỉ dầu mỡ;
- Nước hố móng do mưa hoặc nước ngầm ngấm sẽ được bơm vào bể trữ, hố lắng đọng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung;
- Các đồng đất đá thải, vật liệu rời được để gọn gàng, che chắn cẩn thận tránh bị cuốn trôi khi gặp mưa, gió to;

- Có biện pháp thi công hợp lý, làm đến đâu xong đến đó, tránh tình trạng thi công dàn trải.

- Nước từ quá trình rửa xe, máy móc thiết bị thi công được dẫn vào bể lắng thể tích 5m³ để lắng, tách dầu nhớt, nước sau thời gian lắng được tận dụng để rửa xe.

- Nước tù đọng trong các ao đào xây dựng công trình cần được bơm hút vào hố thu gom trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

4.2.1.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân khi vào làm việc trong nhà máy.

- Lập nội quy công trường yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng chứa thích hợp trong khu vực dự án sau đó thu gom tại khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.

b) Chất thải công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh ra trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là các vật liệu xây dựng hỏng như xà bần, bê tông, gạch vỡ sẽ dùng san lấp mặt bằng, lót đường nội bộ trong dự án.

- Thu gom và phân loại giấy, sắt thép, nhựa, gỗ để bán phế liệu

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân khi vào làm việc trong nhà máy.

- Lập nội quy công trường yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải thông thường được thu gom tập trung tại khu vực lưu giữ chất thải thông thường với diện tích 20 m² và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

c) Chất thải nguy hại

Các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng bao gồm các loại chất thải nguy hại như: giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại (dầu, nhớt), bao bì cứng thải bằng nhựa hoặc kim loại (thùng

chứa dầu nhớt), ... Công ty sẽ có các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường như sau:

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác nguy hại tại khu vực quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân trước khi vào làm việc trong nhà máy.

- Có bảng hướng dẫn việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại. Thùng chứa có dán nhãn cho từng loại rác thải riêng biệt tại khu vực nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 5m².

- Kiểm soát nhà thầu trong quá trình thi công lắp đặt dây chuyền sản xuất, không được thải bỏ dầu nhớt vào hệ thống đường cống hay mương thoát nước chung của nhà máy.

Công ty sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.1.4. Không chế ô nhiễm do tiếng ồn, rung

Tiếng ồn gây tác động trực tiếp đến công nhân thi công. Tiếng ồn có thể át đi hiệu lệnh cần thiết, gây tai nạn cho công nhân. Để tránh tai nạn, cần giáo dục ý thức về an toàn lao động cho công nhân, đặt các biển cấm tại những nơi cần thiết. Để giảm mức ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Xe vận chuyển thiết bị, máy móc hoạt động vào thời gian thích hợp và khoảng cách hợp lý, không hoạt động tập trung. Hạn chế các nguồn gây tiếng ồn vào ban ngày làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

Các biện pháp khác:

- Đơn vị thi công sẽ sử dụng các phương pháp thi công mới có độ ồn thấp.
- Công nhân thi công trong khu vực tập trung nhiều máy móc, tiếng ồn cao phải được trang bị các thiết bị hỗ trợ chống ồn như nút bịt tai.

4.2.1.5. Giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường

a) Biện pháp an toàn lao động

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: nội quy ra, vào công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị; nội

quy trong quá trình bốc xếp, vận chuyển; nội quy về an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ.

- Thiết kế chiếu sáng cho những nơi cần làm việc ban đêm.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như in nội quy vào bảng treo tại công trường, lán trại; tổ chức học nội quy; nhắc nhở tại hiện trường.
- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.
- Lắp đặt biển cấm người qua lại khu làm việc của thiết bị nâng.
- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ.
- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bột, bình CO₂, cát, hồ nước, các khâu móc giắt...).
- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.
- Trường hợp xảy ra tai nạn lao động, ban an toàn lao động phải xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.
- Xây dựng phương án cấp cứu khẩn cấp khi xảy ra ốm đau nặng hay tai nạn nghiêm trọng tại công trường.
- Tổ chức cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện.

Đây là những biện pháp mang tính khả thi cao. Tuy nhiên, để thực hiện triệt để thì Chủ dự án phải có ý thức bảo vệ môi trường, coi trọng sự an toàn và sức khỏe của công nhân thi công trên công trường và ngay bản thân các công nhân cũng phải có ý thức tự bảo vệ mình tránh xảy ra các trường hợp đáng tiếc.

b) Khắc phục sự cố rò rỉ nhiên liệu, cháy nổ

Trên thực tế cho thấy các tác động của hoạt động này đến môi trường không khí cũng ít xảy ra, trừ khi xảy ra các sự cố rò rỉ, cháy nổ kho chứa nguyên, nhiên liệu. Các biện pháp phòng chống rò rỉ, phòng cháy chữa cháy (PCCC) như:

- Khu vực chứa nhiên liệu thoáng mát, an toàn, cách xa khu vực có nhiều công trình thi công.
- Sử dụng các dụng cụ chứa nhiên liệu phải ở trong tình trạng tốt, thường xuyên kiểm tra các nắp đậy, phát hiện rò rỉ.
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ chữa cháy là bình CO₂ còn hạn sử dụng và sẵn sàng ứng phó với các rủi ro.
- Hạn chế những người không phận sự vào khu vực chứa nhiên liệu, phải có người chuyên trách quản lý.
- Chỉ dự trữ nhiên liệu đủ để sử dụng.
- Tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ cho công nhân trước khi bắt đầu lắp đặt máy móc thiết bị.
- Bố trí máy móc, thiết bị, thứ tự các kho bãi, nguyên vật liệu một cách thích hợp. Đặc biệt không chứa nhiên liệu gần khu vực gia nhiệt hoặc có nhiều người qua lại.

c) An toàn giao thông trong giai đoạn thi công

Để phòng ngừa, ứng phó đối với rủi ro, sự cố tai nạn giao thông, Công ty sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Các loại xe tải tham gia vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị cho dự án phải có giấy đăng kiểm, lái xe phải có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ.
- Bố trí người làm tín hiệu quay đầu hoặc khi lùi xe.
- Chạy đúng tốc độ quy định trong khu vực công trường.
- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển cũng như các máy móc thiết bị thi công trên công trường, không sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị không bảo đảm an toàn.
- Không để người qua lại khu vực đang thi công.

b) Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

Để hạn chế ô nhiễm nhiệt tác động lên sức khỏe của công nhân, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, mũ nón, găng tay, khẩu trang,...

- Sắp xếp, bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

4.2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.2.1. Giảm thiểu nguồn gây tác động có liên quan chất thải

a. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a.1) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Điều tiết và hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án để giảm lượng bụi trong không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ môi trường không khí trong một thời gian.

- Bê tông hóa các sân đường nội bộ trong phạm vi nhà máy. Đồng thời trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như: SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe...

a.2) Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sản xuất

Dự án sẽ bố trí các hệ thống xử lý khí thải cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Bảng tổng hợp công trình xử lý khí thải tại dự án

STT	Công trình xử lý	Quy trình xử lý	Công suất (m ³ /h)
I	Hệ thống xử lý bụi công đoạn chà nhám		
1	01 hệ thống xử lý bụi công đoạn chà nhám	Bụi → Ống dẫn → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút ly tâm → Ống thải	27.000
II	Hệ thống xử lý bụi công đoạn bào, cắt		
1	01 hệ thống xử lý bụi công đoạn bào, cắt	Bụi → Ống dẫn → Thiết bị lọc bụi Cyclone → Quạt hút ly tâm → Ống thải	32.000
III	Hệ thống xử lý khí thải sơn		
1	01 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn lót	Khí thải → đường ống thu gom → Bộ lọc sơ cấp + buồng than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thải	36.000
2	01 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn tự động	Khí thải → đường ống thu gom → Bộ lọc sơ cấp + buồng than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thải	40.000
3	01 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn tĩnh điện	Khí thải → đường ống thu gom → Bộ lọc sơ cấp + buồng than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thải	54.000
TỔNG LƯU LƯỢNG			189.000

 **Tính toán lưu lượng hút từ quá trình xử lý khí thải công đoạn chà nhám:**

Tại khu vực chà nhám bề mặt thiết bị, có 6 thiết bị cần xử lý, khí thải được thu gom thông qua đường ống thu gom Ø125, mỗi thiết bị máy chà nhám có 4 điểm thải cần thu gom, lưu lượng tại mỗi ống thải cần xử lý:

$$Q = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

v: Vận tốc ống trong đường ống, chọn $v = 23\text{m/s}$

d: Đường kính ống hút (m)

Suy ra lưu lượng là:

$$Q_{1 \text{ vị trí}} = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} = 3600 \times 23 \times \frac{\pi \times 0.125^2}{4} = 1016\text{m}^3/\text{h}$$

Do đó lưu lượng tại mỗi thiết bị máy là:

$$Q_{\text{máy}} = Q_{1 \text{ vị trí}} \times 4 = 1016 \times 4 = 4064\text{m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của 6 máy là:

$$\sum Q = Q_{\text{máy}} \times 6 = 4064 \times 6 = 24.384\text{m}^3/\text{h}$$

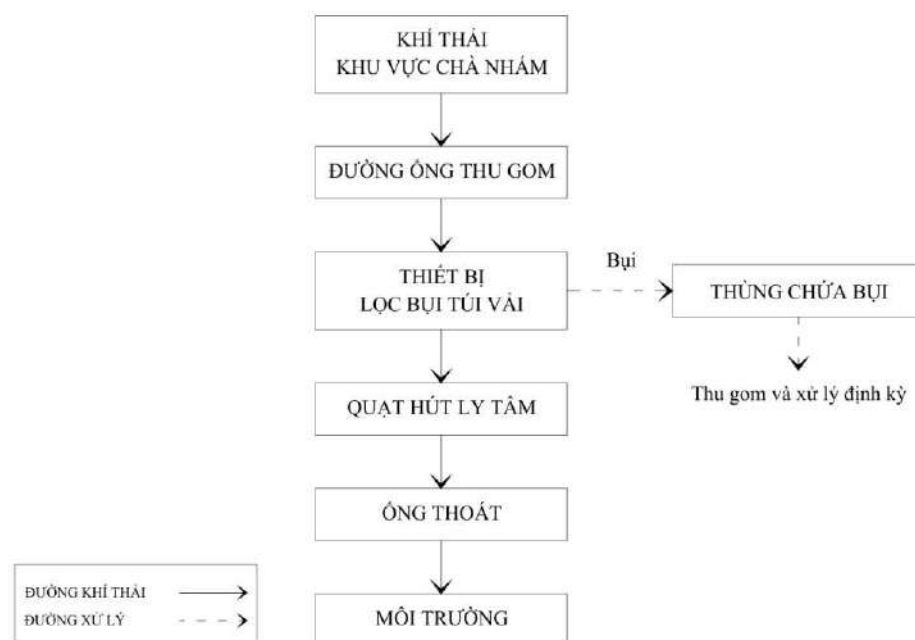
Để đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành và duy trì hệ thống liên tục, ta có hệ số an toàn $k = 1,1$

Lưu lượng hệ thống:

$$Q = k \times \sum Q = 1,1 \times 24384 = 26.822\text{m}^3/\text{h}$$

Chọn công suất xử lý của hệ thống: $Q = 27.000\text{m}^3/\text{h}$.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải khu vực chà nhám như sau:



Hình 4. 1. Hệ thống xử lý khí thải khu vực chà nhám, công suất 27.000 m³/giờ

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình sản xuất của nhà máy, phát sinh ra khí thải là bụi và khí thải từ khu vực chà nhám bề mặt. Tại các điểm phát thải, khí thải được thu gom và đưa đến hệ thống xử lý dưới sự tác động của quạt hút ly tâm.

Không khí mang bụi vào thiết bị được quạt hút vào buồng quét sạch .Tại đây, bụi được giữ lại trên thành của túi xử lý, không khí sạch qua túi xử lý đi từ trong ra ngoài ngược lại từ ngoài vào trong và sẽ theo buồng không khí sạch thoát ra ngoài.

Không khí lẫn bụi đi qua các tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt càng nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được sẽ dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. đạt chuẩn lọc đạt tới 90% và lọc được tất cả các hạt rất nhỏ nhờ có lớp trợ lọc.

Sau khoảng thời gian, khi bụi đã bám nhiều trên mặt vải xử lý làm cho sức cản của chúng tăng cao làm lưu lượng khí đi qua chúng giảm ảnh hưởng tới năng suất xử lý, khi đó ta tiến hành giữ bụi bằng xung khí nén được kết nối bên hông thiết bị. Hạt bụi sẽ rơi xuống ở đáy buồng thu bụi. Không khí sạch dưới sự tác động của quạt hút, đi qua ống khói và thoát ra ngoài môi trường. Tại thùng chứa bụi, bụi thải sẽ được thu gom lại và xử lý định kỳ theo đúng quy định.

Nguyên lý hoạt động của quạt hút ly tâm là hoạt động theo 1 chu kỳ nhất định, khi motor vận hành kéo cánh quạt quay vòng tròn tạo ra lực hút ly tâm. Quạt hút ly tâm có chức năng vận chuyển, đưa dòng khí tại điểm thu gom đưa về hệ thống xử lý. Dòng khí kèm theo bụi, khí thải sẽ được vận chuyển đến ống chính và đưa đến thiết bị xử lý, sau quá trình xử lý đưa khí sạch qua đường ống thoát, thoát ra ngoài môi trường.

Bảng 4. 2. Thông số kỹ thuật HTXL khu vực chà nhám, công suất 27.000 m³/giờ

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế
1	Hệ thống đường ống thu gom	- Kích thước: Ø280 – 600mm - Vật liệu: tole tráng kẽm
2	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 27.000 m³/h - Số lượng: 1 cái
3	Thiết bị lọc bụi túi vải	- Kích thước tương đương: 3080 x 1734 x 6100mm - Phụ kiện: túi vải.
4	Hệ thống đường ống thoát	- Kích thước: Ø700mm - Vật liệu: tole tráng kẽm

		- Chiều cao ống thoát: 12m
--	--	----------------------------

Tính toán lưu lượng hút từ quá trình xử lý bụi công đoạn bào, cắt:

○ **Tại khu vực máy bào gỗ**

Tại khu vực máy bào gỗ 4 mặt, có 3 thiết bị cần xử lý, bụi được thu gom thông qua đường ống thu gom Ø125, mỗi thiết bị máy bào gỗ có 6 điểm thải cần thu gom, ta có lưu lượng tại mỗi ống thải cần xử lý:

$$Q = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

v: Vận tốc ống trong đường ống, chọn v = 29m/s

d: Đường kính ống hút (m)

Suy ra lưu lượng là:

$$Q_{1 \text{ vị trí}} = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} = 3600 \times 29 \times \frac{\pi \times 0.125^2}{4} = 1282 \text{ m}^3/\text{h}$$

Do đó lưu lượng tại mỗi thiết bị máy là:

$$Q_{\text{máy}} = Q_{1 \text{ vị trí}} \times 6 = 1282 \times 6 = 7692 \text{ m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của 3 máy là:

$$\sum Q = Q_{\text{máy}} \times 3 = 7692 \times 3 = 23.076 \text{ m}^3/\text{h}$$

○ **Tại khu vực máy cắt gỗ**

Tại khu vực máy cắt gỗ 2 đầu, có 2 thiết bị cần xử lý, khí thải được thu gom thông qua đường ống thu gom Ø125, mỗi thiết bị máy bào gỗ có 2 điểm thải cần thu gom, ta có lưu lượng tại mỗi ống thải cần xử lý:

$$Q = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

v: Vận tốc ống trong đường ống, chọn v = 29m/s

d: Đường kính ống hút (m)

Suy ra lưu lượng là:

$$Q_{1 \text{ vị trí}} = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} = 3600 \times 29 \times \frac{\pi \times 0.125^2}{4} = 1282 \text{ m}^3/\text{h}$$

Do đó lưu lượng tại mỗi thiết bị máy là:

$$Q_{\text{máy}} = Q_{1 \text{ vị trí}} \times 2 = 1282 \times 2 = 2564 \text{ m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của 2 máy là:

$$\sum Q = Q_{\text{máy}} \times 2 = 2564 \times 2 = 5128 \text{ m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của hệ máy bào và máy cắt gỗ là:

$$\sum Q = Q_{\text{máy bào}} + Q_{\text{máy cắt gỗ}} = 23.076 + 5128 = 28.204 \text{ m}^3/\text{h}$$

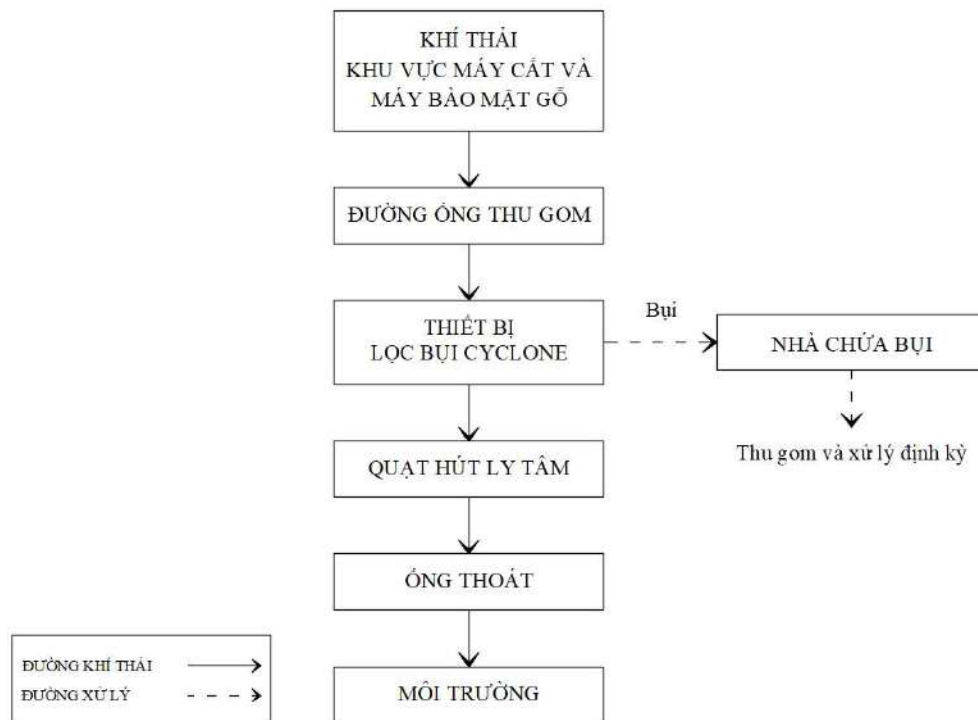
Để đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành và duy trì hệ thống liên tục, ta có hệ số an toàn $k = 1,1$

Lưu lượng hệ thống:

$$Q = k \times \sum Q = 1,1 \times 28.204 = 31.024 \text{ m}^3/\text{h}$$

Chọn công suất xử lý của hệ thống: $Q = 32.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải khu vực bào, cắt như sau:



Hình 4. 2. Hệ thống xử lý khí thải khu vực bào, cắt, công suất 32.000 m³/giờ

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình sản xuất của nhà máy, phát sinh bụi từ khu vực máy bào và máy cắt gỗ. Tại các điểm phát thải, khí thải được thu gom và đưa đến hệ thống xử lý dưới sự tác động của quạt hút ly tâm.

Tại thiết bị lọc bụi cyclone, hạt bụi trong dòng không khí chuyển động xoáy sẽ bị cuốn theo dòng khí vào đường ống dẫn. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và chuyển động theo phương tiếp tuyến vào thiết bị cyclone. Kết quả là hạt bụi dịch chuyển va chạm vào thành Cyclon làm mất năng lượng và dịch chuyển rơi xuống

đáy phễu. Lượng bụi được thu giữ lại và rơi tự do xuống nhà chứa bụi bên phía dưới cyclone. Hạt bụi sẽ rơi xuống ở đáy buồng thu bụi. Không khí sạch dưới sự tác động của quạt hút, đi qua ống khói và thoát ra ngoài môi trường. Tại thùng chứa bụi, bụi thải sẽ được thu gom lại và xử lý định kỳ theo đúng quy định.

Nguyên lý hoạt động của quạt hút ly tâm là hoạt động theo 1 chu kỳ nhất định, khi motor vận hành kéo cánh quạt quay vòng tròn tạo ra lực hút ly tâm. Quạt hút ly tâm có chức năng vận chuyển, đưa dòng khí tại điểm thu gom đưa về hệ thống xử lý. Dòng khí kèm theo bụi, khí thải sẽ được vận chuyển đến ống chính và đưa đến thiết bị xử lý, sau quá trình xử lý đưa khí sạch qua đường ống thoát, thoát ra ngoài môi trường.

Bảng 4. 3. Thông số kỹ thuật HTXL khu vực bào, cắt, công suất 32.000 m³/giờ

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế
1	Hệ thống đường ống thu gom	- Kích thước: Ø125 – 800mm - Vật liệu: tole tráng kẽm
2	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 32.000 m ³ /h - Số lượng: 1 cái
3	Thiết bị lọc bụi cyclone	- Kích thước tương đương: 2200 x 6000mm
4	Hệ thống đường ống thoát	- Kích thước: Ø800mm - Vật liệu: tole tráng kẽm - Chiều cao ống thoát: 12m

Tính toán lưu lượng hút từ dây chuyền sơn lót:

Tại dây chuyền sơn lót, khí thải được đưa ra ngoài để xử lý thông qua đường ống thu gom Ø600, mỗi dây chuyền hoạt động có 2 ống thải thoát ra, ta có lưu lượng tại mỗi ống thải cần xử lý:

$$Q = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

v: Vận tốc ống trong đường ống, chọn v = 8 m/s

d: Đường kính ống hút (m)

Suy ra lưu lượng là:

$$Q_{1 \text{ ống thải}} = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} = 3600 \times 8 \times \frac{\pi \times 0,6^2}{4} = 8143 \text{ m}^3/\text{h}$$

Do đó lưu lượng tại mỗi dây chuyền là:

$$Q_{\text{dây chuyền}} = Q_{\text{1 ống thải}} \times 2 = 8143 \times 2 = 16.286 \text{ m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của 2 dây chuyền là:

$$\sum Q = Q_{\text{dây chuyền}} \times 2 = 16.286 \times 2 = 32.572 \text{ m}^3/\text{h}$$

Để đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành và duy trì hệ thống liên tục, ta có hệ số an toàn $k = 1,1$

Lưu lượng hệ thống:

$$Q = k \times \sum Q = 1,1 \times 32.572 = 35.830 \text{ m}^3/\text{h}$$

Chọn công suất xử lý của hệ thống: $Q = 36.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

Tính toán lưu lượng hút từ dây chuyền sơn tĩnh điện:

Tại dây chuyền phun sơn tĩnh điện, khí thải được đưa ra ngoài để xử lý thông qua đường ống thu gom Ø600, mỗi dây chuyền hoạt động có 2 ống thải thoát ra, ta có lưu lượng tại mỗi ống thải cần xử lý:

$$Q = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

v : Vận tốc ống trong đường ống, chọn $v = 8 \text{ m/s}$

d : Đường kính ống hút (m)

Suy ra lưu lượng là:

$$Q_{\text{1 ống thải}} = 3600 \times v \times \frac{\pi d^2}{4} = 3600 \times 8 \times \frac{\pi \times 0,6^2}{4} = 8143 \text{ m}^3/\text{h}$$

Do đó lưu lượng tại mỗi dây chuyền là:

$$Q_{\text{dây chuyền}} = Q_{\text{1 ống thải}} \times 2 = 8143 \times 2 = 16.286 \text{ m}^3/\text{h}$$

Tổng lưu lượng cần xử lý của 3 dây chuyền là:

$$\sum Q = Q_{\text{dây chuyền}} \times 3 = 16.286 \times 3 = 48.858 \text{ m}^3/\text{h}$$

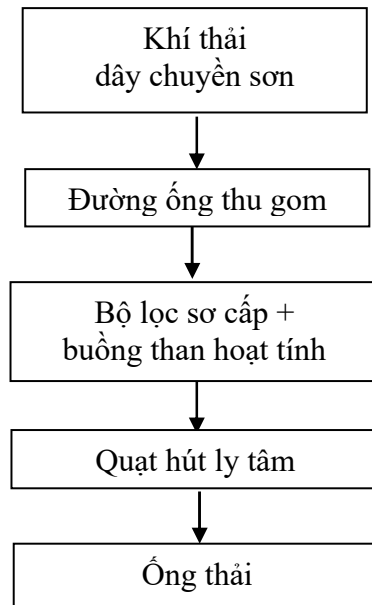
Để đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành và duy trì hệ thống liên tục, ta có hệ số an toàn $k = 1,1$

Lưu lượng hệ thống:

$$Q = k \times \sum Q = 1,1 \times 48.858 = 53.744 \text{ m}^3/\text{h}$$

Chọn công suất xử lý của hệ thống: $Q = 54.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

Quy trình xử lý khí thải dây chuyền sơn như sau:



Hình 4.3. Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn

❖ **Thuyết minh quy trình.**

Trong quá trình sản xuất của nhà máy, phát sinh ra khí thải là bụi và khí thải từ các dây chuyền sơn. Tại các điểm phát thải, khí thải được thu gom và đưa đến hệ thống xử lý dưới sự tác động của quạt hút ly tâm.

Khí thải phát sinh thu gom được dẫn đến thiết bị Bộ lọc sơ cấp + buồng hấp phụ than hoạt tính. Có 2 bộ phận chính là buồng chứa khung lọc thô và buồng chứa các chất hấp phụ là than hoạt tính. Bụi thải trong quá trình sơn tự động được đưa vào tháp, đi qua buồng có chứa các khung lọc thô G2. Nguyên lý hoạt động của khung lọc này dựa trên cơ chế va chạm và nắm giữ. Khi không khí chứa bụi, bụi phát sinh trong quá trình sản xuất đi qua khung lọc, các hạt bụi lớn hơn sẽ bị cản trở và do có trọng lượng nên được tích tụ rơi xuống bám vào khung lọc. Dòng khí sau đó đi qua buồng chứa chất hấp phụ được sử dụng là than hoạt tính

Tại buồng hấp phụ, hoạt động với nguyên tắc sau: Do than hoạt tính có kết cấu bề mặt rỗng, xốp; khi dòng khí chứa các chất VOCs bay hơi, đi qua và tiếp xúc với lớp than hoạt tính, các dung môi hữu cơ được giữ trên bề mặt than hoạt tính. Trong tháp, dòng khí chuyển động từ trước về sau theo hướng miệng hút đầu vào và đi về sau miệng thoát của tháp, tốc độ khí trong tiết diện ngang khoảng 0,1-0,5m/s, thời gian lưu của dòng khí khoảng 1-6 giây.

Dưới quá trình hấp phụ có chọn lọc của lớp vật liệu hấp phụ các chất gây mùi, chất gây ô nhiễm sẽ được vật liệu hấp phụ tách ra khỏi dòng khí và giữ lại trong vật liệu hấp phụ. Cuối cùng dòng khí sạch sẽ tiếp tục di chuyển đi ra khỏi hệ thống

xử lý đưa đến ống thoát và thoát ra ngoài môi trường dưới sự trợ lực của quạt hút ly tâm.

Nguyên lý hoạt động của quạt hút ly tâm là hoạt động theo 1 chu kỳ nhất định, khi motor vận hành kéo cánh quạt quay vòng tròn tạo ra lực hút ly tâm. Dòng khí kèm theo bụi, khí thải sẽ được vận chuyển đến ống chính và đưa đến thiết bị xử lý, sau quá trình xử lý đưa khí sạch qua đường ống thoát, thoát ra ngoài môi trường.

Bảng 4. 4. Thông số kỹ thuật HTXL khí thải các dây chuyền sơn

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế
I	HTXL khí thải dây chuyền sơn lót, công suất 36.000 m³/giờ	
1	Hệ thống đường ống thu gom	- Kích thước: Ø600 – 1000mm - Vật liệu: tole tráng kẽm
2	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 36.000 m³/h - Số lượng: 1 cái
3	Tháp hấp phụ	- Kích thước tương đương: 4800 x 1600 x 1500mm - Vật liệu: thép phủ sơn chống rỉ + sơn màu - Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính.
4	Hệ thống đường ống thoát	- Kích thước: Ø1100mm - Vật liệu tole tráng kẽm - Chiều cao ống thoát: 12m
II	HTXL khí thải dây chuyền sơn tự động, công suất 40.000 m³/giờ	
1	Hệ thống đường ống thu gom	- Kích thước: Ø300 – 1000mm - Vật liệu: tole tráng kẽm
2	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 40.000 m³/h - Số lượng: 1 cái
3	Tháp hấp phụ	- Kích thước tương đương: 4800 x 2000 x 1500mm - Vật liệu: thép phủ sơn chống rỉ + sơn màu - Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính.
6	Hệ thống đường ống thoát	- Kích thước: Ø1000mm - Vật liệu: tole tráng kẽm - Chiều cao ống thoát: 12m
III	HTXL khí thải dây chuyền sơn tĩnh điện, công suất 54.000 m³/giờ	

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế
1	Hệ thống đường ống thu gom	- Kích thước: Ø600 – 1100mm - Vật liệu: tole tráng kẽm
2	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 54.000 m ³ /h - Số lượng: 1 cái
3	Tháp hấp thụ	- Kích thước tương đương: 4800 x 2000 x 2000mm - Vật liệu: thép phủ sơn chống rỉ + sơn màu - Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính.
4	Hệ thống đường ống thoát	- Kích thước: Ø1100mm - Vật liệu: tole tráng kẽm - Chiều cao ống thoát: 12m

❖ Biện pháp giảm thiểu sấy sau sơn

- Bố trí khu vực sấy tách biệt với khu làm việc của công nhân.
- Điều chỉnh nhiệt độ sấy phù hợp với từng loại sơn, tránh nhiệt độ quá cao, kéo dài thời gian sấy ở nhiệt độ vừa phải.
- Buồng sấy được thiết kế và thông gió hợp lý, bố trí quạt hút và thông gió tự nhiên giúp pha loãng hơi dung môi trước khi phát tán ra môi trường.
- Thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức nhà xưởng (dùng quạt).
- Công nhân làm việc tại khu vực này phải được trang bị khẩu trang (loại có lớp than lọc hấp thu hơi dung môi). Công ty tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt công tác thực hiện, tránh trường hợp công nhân được trang bị nhưng không thực hiện.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động.

b. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

b.1) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt

Đối với nước thải phát sinh từ nhà ăn: Công ty không nấu ăn mà sử dụng suất ăn công nghiệp được chế biến, nấu sẵn bên ngoài, chỉ mang vào Công ty để phục vụ nên chủ yếu phát sinh nước thải từ nhà vệ sinh.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý bằng bể tự hoại cùng với nước thải từ khu vực rửa tay

theo đường ống uPVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN tại 01 điểm trên đường 19A. Tọa độ: X = 1209324; Y = 403672.

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý gồm 03 ngăn chính sau:

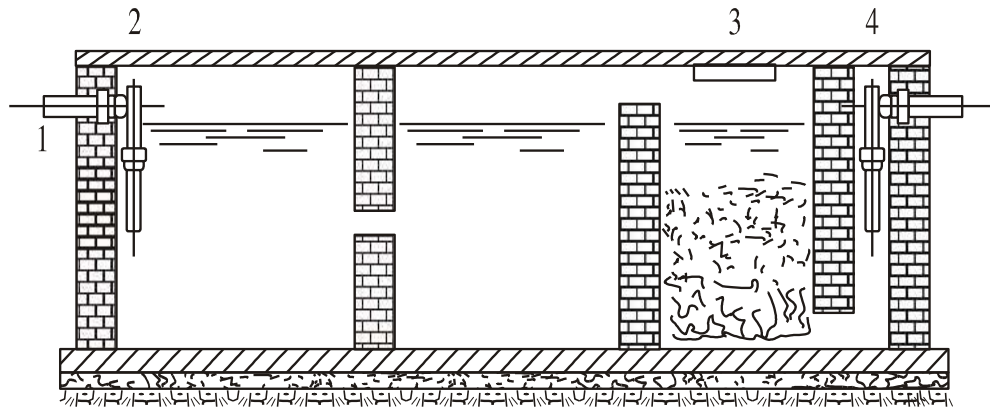
- Ngăn chứa (ngăn đầu vào): Đây là nơi tiếp nhận nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh. Chức năng: tách rác, các chất thải lớn, bắt đầu quá trình lắng sơ cấp.
- Ngăn lắng (ngăn kỵ khí): Là nơi lắng tiếp tục và xử lý kỵ khí diễn ra mạnh hơn. Chức năng: Các vi sinh vật kỵ khí phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện không có oxy và lắng phần bùn chưa phân hủy từ ngăn chứa. Quá trình này giảm thiểu thể tích bùn và mùi hôi.
- Ngăn lọc: là nơi lọc và xử lý cuối cùng trước khi đầu nối vào HTXLNT tập trung của KCN với vật liệu lọc như đá, sỏi. Chức năng: lọc cặn lơ lửng còn sót lại.

Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S , ... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN trước khi đầu nối về hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Tránh không để rơi vãi xăng dầu, xà phòng, ... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

- Lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 01 năm/lần sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 4. 4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn);
4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Tính toán bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của dự án khoảng 20 m³/ngày.

Tổng thể tích phân lắng của bể tự hoại W bao gồm thể tích phần chứa nước W_n và thể tích phần chứa bùn W_b:

$$W = W_n + W_b$$

- **Thể tích phần nước được tính theo công thức:**

$$W_n = K \times Q = 1,2 \times 20 = 24 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

- K: Hệ số lưu lượng, K = 1,2
- Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, lấy bằng 100% lượng nước thải: Q = 20 (m³/ngày)

- **Thể tích phần bùn được tính theo công thức sau:**

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$$

Trong đó:

- a: Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, a = 0,4 – 0,5 l/người.ngày.đêm
- N: Số công nhân viên của nhà máy, N = 250 người
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 90 – 365 ngày.đêm
- 0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân hủy
- 1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại trong bể tự hoại (lượng vi khuẩn cần thiết để xử lý cặn tươi)
- P1 : Độ ẩm của cặn tươi, P1 = 95%

- P2 : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P2 = 90%

$$W_b = 0,5 \times 250 \times 90 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90) / 100.000 = 4,725 \text{ (m}^3\text{)}$$

Thể tích tổng cộng phần lắng của bể tự hoại sẽ là:

$$W = W_n + W_b = 24 + 4,725 = 28,725 \text{ m}^3$$

Như vậy, dung tích bể tự hoại cần thiết cho dự án là 28,725 m³.

Công ty sẽ xây dựng 05 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 37 m³ nhằm xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống uPVC D200mm dẫn về HTXL nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

Bảng 4. 5. Vị trí và số lượng bể tự hoại

STT	Vị trí	Số lượng	Thể tích (m ³)
1	Khu vực nhà vệ sinh 01	1	10
2	Khu vực nhà vệ sinh 02	1	4,5
3	Khu vực nhà bảo vệ 01	1	4,5
4	Khu vực nhà làm việc	1	10
5	Nhà vệ sinh văn phòng xưởng	1	8
	Tổng cộng	5	37

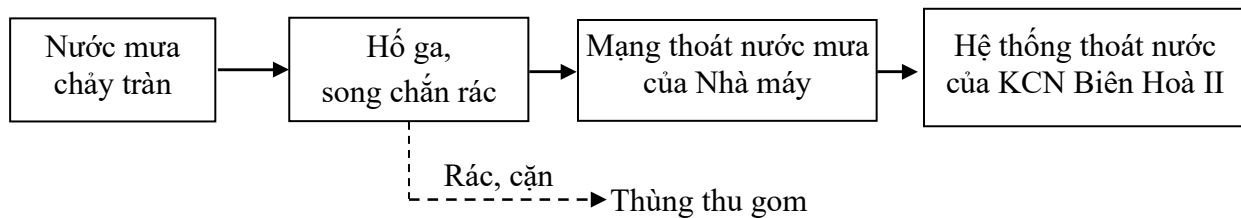
b.2) Nước mưa

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa bằng BTCT kín. Hệ thống thoát nước mưa sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa PVC Ø90, sau đó đầu nối vào cống thu gom nước mưa chạy dọc theo tuyến đường nội bộ của dự án. Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ của dự án, dẫn bằng cống bê tông cốt thép D400, D600 và đầu nối hệ thống thoát nước chung của KCN Biên Hòa II tại 03 điểm trên đường số 19A.

Toạ độ hố ga: X1 = 1209290; Y1 = 403720. X2 = 1209326; Y2 = 403662. X3 = 1209336; Y3 = 403625.

Sơ đồ thoát nước mưa của công ty:



Hình 4.5. Sơ đồ thu gom nước mưa chung tại dự án

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn – chất thải nguy hại

c.1. Khối lượng chất thải rắn – chất thải nguy hại phát sinh

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong nhà máy. Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

Khối lượng phát sinh: Theo tính toán, mức thải tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày x 250 người = 125 kg/ngày = 37.500 kg/năm = 37,5 tấn/năm.

Bảng 4.6. Tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	22,5
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	11,25
3	Chất thải rắn còn lại	3,75
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		37,5

❖ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 4.7. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Vụn gỗ, bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào	Rắn	14 04 03	TT	114.400
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Bao bì PP, PE	Rắn	18 01 06	TT-R	2.000
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	08 02 08	TT	5
5	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	1.725
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					118.130

- Bùn thải bể tự hoại: Tổng số người ước tính tại dự án khi hoạt động 100% công suất là khoảng 250 người. Lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải sinh hoạt đưa vào bể tự hoại khoảng 65g/người/ngày (Nguồn: TCVN 7957:2008, Thoát nước - Mạng lưới công trình và bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế) sau khi qua bể tự hoại giảm khoảng 65%, lượng chất thải rắn giữ lại tại bể tự hoại khoảng 23g/người/ngày. Như vậy, tổng lượng bùn lắng trong bể tự hoại: 23g/người/ngày x 250 người = 5,75 kg/ngày = 1.725 kg/năm

❖ **Chất thải nguy hại:**

Dựa vào khối lượng nguyên liệu của dự án và bảng cân bằng vật chất, ước tính khối lượng CTNH như sau:

Bảng 4.8. Danh mục các loại chất thải nguy hại

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
I	Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên				
1	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	10.168
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	30
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	10
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát				
1	Cặn sơn, dung môi hữu cơ và các thành phần nguy hại	Rắn	08 01 01	KS	2.170
2	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất): Keo thải	Rắn	08 03 01	KS	5
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	500
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	600
	Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)				13.533

Ghi chú:

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thường, trường hợp không phân định chất thải được chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.

c.2. Biện pháp giảm thiểu

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Biện pháp thu gom, phân loại chất thải rắn như sau:

- Bố trí các thùng chứa chất thải có chú thích đầy đủ chức năng của mỗi thùng: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, đặt tại các khu vực phát sinh chất thải phù hợp.

- Hướng dẫn công nhân viên cách phân loại chất thải và thu gom chất thải đúng chủng loại, tính chất của từng chất thải.

- Mỗi thùng chứa chất thải được thu gom vào cuối ngày, chuyển về kho chứa chất thải đã được phân chia theo từng khu chứa với các biển báo phù hợp.

Bảng 4.9. Diện tích, kết cấu công trình chất thải rắn

Công trình	Diện tích	Kết cấu
Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt	16 m ²	Nền Bê tông, có tường bao, mái che
Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường	16 m ²	Nền Bê tông, có tường bao, mái che
Khu lưu giữ chất thải nguy hại	16 m ²	Nền Bê tông, có tường bao, mái che

❖ Chất thải sinh hoạt

Đối với chất thải sinh hoạt, sẽ bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 10 lít, 60 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất. Các thùng này được nhân viên thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn 240 lít có nắp đậy để tập kết tại khu vực lưu giữ rác thải sinh hoạt diện tích 16 m², định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Đối với rác sinh hoạt sẽ thực hiện phân loại thành 03 loại như sau:

- + Rác thực phẩm (rác hữu cơ) là những phần thực phẩm thừa, cá thịt, hay các loại rau củ trong bữa ăn hàng ngày.
- + Rác tái chế là những gần giống với rác vô cơ như chai nước nhựa, các cốc lọ đã qua sử dụng.
- + Rác còn lại là những vật như giấy vụn, nhựa, bìa các tông, kim loại, thủy tinh...

❖ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu giữ tạm thời trong khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 16 m² của khu lưu giữ chất thải của nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, với tần suất 1 tháng/lần hoặc khi khối lượng chất thải nhiều.

- Bụi gỗ được thu gom tại nhà chứa bụi dầm bào diện tích 18 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với bùn từ bể tự hoại, để thuận tiện trong quá trình thu gom và đảm bảo sức chứa của kho lưu trữ chất thải, toàn bộ lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp tại hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

❖ Chất thải nguy hại

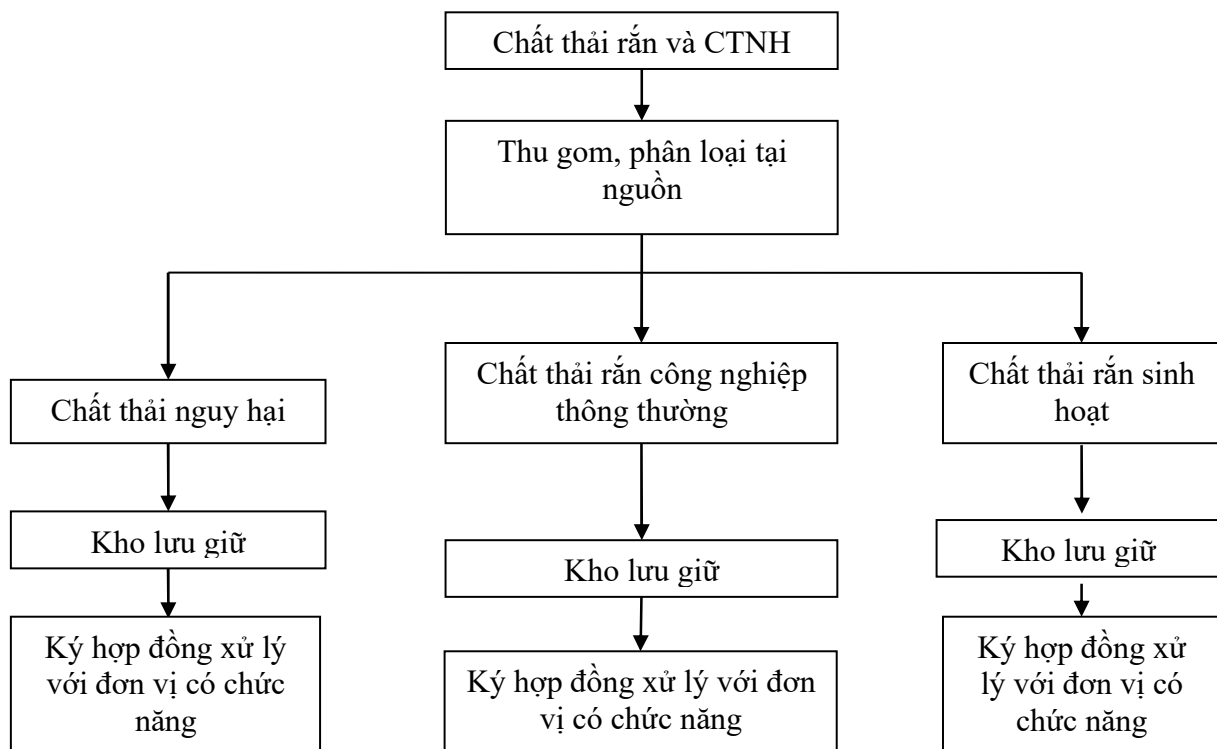
CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,...);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành với tần suất 03 tháng/lần hoặc khi chất thải nhiều.

Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại: 16 m² (có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm). Khu vực chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xẽng), chất thải lỏng được chứa trong các thiết bị kín đặt trong thùng nhựa để tránh rò rỉ, tràn đổ. Có bố trí rãnh thu gom trường hợp tràn đổ chất thải lỏng.

Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Dự án:



4.2.2.2. Giảm thiểu nguồn gây tác động không liên quan chất thải

❖ Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của nhà máy khá cao, các nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu tập trung tại khu vực cắt, dập dập hình, phun bi/cát, sơn. Tuy nhiên Công ty nằm trong KCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

❖ Tiếng ồn do các phương tiện giao thông

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.
- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của công ty phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực để hạn chế tiếng ồn.
- Phân phối lượng xe ra vào dự án hợp lý tránh tình trạng tập trung dẫn tới tiếng ồn tập trung trong một khu vực.

Công ty cam kết thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu trên nhằm đảm bảo độ ồn đạt QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2025/BNNTM và độ rung đạt QCVN 27:2025/BNNTM.

4.2.2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành

Công ty thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải tuân thủ quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, môi trường. Ứng phó sự cố chất thải thực hiện theo phương châm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ. Chủ dự án thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.

a) Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với đường ống cấp thoát nước và bể tự hoại

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

b) Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với khí thải

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống thu gom bụi và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

1. Khi hệ thống hút khí thải và thông gió có sự cố (ảnh hưởng đến người lao động)

- Thực hiện dừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải về hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố. Tiến hành kiểm tra các đường ống thu gom đặc biệt các vị trí mối nối, các vị trí thường xuyên có khả năng xảy ra hở, rò rỉ để tiến hành sửa chữa hoặc thay mới đảm bảo hệ thống thu gom kín.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom khí thải, hệ thống quạt hút, quạt thông thoáng nhà xưởng.

- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị, đường ống của hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí các máy móc thiết bị dự phòng cho HTXL khí thải để thay thế trường hợp gặp sự cố hư hỏng.

2. Khi hệ thống hút khí thải và thông gió hoạt động bình thường nhưng hệ thống xử lý khí thải không hoạt động.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải, lập sổ theo dõi vận hành hệ thống xử lý khí thải để theo dõi hoạt động vận hành, lỗi lọc để xác định thời gian thay thế phù hợp.

- Thường xuyên giám sát khí thải để đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải.

3. Đối với quá trình vận

- Các máy móc, thiết bị (như: quạt hút) đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Những người vận hành hệ thống thu gom bụi được đào tạo các kiến thức về:

- + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống thu gom bụi.

- + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- + Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý.

- + Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:
 - + Lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
 - + Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.
 - + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

c) Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với kho chứa chất thải

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

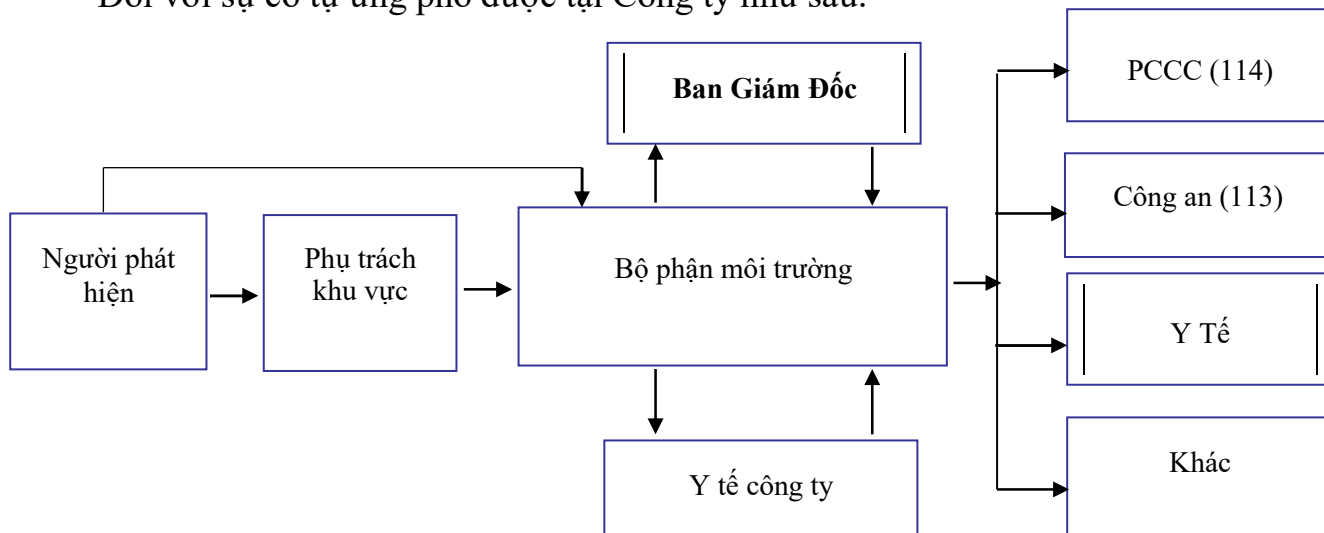
- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường và huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường như sau:

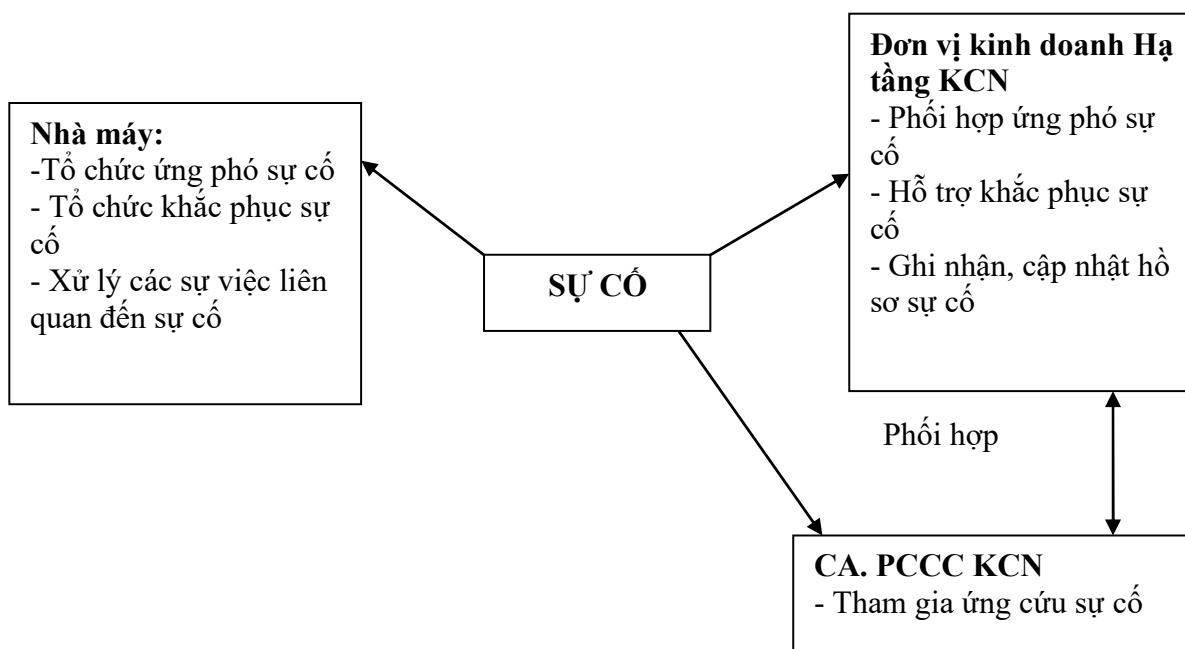
- Cán bộ vận hành tại hệ thống hoặc người phát hiện sự cố ngay lập tức báo cho chủ Dự án.

- Chủ Dự án sẽ phải bố trí nhân lực, vật lực, phương tiện và chỉ đạo lực lượng ứng phó tại chỗ thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, đảm bảo hạn chế đa thiệt hại về người, tài sản và môi trường.

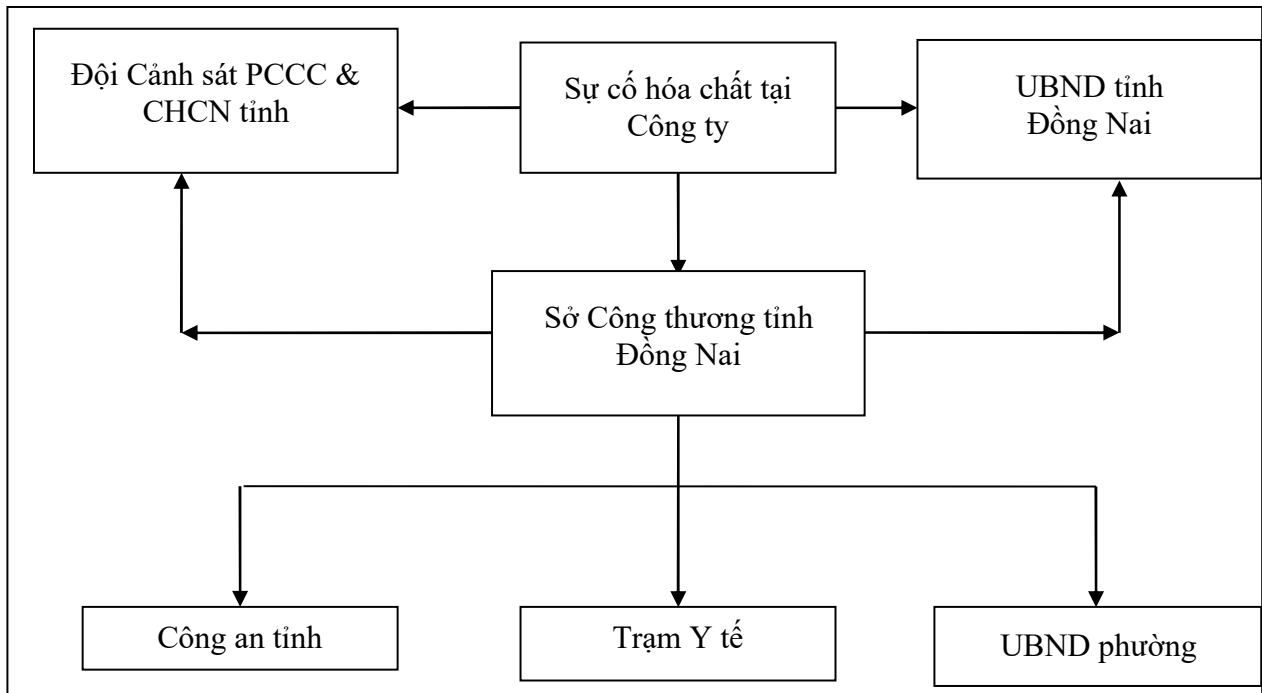
Đối với sự cố tự ứng phó được tại Công ty như sau:



Mô hình cơ chế phối hợp giữa các bên:



Sơ đồ thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố lớn tại Công ty:



Hệ thống thông báo ra bên ngoài khi xảy ra trường hợp khẩn cấp.

Công ty sẽ thiết lập quy trình liên lạc với bên ngoài khi có sự cố ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và con người vượt quá khả năng kiểm soát của đội ứng cứu khẩn cấp và cần sự hỗ trợ ứng cứu từ các tổ chức, cơ quan chuyên nghiệp bên ngoài và cần phải thông báo cho các đơn vị/cộng đồng xung quanh như sau:

STT	Cá nhân/ bộ phận/ cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Sở Công Thương Đồng Nai	0251.3823.317	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	0251 3822 933	
3	Phòng Cảnh Sát PCCC&CNCH Công An Tỉnh Đồng Nai	0251 3899 909	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	02513 847 798	
5	Cấp cứu	115	

4.2.2.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khác

a) Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ dự án phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;
- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm.

b) Biện pháp phòng tránh tai nạn điện:

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần...để không bị điện giật chết người.
- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chập chập, phát hỏa trong nhà.
- Phải lắp cầu dao hay aptomat ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chập chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.
- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan,...) phải mang găng tay cách điện hạ thế để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.
- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng “*Cấm mở điện, có người đang làm việc*” tại cầu dao để không bị điện giật.
- Không mở cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật.
- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.

- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện... bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.

- Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chạm chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy.

c) An toàn giao thông

Do số lượng xe chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm tương đối lớn, do vậy chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau để hạn chế sự cố tai nạn giao thông:

- Bố trí người điều hành các phương tiện ra vào khu vực Nhà máy.
- Thường xuyên nhắc nhở các lái xe thực hiện nghiêm công tác an toàn giao thông, các lái xe phải có giấy phép lái xe và xe vận chuyển vẫn còn thời hạn kiểm định của các cơ quan chức năng.
- Quá trình sản xuất và xuất hàng thành phẩm, lượng xe ra vào Nhà máy khá lớn và gây ra tình trạng ùn tắc giao thông. Do đó, chủ dự án sẽ bố trí khu vực đỗ xe hợp lý tại các khu vực trong yếu trong nhà máy như khu vực bãi nhập liệu, khu vực xuất thành phẩm.
- Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện tốt các biện pháp sau:
 - + Quy định tốc độ xe ra vào Nhà máy hợp lý.
 - + Lắp đặt biển báo giao thông và biển báo hướng dẫn quy trình nhập nguyên liệu.
 - + Phân bổ thời gian xe ra vào Nhà máy trong quá trình nhập nguyên liệu cũng như xuất thành phẩm một cách hợp lý. Hạn chế tập trung đông đúc 1 lượng xe ra vào Nhà máy cùng một thời điểm.

d) Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC năm 2001. Chủ dự án sẽ kết hợp với Công an PCCC của KCN để xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về “Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế” và TCVN 7336:2003 quy định về

các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng; tính toán dự trữ nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các hòng cứu hỏa. Xây dựng bản nội quy PCCC và được phổ biến rộng rãi. Chủ dự án phối hợp với Công an PCCC tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

➤ **Phòng cháy:**

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor, đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.
- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.
- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hỏa, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.
- Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.
- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu) công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...
- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;
- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy.
- Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.
- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong nhà máy.
- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.
- Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.
- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của nhà máy.
- Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.
- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.
- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.
- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO₂, bình bột hóa chất,... tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.
- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.
- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.
- Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO₂, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước . . .) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của nhà máy được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của nhà máy theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

- * *Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:*

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

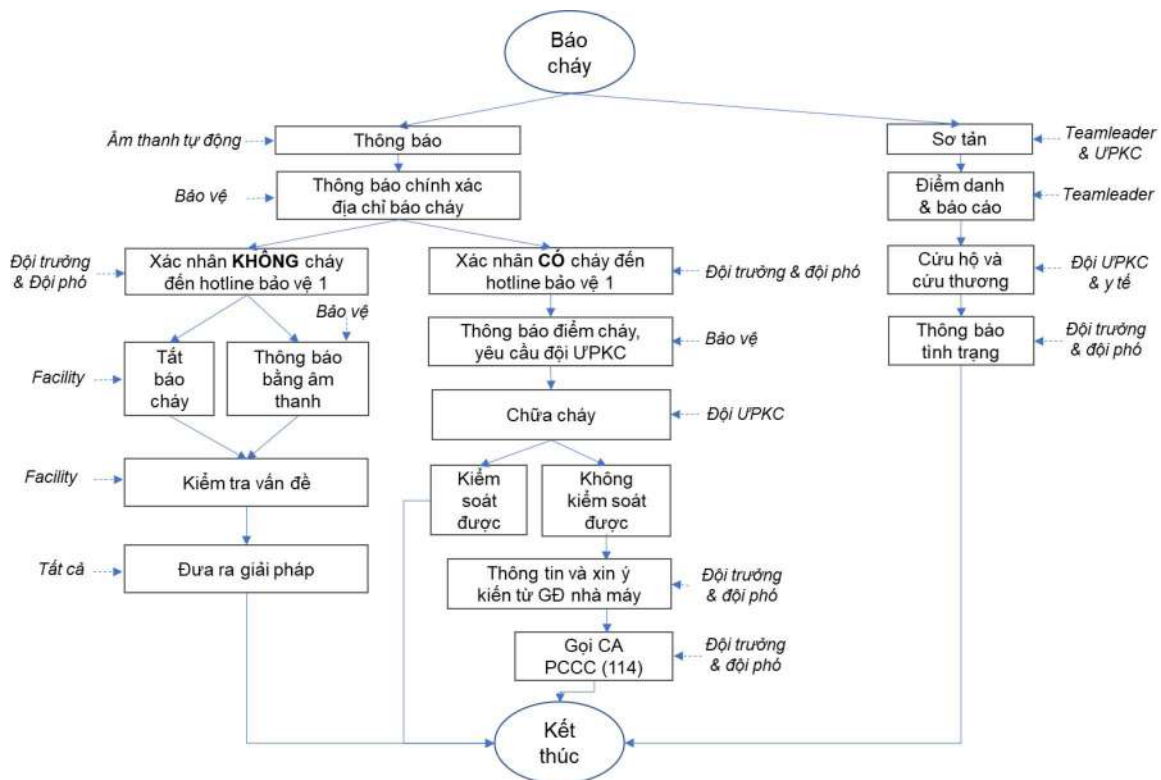
- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

Kế hoạch phối hợp lực lượng bên ngoài khi có sự cố cháy:



e) Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Đảm bảo hệ thống lưu trữ và vận chuyển an toàn: Các hóa chất phải được đựng trong bao bì chắc chắn, có nhãn mác rõ ràng, và chịu được tác động của hóa chất. Đảm bảo các thùng chứa, hệ thống ống dẫn và van luôn trong tình trạng tốt và được kiểm tra định kỳ.

Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên: nhân viên cần được đào tạo về cách xử lý hóa chất, nhận diện nguy hiểm, cách bảo vệ cá nhân và các quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố.

Xây dựng quy trình ứng phó khẩn cấp: Có kế hoạch chi tiết về cách ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất, bao gồm cách thông báo, sơ tán và xử lý sự cố.

Quản lý kiểm tra và giám sát thường xuyên: Thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ đối với các thùng chứa, hệ thống ống dẫn, và các thiết bị liên quan đến hóa chất.

Biện pháp ứng phó:

- Thông báo và báo cáo sự cố: Khi phát hiện sự cố rò rỉ, phải thông báo ngay cho các nhân viên trong khu vực, bộ phận an toàn lao động và các cơ quan có thẩm quyền như đội cứu hỏa, bảo vệ môi trường.

- Đánh giá nguy cơ: Cần nhận diện hóa chất rò rỉ (dựa trên màu sắc, mùi, nhãn mác) để đánh giá mức độ nguy hiểm đối với sức khỏe, môi trường và nguy cơ cháy nổ.

- Sơ tán và bảo vệ nhân viên: Hướng dẫn nhân viên rời khỏi khu vực bị rò rỉ, đặc biệt là các khu vực có nguy cơ cao như khu vực có hỏa hoạn hoặc các hóa chất dễ cháy.

- Kiểm soát và ngừng rò rỉ: Nếu có thể, nhanh chóng ngừng nguồn rò rỉ hóa chất (đóng van, tắt nguồn cấp hóa chất) để ngừng lan rộng sự cố.

- Xử lý hóa chất rò rỉ: Dùng các vật liệu hấp thụ như cát, đất sét hoặc các chất hút dầu, hút hóa chất để ngăn không cho hóa chất lan rộng hoặc tiếp xúc với nguồn nước. Dùng các thiết bị thu gom chuyên dụng (như chổi, dụng cụ hút) để gom lại hóa chất rò rỉ vào các thùng chứa an toàn.

- Thông gió và làm sạch khu vực: Sau khi sự cố được xử lý, cần thực hiện vệ sinh và khử trùng khu vực bị ô nhiễm bằng các dung dịch thích hợp.

- Hỗ trợ y tế: Nếu có người bị nhiễm hoặc tiếp xúc với hóa chất, cần thực hiện sơ cứu như rửa sạch vết thương, di chuyển nạn nhân đến khu vực thoáng khí hoặc gọi cấp cứu ngay.

- Ghi chép và báo cáo: Ghi lại toàn bộ quá trình sự cố, các hành động đã thực hiện và kết quả xử lý để phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến công tác an toàn.

- Đánh giá và cải thiện quy trình: Sau mỗi sự cố, cần đánh giá lại quy trình ứng phó, xác định những điểm mạnh và điểm yếu để rút kinh nghiệm.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của dự án và kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 4.10. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Tên công trình/Biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Quy mô công trình	Kinh phí (VNĐ/năm)	Đơn vị phụ trách
1	Khu lưu giữ chất thải công nghiệp	Cùng với giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc	40 m ²	25.000.000	- Ban giám đốc; - Phòng kỹ thuật, môi trường; - Các phòng ban có liên quan.
2	Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt		20 m ²	15.000.000	
3	04 Bể tự hoại 03 ngăn		29 m ³	50.000.000	
4	Hệ thống xử lý bụi khu vực bào, cắt		32.000 m ³ /giờ	3.000.000.000	
5	Hệ thống xử lý khu vực chà nhám		27.000 m ³ /giờ		

STT	Tên công trình/Biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Quy mô công trình	Kinh phí (VNĐ/năm)	Đơn vị phụ trách
6	Hệ thống xử lý khí thải sơn lót		36.000 m ³ /giờ		
7	Hệ thống xử lý khí thải sơn tự động		45.000 m ³ /giờ		
8	Hệ thống xử lý khí thải sơn tĩnh điện		54.000 m ³ /giờ		
9	Chi phí cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường:			200.000.000	
	- Giám sát chất lượng khí thải.	Giai đoạn hoạt động		50.000.000	
	- Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.			100.000.000	
	- Chi phí vận hành, bảo trì hệ thống xử lý.			50.000.000	

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình hoạt động của dự án, ngoài các công trình bảo vệ môi trường, nhà máy sẽ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác cùng với các công trình xử lý môi trường để hạn chế các tác động đến môi trường từ quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.

Bảng 4.11. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kinh phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
1	Phân loại chất thải tại nguồn	- Hàng ngày thực hiện thu gom chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất. - Chứa từng loại chất thải vào từng thùng quy định, phân loại theo chất thải thông thường, chất thải nguy hại. - Lưu giữ tạm thời chất thải tại khu vực lưu giữ chất thải của Công ty. - Định kỳ 2 lần/tuần thông báo đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý chất thải rắn – chất thải nguy hại theo đúng quy định.	10 triệu/tháng	Chủ đầu tư

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kinh phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	- Thường xuyên kiểm tra khả năng làm việc của hệ thống phòng cháy chữa cháy (1 tháng/lần). - Thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong trường hợp bị hư hỏng. - Bổ sung đầy đủ nước cho bể dự phòng nước PCCC	10 triệu đồng/tháng	Bộ phận kỹ thuật nhà máy
3	Hệ thống thu gom nước mưa	- Nạo vét hệ thống thoát nước mưa (1 tuần/lần). - Không đổ nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.	5 triệu/tháng	Toàn bộ công nhân viên nhà máy Công nhân dọn vệ sinh nhà máy
4	Cây xanh	- Duy trì cây xanh trong khuôn viên dự án - Tưới nước đầy đủ, hàng ngày - Tỉa cây định kỳ 1 tuần/lần - Thay thế các cây bụi và cỏ bị hư hại do hoạt động hoặc đã quá già. - Kiểm soát cỏ dại và các loại mầm bệnh	8 triệu đồng/tháng	Chủ đầu tư

Trong giai đoạn hoạt động, nhà máy sẽ bố trí một bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường trong khu vực nhà máy và khu vực xung quanh, số lượng nhân sự được bố trí cụ thể như sau:

Bảng 4.12. Tổ chức quản lý chất lượng môi trường của nhà máy

Stt	Nhiệm vụ	Nhân sự	Số lượng
1	Quản lý chung về chất lượng môi trường	Bộ phận an toàn – sức khỏe – môi trường	1 người

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Dựa vào đặc điểm của dự án, đơn vị tư vấn đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá tác động môi trường với mức độ định tính hoặc định lượng khác nhau. Gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp đánh giá nhanh
- Phương pháp lập bảng liệt kê
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa

Đánh giá mức độ tin cậy của kết quả từ việc áp dụng các phương pháp đã sử dụng được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4.13. Tổng hợp mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

TT	Kết quả của	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Kết quả của Phương pháp đánh giá nhanh	Cao	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
2	Kết quả của Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Cao	Có thể bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động
3	Kết quả của Phương pháp thống kê	Cao	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh Đồng Nai
4	Kết quả của Phương pháp so sánh	Cao	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
5	Kết quả của Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa	Cao	Cao	Các báo cáo, số liệu được cập nhật mới nhất trong thời gian thực hiện lập báo cáo GPMT

*** Phương pháp thống kê:**

- Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế, xã hội... tại khu vực dự án từ các trung tâm nghiên cứu khác.

- Số liệu sử dụng trong phương pháp này đã được các tổ chức nhà nước phê duyệt, có thể sử dụng cho các báo khoa học trong nước và có độ tin cậy cao.

*** Phương pháp khảo sát hiện trường, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm:**

- Phương pháp này được áp dụng nhằm khảo sát vị trí, hiện trạng và điều kiện cụ thể của dự án cũng như tiến hành công tác đo đạc và lấy mẫu cần thiết.

- Tiến hành thực hiện: kết hợp với đơn vị có chức năng thực hiện để khảo sát, đo đạc và lấy mẫu và phân tích mẫu hiện trạng môi trường tại khu vực dự án.

*** Phương pháp nhận dạng, liệt kê:**

- Liệt kê các tác động đến môi trường do hoạt động của dự án gây ra, bao gồm các nhân tố môi trường như: nước thải, khí thải, chất thải rắn, an toàn lao động, cháy nổ...

- Nhận dạng, phân loại các tác động khác nhau ảnh hưởng đến môi trường và định hướng nghiên cứu cùng các thông tin về đo đạc, dự đoán, đánh giá.

- Nhận dạng đầy đủ các dòng thải, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp này trình bày các tiếp cận rõ ràng, cung cấp tính hệ thống cho việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*** Phương pháp đánh giá nhanh:**

- Sử dụng một số nguyên tắc đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) dùng để tính tải lượng, nồng độ chất ô nhiễm đối với mỗi nguồn thải đã được tính toán phổ biến rộng rãi ở nhiều nước

- Có hiệu quả cao trong tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm.

- Rất hữu ích trong công tác đánh giá tác động môi trường, nhất là trong trường hợp không xác định được các thông số cụ thể để tính toán.

*** Phương pháp so sánh:**

Phương pháp này có độ chính xác cao trên cơ sở so sánh, đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng dòng thải với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường liên quan và các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Ngành nghề hoạt động của dự án là sản xuất đồ gỗ với nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất của nhà máy được mua từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, không thực hiện khai thác khoáng sản.

Chương 5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học.

Vì vậy, trong nội dung báo cáo không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

6.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.

6.1.2. Dòng nước thải

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước rửa tay chân được dẫn ra 01 hố ga tập trung trên đường số 19A bằng ống uPVC D200 mm sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.

6.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm

6.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

6.1.4.1. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: Hố ga trên đường số 19A.
- Tọa độ vị trí: X = 1209324; Y = 403672 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰).

6.1.4.2. Phương thức xả thải: 24/24

6.1.4.3. Nguồn tiếp nhận nước thải

01 hố ga tập trung trên đường số 19A sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

6.1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Biên Hòa II theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa II.

Bảng 2.1. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Biên Hòa II

TT	Thông số	Đơn vị	Giá Trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	45

TT	Thông số	Đơn vị	Giá Trị giới hạn tiếp nhận
2	Độ màu	Pt/Co	50
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	500
5	COD	mg/l	800
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Asen	mg/l	0,2
8	Thủy ngân	mg/l	0,1
9	Chì	mg/l	0,108
10	Cadimi	mg/l	0,054
11	Crom (VI)	mg/l	0,25
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2,16
14	Kẽm	mg/l	3,24
15	Niken	mg/l	0,216
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	4
18	Xianua	mg/l	0,0756
19	Phenol	mg/l	0,108
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	20
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	5,4
23	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	20
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Phôtpho	mg/l	12
26	Clorua	mg/l	800
27	Clo dư	mg/l	5
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,297
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,324
30	Tổng PCB	mg/l	0,00324
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1

TT	Thông số	Đơn vị	Giá Trị giới hạn tiếp nhận
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

6.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải tại công đoạn chà nhám
- Nguồn số 2: Khí thải dây chuyền sơn lót.
- Nguồn số 3: Khí thải dây chuyền sơn tự động.
- Nguồn số 4: Khí thải dây chuyền sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 5: Bụi tại công đoạn bào, cắt.

6.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý tại công đoạn chà nhám (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209284$; $Y(m) = 403569$.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn lót (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209291$; $Y(m) = 403567$.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn tự động (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209292$; $Y(m) = 403569$.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn tĩnh điện (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209295$; $Y(m) = 403571$.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi khu vực bào, cắt (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1209278$; $Y(m) = 403573$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý tại đường số 19A, KCN Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai.

6.2.3. Lưu lượng xả thải tối đa

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $189.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 27.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 36.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 40.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 54.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m³/giờ.

6.2.4. Phương thức xả thải

Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi phát sinh.

6.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01 và số 05				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤80		
I	Dòng khí thải số 02, số 03, số 04				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Bụi	mg/Nm ³	≤40		
3	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).	mg/Nm ³	≤80		

6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

6.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn chà nhám.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn bào tiện.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn cắt.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn đóng gói.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.

6.3.2. Quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNMT, cụ thể như sau:

TT	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNMT, cụ thể như sau:

STT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực D

6.4. Quản lý chất thải rắn

6.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh dự kiến

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	10.168
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	30
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	10
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					10.218

b. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, dung môi hữu cơ và các thành phần nguy hại	Rắn	08 01 01	KS	2.170
2	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất): Keo thải	Rắn	08 03 01	KS	5
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim	Rắn	18 01 02	KS	500

	loại				
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	300
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					3.025

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

c. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến

STT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Vụn gỗ, bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào	Rắn	14 04 03	TT	114.400
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Bao bì PP, PE	Rắn	18 01 06	TT-R	2.000
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	08 02 08	TT	5
5	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	1.725
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					118.130

d. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	22,5
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	11,25
3	Chất thải rắn còn lại	3,75
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		37,5

6.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

a. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền được gia cố chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16 m².

b. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Diện tích kho chứa kích thước: 16m².

- Diện tích khu vực thu gom bụi gỗ diện tích: 18 m².

c. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Diện tích kho chứa kích thước: 16m².

CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án cụ thể như bảng sau:

Bảng 7. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	01 Hệ thống xử lý bụi công đoạn chà nhám, công suất thiết kế 27.000 m ³ /giờ	Sau khi xây dựng, lắp đặt xong máy móc thiết bị	Sau 6 tháng	Trên 50% công suất thiết kế
2	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn lót, công suất thiết kế 36.000 m ³ /giờ			
3	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tự động, công suất thiết kế 40.000 m ³ /giờ			
4	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tĩnh điện, công suất thiết kế 54.000 m ³ /giờ			
5	01 Hệ thống xử lý bụi công đoạn bảo cắt, công suất thiết kế 32.000 m ³ /giờ			

7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Bảng 7. 2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Vị trí thu mẫu	Thông số	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu
Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý			
01 Hệ thống xử lý bụi	Lưu lượng, bụi	1 ngày/1 lần	3 ngày liên tiếp:

Vị trí thu mẫu	Thông số	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu
công đoạn chà nhám, công suất thiết kế 27.000 m ³ /giờ			+ Lần thứ 1: ngày đầu tiên sau giai đoạn hiệu chỉnh hiệu suất + Lần thứ 2: ngày tiếp theo lần thứ 1 (lấy 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 3: ngày tiếp theo lần thứ 2 (lấy 1 mẫu đầu ra)
01 Hệ thống xử lý bụi công đoạn bào cắt, công suất thiết kế 32.000 m ³ /giờ			
01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn lót, công suất thiết kế 36.000 m ³ /giờ	Lưu lượng, bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).		
01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tự động, công suất thiết kế 40.000 m ³ /giờ			
01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tĩnh điện, công suất thiết kế 54.000 m ³ /giờ			

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải được thể hiện chi tiết tại bảng 7.2.

Công ty sẽ phối hợp với các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.2. Chương trình quan chất thải định kỳ

❖ Quan trắc chất lượng môi trường nước:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, nước thải của cơ sở đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

❖ Quan trắc chất lượng môi trường khí thải:

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
Khí thải	01 Hệ thống xử lý bụi công đoạn chà nhám, công suất thiết kế 27.000 m ³ /giờ	Lưu lượng, bụi	06 tháng/lần đối với thông số lưu lượng, bụi;	QCVN 19:2024/BTNMT cột B
	01 Hệ thống xử lý bụi công đoạn bào cắt, công suất thiết			

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
	kế 32.000 m ³ /giờ		01 lần/năm đối với các thông số còn lại	
	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn lót, công suất thiết kế 36.000 m ³ /giờ	Lưu lượng, bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).		
	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tự động, công suất thiết kế 40.000 m ³ /giờ			
	01 Hệ thống xử lý dây chuyền sơn tĩnh điện, công suất thiết kế 54.000 m ³ /giờ			

7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 7. 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

STT	Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Kinh phí (đồng/năm)
1	02 Hệ thống xử lý bụi công đoạn chà nhám và bào cắt	Lưu lượng, bụi	02	2 lần/năm	20.000.000
2	03 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	Lưu lượng, bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzene, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl axetat, Butyl axetat).	03	2 lần/năm	200.000.000
3	Chi phí lập báo cáo	-	01	1 lần/năm	5.000.000
4	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại	-	Thường xuyên, liên tục	100.000.000
Tổng cộng		-		-	325.000.000

**CHƯƠNG VIII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG
TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Loại hình sản xuất của dự án không thuộc danh mục phân loại xanh.

CHƯƠNG IX. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Homer (Việt Nam) cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường được cấp phép trước khi dự án đi vào vận hành.
- Cam kết đảm bảo phương án phòng cháy chữa cháy, sự cố hóa chất, sự cố do các hệ thống xử lý không hoạt động tuân thủ theo các quy định hiện hành.
- Thực hiện đúng nội dung cấp phép và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định an toàn sản xuất và PCCC.
- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của KCN Biên Hòa II, tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải và đầu nối đúng vị trí.
- Tất cả các nguồn phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động của Nhà máy sẽ được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định hiện hành (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B) trước khi xả thải ra môi trường.
- Trong quá trình sản xuất chủ dự án thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường, tăng cường hiệu quả xử lý nước thải, bụi, khí thải; thực hiện đầy đủ các giải pháp an toàn lao động, PCCC...
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được

phê duyệt của dự án.

- Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Cam kết đảm bảo duy trì vận hành hệ thống ổn định, không để xảy ra sự cố khi lắp đặt và khi đi vào hoạt động chính thức; tạo môi trường nhà xưởng thông thoáng, trang bị các phương tiện an toàn lao động khi dự án hoạt động.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của dự án hư hỏng gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ yêu cầu bảo vệ môi trường tại KCN.

- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;



CHỦ DỰ ÁN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH TIN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3600737062

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 07 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 25 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOMER WOOD PRODUCTS (VIET NAM) CO., LTD

Tên công ty viết tắt: HOMER (VIET NAM) CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513836532

Số Fax: 02513836538

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 190.480.050.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ bốn trăm tám mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng

Tương đương 8.100.000 Đô la Mỹ

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	GRAYSON INTERNATIONAL CO., LTD.	Samoa	Level 2, Lotemau Centre Building, Vaea Street, Apia, Samoa	178.988.722.320	93,967	96189	
2	CHIEN FURNITURE MFG. CO., LTD	Trung Quốc (Đài Loan)	3rd Fl., No 223, Chung Hua 1st, RD Kaohsiung, Trung Quốc (Đài Loan)	11.491.777.680	6,033	00014108	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: CHEN, WEI-JEN

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *18/02/1986*

Quốc tịch: *Trung Quốc (Đài Loan)*

Hộ chiếu nước ngoài: *360468350*

Ngày cấp: *24/08/2022*

Nơi cấp: *Bộ Ngoại Giao Đài Loan*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hoà II, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Phai

Nguyễn Duy Hải

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Số:



GIẤY XÁC NHẬN
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 0948.344.768/0251.885.0777 Số Fax:
0251 394 1718
Thư điện tử: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM)
Mã số doanh nghiệp: 3600737062

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Sản xuất các loại ván từ nguồn gỗ và ván gỗ nhập khẩu chính ngạch;	1621(Chính)
2	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chế biến gỗ, xẻ gỗ các loại từ nguồn gỗ hợp pháp trong nước và nguồn gỗ nhập khẩu chính ngạch	1610
3	Sản xuất sản phẩm từ plastic Sản xuất các loại ván từ các vật liệu như khối Melamine, giấy polyester và các loại keo	2220
4	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Sản xuất các loại keo	2013
5	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa Sản xuất các loại ván từ giấy polyester	1701
6	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Sản xuất các loại keo	2029

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Cho thuê nhà xưởng dôi dư	6810
8	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3101
9	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại	3102
10	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3109

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): CHEN, WEI-JEN Điện thoại: 02513836532
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: HOÀNG THỊ THANH TUYẾT Điện thoại: 0913670021
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: 0251 383 6532 Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 10
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>

Nơi nhận:

-CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM) . Địa chỉ:Số 2, đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Vi.....



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8716004861

Chứng nhận lần đầu: ngày 28 tháng 7 năm 2005

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư: ngày 12 tháng 02 năm 2026

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: ngày 10 tháng 4 năm 2026

Căn cứ Luật đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8716004861 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM) nộp ngày 02 tháng 4 năm 2026,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM); mã số dự án 8716004861 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 02 năm 2026;

Được đăng ký:

- Bổ sung mục tiêu sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Tăng vốn đầu tư từ 4.200.000 đô la Mỹ lên 8.100.000 đô la Mỹ.
- Tăng vốn góp từ 3.400.000 đô la Mỹ lên 8.100.000 đô la Mỹ.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

(1/4/8716004861)



Nhà đầu tư:

1. **CHIEN FURNITURE MFG. CO., LTD.**; Giấy chứng nhận thành lập số 00014108 cấp ngày 20 tháng 11 năm 1992 tại Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: 3rd Fl., No. 223, Chung Hua 1st Rd Kaohsiung, Taiwan.

Người đại diện: Ông CHIEN, KUAN-HSING; sinh ngày 30 tháng 7 năm 1956; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 351581034 cấp ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: 3rd Fl., No. 223, Chung Hua 1st Rd Kaohsiung, Taiwan; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. **GRAYSON INTERNATIONAL CO., LTD.**; Giấy phép thành lập số: 96189 cấp ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Samoa.

Địa chỉ trụ sở chính: Level 2, Lotemau Centre Building, Vaea Street, Apia, Samoa.

Người đại diện: Ông CHEN, WEI-JEN; sinh 18 tháng 02 năm 1986; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 360468350 cấp 24 tháng 8 năm 2022 tại Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: 15F., No. 252, Meishu North 3rd Rd., Gushan Dist., Kaohsiung City 804, Taiwan; chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600737062 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 7 năm 2005, thay đổi lần thứ tám ngày 25 tháng 3 năm 2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM).**

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã VSIC
01	Sản xuất các loại ván từ nguồn gỗ và ván gỗ nhập khẩu chính ngạch và các vật liệu khác như khối Melamine, giấy Polyester và các loại keo.	44.000 m ³ sản phẩm/năm	1621 2220
02	Chế biến gỗ xẻ các loại từ nguồn gỗ hợp pháp trong nước và nguồn gỗ nhập khẩu chính ngạch.	6.000 m ³ /năm	1610

03	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.	232.000 sản phẩm/năm, tương đương 8.100 tấn sản phẩm/năm	3101 3102 3109
04	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.		

3. Địa điểm thực hiện dự án: Số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 14.921 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 190.480.050.000 (một trăm chín mươi tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng, tương đương 8.100.000 (tám triệu, một trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 190.480.050.000 (một trăm chín mươi tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng, tương đương 8.100.000 (tám triệu, một trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Nhà đầu tư	Vốn góp (đô la Mỹ)	Tiến độ góp vốn
01	GRAYSON INTERNATIONAL CO., LTD.	7.383.520	Đã góp đủ
02	CHIEN FURNITURE MFG. CO., LTD.	716.480	
Tổng		8.100.000	

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2005.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2005.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được triển khai dự án sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

4. Đối với mục tiêu sản xuất giường, tủ, bàn, ghế: Công ty chỉ được triển khai sản xuất sau khi hoàn tất thủ tục môi trường theo quy định.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8716004861 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM) được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Việt Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SỐ UQ: 02/2026/HOMER VN

Đồng Nai, ngày 05 tháng 3 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 15/2015/QH13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600737062 đăng kí thay đổi lần thứ 7, ngày 04 tháng 3 năm 2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty TNHH HOMER VN;

Giấy ủy quyền này được lập giữa hai bên là:

Bên ủy quyền:

CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM

Địa chỉ: số 2, Đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa II. Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế: 3600737062

Đại diện công ty: Ông **CHEN WEI JEN**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Bên được ủy quyền:

Bà: NGUYỄN THỊ THANH TIN

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH HOMER VIỆT NAM

Sinh ngày: 08/06/1976

Số CCCD: 075176003780 Cấp ngày: 14/03/2022 Ngày hết hạn: 08/06/2036

Nội dung ủy quyền:

1. Thay mặt Tổng Giám Đốc Công ty ký duyệt tất cả những giấy tờ liên quan đến công trình nhà xưởng và các thủ tục liên quan đến cơ quan ban ngành Nhà Nước;
2. Thay mặt Tổng Giám Đốc Công ty ký các lệnh chuyển tiền và các chứng từ liên quan tại các ngân hàng mà công ty TNHH HOMER VN giao dịch theo quyết định bổ nhiệm chức danh số 01.2026/QĐBN ngày 05/03/2026
3. Giấy ủy quyền này có hiệu lực cho đến khi có văn bản khác thay thế.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH TIN

BÊN ỦY QUYỀN

Tổng Giám đốc



CHEN WEI JEN

03

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HOÀ 2 Số: 120/HĐTĐ/BH2

- Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 347/Ttg ngày 8 tháng 6 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc thành lập KCN Biên Hòa 2 và cho phép Công ty Phát triển KCN Biên Hòa xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Biên Hòa 2 trên diện tích 376 ha tại phường Long Bình – thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 742/Ttg ngày 14 tháng 11 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc cho phép Công ty Phát triển KCN Biên Hòa thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Biên Hòa 2;
- Căn cứ Quyết định số 77/BQL.KCN ngày 21 tháng 10 năm 1995 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai (DIZA) về việc phê chuẩn giá thuê đất và phí sử dụng hạ tầng KCN Biên Hòa 2;
- Căn cứ Quyết định số 533/QĐ-PTKCN-NS ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa về việc giao nhiệm vụ đầu tư, kinh doanh KCN, Khu dân cư cho Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi;
- Căn cứ Văn bản số 05/PTKCN-BCV ngày 02/01/2008 của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa về việc giao cho Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi (nay là Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình) thực hiện thông báo và thu phí sử dụng đất;
- Căn cứ Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi thành Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3601867699 ngày 01 tháng 07 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 số 120/HĐTĐ ngày 12/10/2005 đã ký giữa Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi Biên Hòa) và Công ty TNHH Cổ phần Hữu hạn Homer;
- Căn cứ Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 120/HĐTĐ/BH2.PL1 ngày 18/03/2009 đã ký giữa Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa và Công ty TNHH Homer (Việt Nam);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000404 ngày 25/7/2005 và điều chỉnh lần đầu 25/02/2008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai (DIZA) cấp cho Công ty TNHH Homer (Việt Nam);
- Căn cứ Biên Bản thanh lý Hợp đồng số 120/TL.HĐTĐ/BH2 ngày 30 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty Phát triển KCN Biên Hòa và Công ty TNHH Homer (Việt Nam).



7/6

Bản Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 số 120/HĐTĐ/BH2 (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**" hoặc "**Hợp đồng thuê lại đất**") được ký ngày 03 tháng 09 năm 2010 giữa hai Bên:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH
(SONADEZI LONG BÌNH)

- Giấy CNĐKKD số : 3601867699 ngày 01/7/2009 do Sở KHĐT Đồng Nai cấp
- Địa chỉ : Số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại : 061. 3834 700/3836 488 Fax: 061.3835 164
- Số tài khoản : 102010000267676
Tại NH Công thương Khu công nghiệp Biên Hòa
- Mã số thuế : 3 6 0 1 8 6 7 6 9 9
- Người đại diện : **Ông PHAN ĐÌNH THẨM**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)

- Giấy chứng nhận đầu tư số : 472023000404 ngày 25/7/2005 và điều chỉnh lần đầu 25/02/2008 do DIZA cấp
- Địa chỉ : Đường 19A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0613.836357
- Fax : 0613.836358
- Mã số thuế : 3600737062
- Người đại diện : **Ông CHENG YAO KON**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai Bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Bản Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1 : ĐIỀU KIỆN THUÊ ĐẤT

1.1. Vị trí và diện tích đất thuê

- Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại một phần lô đất số 02 có diện tích là **14.921,20 m²** tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 thuộc phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là "**Khu đất thuê**").
- Vị trí và diện tích khu đất thuê được xác định theo Trích đo và bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 988/TĐBĐ tỷ lệ 1/500 được Công ty TNHH khảo sát và xây dựng 6 lập ngày 15/12/2006 và được Sở Tài nguyên & Môi trường xác nhận ngày 19/7/2007.
- Bản đồ này là một bộ phận pháp lý không tách rời của Hợp đồng này.

1.2. Thời hạn thuê lại đất

Thời hạn thuê lại đất được tính từ ngày 01/8/2005 đến hết ngày 30/6/2045. Khi hết hạn thuê lại đất, nếu thời hạn thuê đất của Bên A với Nhà nước Việt Nam và thời hạn đầu tư của Bên B được các cấp có thẩm quyền gia hạn thì thời hạn thuê lại đất sẽ được

Bên A xem xét cho gia hạn tương ứng. Giá phí sử dụng đất trong thời gian gia hạn sẽ được hai Bên thảo luận lại theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

1.3. Phí sử dụng đất

1.3.1. Tiền thuê lại đất

- Tiền thuê lại đất được tính từ ngày 01/8/2005.
- Giá tiền thuê lại đất là **2,05 USD/m²/năm** (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng) và được giữ ổn định đến hết tháng 6 năm 2029.
- Từ tháng 7 năm 2029 trở đi, tiền thuê lại đất sẽ được hai Bên thỏa thuận lại theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

1.3.2. Phương thức thanh toán

- Đến thời điểm ký Hợp đồng này, Bên B đã thanh toán tiền thuê lại đất đến hết ngày 31/12/2009.
- Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010, Bên B thanh toán tiền thuê lại đất năm 2010 theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau :
 - + Số tiền phải trả (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):
$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 2,05 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = \mathbf{30.588,46 \text{ USD}}$$
(Ba mươi ngàn năm trăm tám mươi tám Đôla Mỹ và bốn mươi sáu cent)
 - + Thời hạn thanh toán : chậm nhất ngày 31/07/2010
- Từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2028, Bên B thanh toán tiền thuê lại đất theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau :
 - + Số tiền phải trả hàng năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):
$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 2,05 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = \mathbf{30.588,46 \text{ USD}}$$
(Ba mươi ngàn năm trăm tám mươi tám Đôla Mỹ và bốn mươi sáu cent)
 - + Thời hạn thanh toán:
 - Lần thứ nhất : **15.294,46 USD** chậm nhất vào ngày 28 tháng 02 hàng năm
 - Lần thứ hai : **15.294,0 USD** chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 hàng năm
- Từ ngày 01/01/2029 đến hết ngày 30/6/2029, Bên B thanh toán tiền thuê lại đất theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau :
 - + Số tiền phải trả (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):
$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 2,05 \text{ USD/m}^2/\text{năm} \times \frac{6 \text{ tháng}}{12 \text{ tháng}} = \mathbf{15.294,23 \text{ USD}}$$
(Mười lăm ngàn hai trăm chín mươi bốn Đôla Mỹ và hai mươi ba cent)
 - + Thời hạn thanh toán : chậm nhất ngày 28/02/2029
- Từ tháng 07 năm 2029 trở đi, phương thức thanh toán tiền thuê lại đất sẽ được hai Bên thỏa thuận lại tại thời điểm điều chỉnh giá thuê lại đất nêu tại Mục 1.3.1 Điều 1 của Hợp đồng này.

- Bên B có trách nhiệm trả thuế Giá trị gia tăng theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

1.4. Phí sử dụng hạ tầng

Được sử dụng cho các nội dung duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như hệ thống giao thông, hệ thống đường ống cấp, thoát nước, cây xanh, thảm cỏ, chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh khu công nghiệp.

1.4.1. Phí sử dụng hạ tầng

- Phí sử dụng hạ tầng được tính từ ngày 01/8/2005.
- Từ ngày 01/08/2005 đến hết tháng 6 năm 2029, phí sử dụng hạ tầng là **0,455 USD/m²/năm** (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng).
- Từ tháng 7 năm 2029 trở đi, phí sử dụng hạ tầng sẽ được hai Bên thỏa thuận lại theo giá thời điểm phù hợp với quy định của Nhà nước Việt Nam.

1.4.2 Phương thức thanh toán

- Đến thời điểm ký Hợp đồng này, Bên B đã thanh toán phí sử dụng hạ tầng đến hết ngày 31/12/2009.
- Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010, Bên B thanh toán phí sử dụng hạ tầng năm 2010 theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau:
 - + Số tiền phải trả (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng):

$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 0,455 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = \mathbf{6.789,15 \text{ USD}}$$
 (Sáu ngàn bảy trăm tám mươi chín Đôla Mỹ và mười lăm cent)
 - + Thời hạn thanh toán : chậm nhất ngày 31/7/2010
- Từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2028, Bên B thanh toán phí sử dụng hạ tầng theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau:
 - + Số tiền phải trả hàng năm (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng):

$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 0,455 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = \mathbf{6.789,15 \text{ USD}}$$
 (Sáu ngàn bảy trăm tám mươi chín Đôla Mỹ và mười lăm cent)
 - + Thời hạn thanh toán : chậm nhất ngày 31 tháng Một hàng năm
- Từ ngày 01/01/2029 đến hết ngày 30/6/2029, Bên B thanh toán phí sử dụng hạ tầng theo Giấy Báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau:
 - + Số tiền phải trả (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng):

$$14.921,20 \text{ m}^2 \times 0,455 \text{ USD/m}^2/\text{năm} \times \frac{6 \text{ tháng}}{12 \text{ tháng}} = \mathbf{3.394,57 \text{ USD}}$$
 (Ba ngàn ba trăm chín mươi bốn Đôla Mỹ và năm mươi bảy cent)
 - + Thời hạn thanh toán : chậm nhất ngày 31/01/2029
- Từ tháng 07 năm 2029 trở đi, phương thức thanh toán tiền phí sử dụng hạ tầng sẽ được hai Bên thỏa thuận lại tại thời điểm điều chỉnh giá phí sử dụng hạ tầng nêu tại Mục 1.4.1. Điều 1 của Hợp đồng thuê lại đất.
- Bên B có trách nhiệm trả thuế Giá trị gia tăng theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

1.5. Đồng tiền thanh toán

Bên B thanh toán các khoản tiền phải trả theo Hợp đồng này cho bên A bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 2 : QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- 2.1 Kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B được quyền đo đạc, khảo sát, khoan địa chất công trình phục vụ cho việc xây dựng trên khu đất thuê.
- 2.2 Bên B được phép xây dựng nhà xưởng và triển khai hoạt động trên khu đất thuê sau khi:
 - Nhận được văn bản thẩm định thiết kế các công trình.
 - Trả đầy đủ các khoản tiền nêu tại Mục 1.3 và 1.4 của Hợp đồng này.
 - Ký Bản ghi nhớ tổng quát về việc xây dựng được đề cập đính kèm theo Hợp đồng.
- 2.3 Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay vật kiến trúc được xây cất hay tạo ra trên Khu đất thuê là tài sản của Bên B. Bên B được quyền thế chấp tại ngân hàng ở Việt Nam giá trị tài sản của mình trên khu đất thuê để vay vốn cho sản xuất.
- 2.4 Bên B sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 3 : CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI KHU ĐẤT CHO THUÊ

- 3.1 Bên A sẵn sàng giúp đỡ Bên B tiến hành các thủ tục cần thiết để Bên B nhận được Giấy phép xuất nhập khẩu, Giấy đăng ký chế độ kế toán cũng như công việc khác theo sự ủy thác của Bên B với mức phí thấp nhất do hai bên thỏa thuận.
- 3.2 Bên A cam kết dành cho Bên B trọn quyền sử dụng khu đất thuê để thực hiện dự án như Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp ngoại trừ trường hợp qui định tại Mục 5.2 của Hợp đồng này.
- 3.3 Các dịch vụ thông tin như: điện thoại, fax... do Bưu Điện Đồng Nai cung cấp đến khu đất thuê. Tiền lắp đặt và cước phí sử dụng dịch vụ thông tin Bên B trả cho Bưu điện Đồng Nai theo quy định của Tổng công ty Bưu chính viễn thông.
- 3.4 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng đường dây điện 22KV cách ranh giới của khu đất thuê khoảng 17 mét, cách mặt đất khoảng 7,5 mét để cấp điện cho trạm biến áp của Bên B. Bên B chịu toàn bộ chi phí về máy biến thế, hệ thống đường dây nối từ mạch 22KV của Bên A vào nhà máy và chi phí lắp đặt theo giá biểu chính thức. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng điện với Công ty điện lực và trả mọi khoản phí tổn do sử dụng điện cho Công ty điện lực. Việc quản lý lưới điện và cung cấp điện năng do Công ty điện lực thực hiện.
- 3.5 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng đường ống cấp nước với đường kính đảm bảo công suất khoảng **100 m³/ngày đêm**. Chi phí về đồng hồ nước, đường ống nối từ đường phân phối đến đồng hồ nước của Bên B do Bên A chịu. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước và trả tiền nước cho Bên A theo mức giá qui định của Ủy ban

Nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Chất lượng nước do Công ty cấp nước Đồng Nai thực hiện.

- 3.6 Bên A có trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Biên Hòa 2 trong suốt thời gian cho thuê lại đất (trừ hệ thống điện và thông tin).
- 3.7 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung cho khu công nghiệp Biên Hòa 2 để đảm bảo nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận đã được xử lý đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn thải nước thải hiện hành. Bên B sẽ ký Hợp đồng Xử lý nước thải và trả phí xử lý nước thải với đơn vị vận hành Nhà máy Xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Biên Hòa 2 là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi. Khối lượng nước thải tính phí và mức phí xử lý nước thải sẽ được thỏa thuận chi tiết khi ký Hợp đồng xử lý nước thải và tuân thủ các qui định hiện hành.

ĐIỀU 4 : CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH THUÊ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2

- 4.1 Bên B sẽ sử dụng đất vào mục đích như Giấy chứng nhận đầu tư quy định và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Bản Hợp đồng này.
- 4.2 Bên B cam kết xây dựng nhà máy và điều hành sản xuất, kinh doanh trên khu đất thuê theo đúng nội dung của Giấy chứng nhận đầu tư, các quy định cụ thể của khu công nghiệp Biên Hòa 2 và các điều khoản của Hợp đồng này.
- 4.3 Bên B chịu mọi khoản thuế theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư và các khoản thuế khác theo quy định của Luật pháp Việt Nam.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với khu đất thuê.
- 4.5 Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và các quy định cụ thể của khu công nghiệp Biên Hòa 2 cũng như của Bản hợp đồng này. Người mua phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành Luật pháp Việt Nam và mọi quy định của khu công nghiệp Biên Hòa 2.
- 4.6 Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại khu đất thuê trước thời hạn với lý do chính đáng thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 06 (sáu) tháng.
- 4.7 Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của mình để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.
- 4.8 Bên B cần phải nộp cho Bên A toàn bộ bản vẽ thiết kế xây dựng nhà máy bao gồm: bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể, cấp nước, thoát nước, cấp điện, san nền, bản vẽ tường rào và bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy trước khi nộp hồ sơ thẩm định thiết kế. Bên B sẽ nhận được chấp thuận bằng văn bản của Bên A về các bản vẽ này. Bên A đảm bảo giải quyết công việc một cách nhanh chóng để không làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng của Bên B.

- 4.9 Bên B cam kết tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
- 4.10 Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các qui định về đấu nối và xử lý nước thải:
- Bên B phải xây dựng riêng biệt hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong khu đất thuê và chịu sự kiểm soát của Bên A trong quá trình xây dựng.
 - Bên B phải cam kết bằng phí tổn của mình, thực hiện xử lý nước thải cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Biên Hòa 2 trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu công nghiệp.
 - Bên B cam kết đấu nối toàn bộ nước thải phát sinh trong khu đất thuê vào hệ thống thu gom xử lý nước thải chung của khu công nghiệp Biên Hòa 2.
- 4.11 Bên B chịu trách nhiệm và sẽ bồi thường đầy đủ cho Bên A mỗi khi Bên A chịu thiệt hại về hạ tầng khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hay không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra.
- 4.12 Thanh toán tiền thuê lại đất và phí sử dụng hạ tầng đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền ghi tại Mục 1.3 và 1.4 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng thuê lại đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 5.1 Vào cuối thời hạn thuê lại đất như đã nêu tại Mục 1.2, Bản hợp đồng này sẽ chấm dứt nếu đơn xin gia hạn đầu tư của Bên B không được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam chấp thuận, Bên B đồng ý ngừng hoạt động và dọn dẹp các kiến trúc, thiết bị, vật liệu... khỏi khu đất thuê trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày hết hạn thuê lại đất và tự chịu mọi phí tổn, đồng thời giao lại mặt bằng sạch cho Bên A.
- 5.2 Bên B không thanh toán cho Bên A các khoản nợ phát sinh theo Mục 1.3 và 1.4 của Hợp đồng này vòng 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày các khoản đó đến hạn phải trả dù Bên A có nhắc nhở hay không. Bên A có quyền tính lãi phạt trên khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho Bên B với lãi suất 10%/năm (mười phần trăm) cho đến khi Bên A nhận được khoản tiền trả chậm hay đến ngày Bản Hợp đồng thuê đất này bị Bên A chấm dứt do việc Bên B không trả tiền thuê đúng hạn.
- Trong trường hợp Bên B gặp khó khăn và không có khả năng thanh toán đúng hạn, Bên B có thể đề nghị gia hạn thời gian thanh toán bằng văn bản. Bên A sẽ xem xét gia hạn thời gian thanh toán theo từng trường hợp cụ thể nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng. Nếu hết thời gian gia hạn mà Bên A vẫn chưa nhận đầy đủ các khoản tiền quá hạn từ Bên B thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng.
- 5.3 Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

ĐIỀU 6 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do những sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của chính phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

ĐIỀU 7 : NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI VÀ BÃI MIỄN

- 7.1 Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Bản hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ thì tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ giải thích. Bản Hợp đồng này sẽ do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.
- 7.2 Trừ khi được hai Bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong Bản hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai Bên mà không được sự đồng ý của bên kia.
- 7.3 Việc một Bên không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong Bản hợp đồng này sẽ không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của Hợp đồng.

ĐIỀU 8 : XỬ LÝ VI PHẠM

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai Bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì hai Bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Nai hoặc một tòa án có thẩm quyền khác của Việt Nam do hai Bên thỏa thuận để phân xử và hai Bên chịu sự phán quyết theo quyết định của tòa án trên.

ĐIỀU 9 : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 9.1 Bản hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi cam kết ưng thuận bằng văn bản trước đây.
- 9.2 Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Bản hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.
- 9.3 Kể từ ngày ký Hợp đồng này, Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 số 120/HĐTD ngày 12/10/2005 và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 120/HĐTD/BH2.PL1 ngày 18/03/2009 không còn hiệu lực.
- 9.4 Bản Hợp đồng này được lập thành sáu (06) bản Tiếng Việt và bốn (04) bản Tiếng Anh, mỗi Bên giữ hai (02) bản Tiếng Việt, hai (02) bản Tiếng Anh; đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Đồng Nai mỗi nơi một (01) bản Tiếng Việt.
- 9.5 Cả hai Bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc



Phan Đình Thám

ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám Đốc



Cheng Yao Kon

XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

Ngày 05 tháng 10 năm 2010 (ngày năm tháng mười năm hai ngàn không trăm mười),

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI XÁC NHẬN:

- Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng số 120/HĐTĐ/BH2 ngày 07/9/2010 được giao kết giữa Bên cho thuê là Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Bên thuê là Công ty TNHH Homer (Việt Nam); các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng;
- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Đại diện Bên cho thuê và đại diện Bên thuê đã ký tên trước vào Hợp đồng và chữ ký đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký;
- Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản chính (mỗi bản chính gồm 09 tờ, 09 trang), lưu tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai 01 (một) bản chính.

Số 255/2010/KCNĐN/XN/HĐGD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Văn



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2026

Số: 674 /KCNKKT-QHXD

V/v sửa chữa, cải tạo công trình của
Công ty TNHH Homer tại KCN
Biên Hòa II.

Kính gửi: Công ty TNHH Homer
(KCN Biên Hòa II)

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tiếp nhận Văn bản số 01/2020/CV ngày 15/01/2026 của Công ty TNHH Homer (không kèm bản vẽ thiết kế) về việc **son, thay mái tôn**; về việc này, Ban Quản lý các KCN, KKT Đồng Nai có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm h, Khoản 2, Điều 43, Luật Xây dựng năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 quy định như sau: “2. *Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng trừ các trường hợp sau:*

....h) ***công trình sửa chữa, cải tạo bên trong công trình hoặc công trình sửa chữa, cải tạo mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nội dung sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi mục đích và công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng đến an toàn kết cấu chịu lực của công trình, đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật***”.

Việc thay mái tôn, sơn lại công trình không thuộc trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng; Trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình làm thay đổi kết cấu chịu lực, thay đổi mục đích và công năng sử dụng công trình, Công ty phải có cấp giấy phép xây dựng theo đúng quy định.

Trong quá trình triển khai, Công ty phải xây dựng phương án thi công đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong quá trình thi công xây dựng công trình; bảo vệ môi trường; phòng cháy và chữa cháy.

Trên đây là ý kiến của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Đại diện (giám sát);
- Lưu VT, QHXD (Thuy).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Hoàng Hữu Vũ



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 02511.3513339
MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/NC Sơn lót trong
Mã sản phẩm"	NCSLO- 500.....
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Resin	20%~25%	63148-69-6
	Butyl Acetate	35%~40%	123-86-4
	Filler	5%~10%	--
	Nitrocellulose	20%~25%	9004-70-0
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch cặn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giấy /25°C): ≤ 90s s
Khô mặt (mm/30s): 15~30	Điểm chớp : 137.9~140°C

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định : Ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:

Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 02511.3513339
MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn và chất phủ tổng hợp/ Dầu giả bụi
Mã sản phẩm"	SG-6CH
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	White gasoline	98%~100%	64742-49-0
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở

Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .

Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.

Tiếp xúc với da: kích ứng.

Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.

Tác động môi trường: không đáng kể

Nguy hiểm đặc biệt:-

Triệu chứng chính : -

Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .

2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch căn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giây /25°C): $\leq 100s$
Khô mặt (mm/30s): 15~40	Điểm chớp : 138.9°C

10. Tính Ổn định và phản ứng

Tính Ổn định : Ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:
Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 02511.3513339
MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/Dầu Chuối bóng
Mã sản phẩm:	NCLT-028;
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Butyl Acetate	75%~80%	123-86-4
	CAC	15%~25%	111-15-9
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch cặn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đậy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giấy /25°C): ≤ 50s s
Khô mặt (mm/30s): 15~30	Điểm chớp : 130~140°C

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính Ổn định : Ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:
Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 02511.3513339
MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/NC Sơn bóng trong chống ngả vàng
Mã sản phẩm"	NCTLO; SG-NCTN-M50~M100
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Resin	25%~30%	63148-69-6
	Butyl Acetate	35%~45%	123-86-4
	Nitrocellulose	15%~20%	900-70-0
	Light stabilizer	1%~3%	3864-99-1
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch cặn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giây /25°C): ≤ 60s s
Khô mặt (mm/30s): 15~30	Điểm chớp : 137.9~140°C

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định : ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể: Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 0251.3513339

MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/màu base coat
Mã sản phẩm:	NC BASE COAT...
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Resin	25%~30%	63148-69-6
	Butyl Acetate	35%~40%	123-86-4
	Nitrocellulose	20%~25%	9004-70-0
	Pigment Powder	15%~20%	--
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở

Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .

Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.

Tiếp xúc với da: kích ứng.

Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.

Tác động môi trường: không đáng kể

Nguy hiểm đặc biệt:-

Triệu chứng chính : -

Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở..
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch cặn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Mùi đặc trưng
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giấy /25°C): ≤100s s
Khô mặt (mm/30s): 30~45	Điểm chớp : 138.9°C

10. Tính Ổn định và phản ứng

Tính Ổn định : Ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dự liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:

Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



CÔNG TY TNHH BEIFU CHEMICAL

Lô L4 và L5 đường D4, KCN Nam Tân Uyên, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. BD

Tel : 84 650-3896666 3697777 Fax : +84 650-3563888

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	NC Sơn bóng trong chống ngả vàng
Mã sản phẩm:	BFN-502 và 503 -1 ~ 4.....
Nhà Sản xuất	CÔNG TY TNHH BEIFU CHEMICAL
Địa chỉ	Lô L4 và L5 đường D4, KCN Nam Tân Uyên, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. BD
Điện thoại	084650-3896666
Fax	084650-3563888

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Resin	20%-25%	63148-69-6
	Butyl Acetate	50%-52%	123-86-4
	Nitrocellulose	15%-18%	900-70-0
	Light stabilizer	1%-3%	3864-99-1
	Matting Powder	1-2%	112926-00-8
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

--

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch căn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giấy /25°C): $\leq 60s$
Khô mặt (mm/30s): 15~30	Điểm chớp : 137.9~140°C

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định : ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phồng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:

Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	CÔNG TY TNHH BEIFU CHEMICAL	
	Lô L4 và L5 đường D4, KCN Nam Tân Uyên MR , P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. BD	
	TEL: +84 274-3896666 3697777 Fax: +84 274-3563888	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 02511.3513339
MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn NC và chất phủ tổng hợp/NC Sơn lót trắng
Mã sản phẩm:	NCSLW - 02
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Resin	20%~25%	63148-69-6
	N-Butyl Acetate	35%~40%	123-86-4
	Titanium Dioxide	15%~20%	13463-67-7
	Filler	5%~10%	--
	Nitrocellulose	15%~20%	9004-70-0
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

--

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

1. Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết, Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

1. Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

1. Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
2. Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bọt hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .
2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch căn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ 1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở. 2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa . 3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc 4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)
--

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành
Thiết bị bảo vệ cá nhân : 1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang 2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước 3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt
Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng :
Màu sắc:	Mùi : Thơm
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giấy /25°C): ≤ 100s s
Khô mặt (mm/30s): 15~40	Điểm chớp : 138.9°C

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định : ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phồng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dự liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể: Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít
--

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、 Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / base coat màu chỉ định hệ nước
Mã sản phẩm:	SGW-BASE COAT---
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、 Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	45%~50%	201058-08-4
	Titanium Dioxide	20%~25%	13463-67-7
	DPNB	2%~5%	29911-28-2
	Pure Water	8.8%~10%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、 Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、 Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .

2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn
Lưu Trữ
1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch
Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :
1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt
Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---
Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---
Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、 Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、 Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、 Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / topcoat màu chỉ định hệ nước
Mã sản phẩm:	SGW-TOPCOAT---
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	55%~65%	201058-08-4
	DPNB	2%~5%	29911-28-2
	Titanium Dioxide	15%~25%	13463-67-7
	Waterborne Additive	1.5%~3.5%	—
	Pure Water	8.9%~10%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bọt và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hoả: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .
2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lân cận : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

Số Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、 Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Sơn Bóng Trắng Chống biến vàng Hệ Nước
Mã sản phẩm:	SGW - 8202....
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、 Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	65%~70%	9005-09-8
	Titanium Dioxide	20%~25%	13463-67-7
	DPNB	2%~5%	29911-28-2
	Pure Water	8.9%~10%	7732-18-5
	Waterborne Additive	6.3%~7.3%	—
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、 Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、 Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .

2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường

Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---

Điều kiện cần tránh : ---

Chất cần tránh : ---

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---

Hiệu Ứng Cục Bộ : ---

Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、 Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、 Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、 Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Sơn Lót BASE WASH COAT
Mã sản phẩm:	SGW - 8002SL(NEW)
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	50%~55%	201058-08-4
	ETHANOL	30%~40%	64-17-5
	Waterborne Additive	1.3%~2%	—
	Pure Water	10%~15%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hoả: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .
2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lân cận : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、 Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Sơn bóng trong hệ nước
Mã sản phẩm:	SGW - 8600-M95~M50
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、 Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	60%~65%	201058-08-4
	DPNB	2.2%~5%	29911-28-2
	Waterborne Additive	2.8%~4%	—
	Pure Water	25%~30%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、 Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、 Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .
2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

Số Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai
Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339
MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Dầu hôi hệ nước
Mã sản phẩm:	WGS - 200
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	PG	60%~65%	57-55-6
	Pure Water	27.7%~30%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.

2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.

2. Rửa nhiều nước và xà phòng.

3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.

2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .

2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .

2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa

3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .
2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---
Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---
Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Sơn Lót trong Hệ Nước
Mã sản phẩm:	SGW - 8000SL
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Resin	75%~80%	201058-08-4
	DPNB	2%~5%	29911-28-2
	Waterborne Additive	6.3%~7.3%	—
	Pure Water	15.7%~17%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .

2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---
Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---
Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、 Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、 Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、 Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、 Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Sơn Glaze hệ nước
Mã sản phẩm:	WGL-001N/4501/4502/4503
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、 Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Raped drying resin	30%~35%	9005-09-8
	PG	2%~5%	57-55-6
	Waterborne Additive	5.8%~6%	—
	Pure Water	27.7%~30%	7732-18-5
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、 Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、 Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .

2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường
Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---
Điều kiện cần tránh : ---
Chất cần tránh : ---
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---
Hiệu Ứng Cục Bộ : ---
Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---

SỐ Liên Hợp :

Giao thông vận tải trong nước : ---

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.61.3513336~8	FAX:084.3513339
Ngày	2025-01-02	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 061.3513336 ~ 8 Fax : 061.3513339

MST : 3600685720

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

1、 Sản Phẩm và Thông tin công ty

Sản Phẩm / tên gọi	Sơn Hệ Nước Dùng Cho Các Loại Gỗ / Màu Đỏ; Vàng, Đen Hệ Nước
Tên công ty	Công ty TNHH Shyange Paint Việt Nam
Địa Chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP,Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại	+84.61.3513336~8
Fax	+84.61.3513339

2、 Thành Phần và Dữ Liệu

Nguyên Liệu			
Thành Phần , Hàm Lượng&Cas No.	Thành Phần	Hàm Lượng	Cas No.
	Coalescent	5%~8%	--
	Red Pigment	30%~33%	--
	Pure Water	54.4%~57%	7732-18-5
	Waterborne Additive	10.6%~12.3%	100444142
Hỗn hợp các nguyên tố khác biệt	Hệ sơn nước là một hỗn hợp phức tạp, và không phân loại chất lượng duy nhất		
Sản Phẩm Dùng Cho	Thích hợp cho tất cả các loại sơn gỗ		

3、 Độc Hại

Sức Khỏe :	Không
Tác Động Môi Trường :	không có vai trò đáng kể
Tác Động Vật Lý Hóa Học :	Không
Nguy Hại Khác :	Không
Triệu Chứng chính :	---
Phân Loại Nguy Hiểm :	---

4、 Biện Pháp Sơ Cứu

Hỗ trợ đầu tiên trong nhiều cách khác nhau khi tiếp xúc phải :

I. Hít phải:

1. Di chuyển đến không khí trong lành, phải chú ý đến việc khó thở.
2. Đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

II Tiếp xúc ngoài da:

1. Khi cần thiết, đeo găng tay không thấm nước để tránh chạm vào hóa chất.
2. Rửa nhiều nước và xà phòng.
3. Nếu bạn cần thiết thì chăm sóc y tế ngay lập tức.

III Tiếp xúc mắt :

1. xối rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

.IV Nuốt phải:

1. Nếu bệnh nhân ý thức rõ , uống thật nhiều nước .
2. Đến bác sĩ ngay lập tức

Triệu chứng chính và các phản ứng : ---

Biện Pháp bảo vệ nhân viên cấp cứu : ---

Lời Khuyên Cho Bác sỹ : ---

5、Phòng Cháy Chữa Cháy

Phương tiện chữa cháy: Carbon dioxide, hóa chất khô, bột và phun nước.

Mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải khi cháy: Không có

Chữa Cháy Đặc Biệt :

1. Phun Nước để làm mát các vật dụng tiếp xúc với lửa .
2. Trường hợp an toàn nên di dời các vật dụng xa nguồn lửa
3. Phun nước để tách khỏi nguồn lửa

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hoả: Bao Tay và quần áo bảo hộ chuyên dụng

6、Biện Pháp Giảm thiểu tai nạn

Bảo vệ cá nhân: đeo găng tay bảo vệ và quần áo bảo hộ

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Tránh lây lan trong môi trường, ngăn chặn sự rò rỉ, lập tức làm sạch sự cố tràn

Phương pháp vệ sinh: theo "Đạo luật đất và nước ngầm ô nhiễm Xử lý ô nhiễm" và các quy định khác có liên quan của các chương trình xử lý hiện hành .

7、Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý :

1. Không hút thuốc trong khu vực làm việc .
2. Thùng rỗng, dư lượng đã được làm sạch để xử lý an toàn

Lưu Trữ

1. Lưu trữ trong bao bì kín sau khi sử dụng nên nắp đậy kín mở;
2. Lưu trữ ở nơi mát, khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, nguồn lửa và thiết bị không tương thích
3. Lưu trữ hoặc khu vực hoạt động không thể hút thuốc
4. lưu trữ hạn chế

8、Biện Pháp phòng chống

Kỹ Thuật : sử dụng hệ thống thông gió đầy đủ , cung cấp đủ không khí sạch

Thiết Bị Bảo hộ cá nhân :

- 1 . Hô hấp : đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: Đeo găng tay không thấm nước
3. Da và cơ thể : Không có quy định đặc biệt

Biện pháp vệ sinh: để phát triển những thói quen tốt, cấm mang theo thức ăn vào nơi làm việc, rửa tay, vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn

9、Tính Vật lý và Hóa học

Dạng : Liquid	Ngoại quan : chất lỏng màu trắng và mờ đục
Màu sắc : Trắng Sữa	Mùi : rất ít mùi
Độ PH : 8~9	Độ Nhớt: (coating 4# cup, second /25°C): ≤60s s
Khô bề mặt (mm/30s) : 15~40	

10、Tính Ổn định và độ phản ứng

Tính Ổn Định : Ổn Định trong các điều kiện bình thường

Điều kiện đặt biệt của phản ứng nguy hại : ---

Điều kiện cần tránh : ---

Chất cần tránh : ---

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : ---

11、Thông tin về độc tố

Độc Cấp Tính :---

Hiệu Ứng Cục Bộ : ---

Tính Mẫn Cảm : ---

Ngộ độc mãn tính hoặc độc tính dài hạn : ---

Hiệu ứng đặc biệt : ---

12、Dữ Liệu sinh thái

Có Thể tác động môi trường/môi trường lây lan : ---

13、Phương Pháp xử lý chất thải

Phương pháp xử lý chất thải: Theo quy định điều kiện bảo quản và lưu trữ chất thải

14、 Vận Chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : ---
SỐ Liên Hợp :
Giao thông vận tải trong nước : ---
Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng : ---

15、 Dữ Liệu pháp chế

Áp dụng pháp luật và các quy định : ---

16、 Các thông tin khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn Vị	Tên cty : Shyange Paint Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai	
	TEL: 084.251.3513336~8	FAX:084.2513339
Ngày	2023-11-01	Phiên bản Edition : 17
Ghi Chú	Các biểu tượng thông tin trên "---" đại diện cho điều tra hiện tại không có thông tin liên quan, và các biểu tượng "/" đại diện cho lĩnh vực này không áp dụng đối với chất này .	



SHYANGE PAINT CO.,LTD.

Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai

Tel : 0251.3513336 ~ 8 Fax : 0251.3513339

MST : 3600685720

Phiếu An Toàn Hóa Chất

1. Sản phẩm và nhà cung ứng

Tên Sản Phẩm	Sơn màu/Tinh màu vàng/ màu đỏ/ màu cam/màu đen
Mã sản phẩm:	YP-20T / RP-06T / OP - 09T / BP-20T.....
Nhà Sản xuất	Công ty TNHH Shyange Paint
Địa chỉ	Đường số 5, KCN Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	084.251.3513336 ~ 8
Fax	084.251.3513339

2. Thông Tin Thành Phần

Nguyên Vật Liệu			
Thành phần, hàm lượng & số Cas	Thành phần	Hàm lượng	Số Cas
	Butyl Acetate	65%~70%	00123-86-4
	Dye Pigment	30%~35%	--
Sự khác biệt giữa hỗn hợp hoặc chất đơn	Sơn là một hỗn hợp phức tạp, và không có phân loại với chất đơn		
Ứng Dụng	Các loại gỗ		

3. Biện Pháp Sơ Cứu

Các mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy, hơi có thể gây buồn nôn khó chịu và khó thở
Hít phải: đau đầu, buồn ngủ và các triệu chứng buồn ngủ .
Tiếp xúc với mắt: kích thích, chảy nước mắt.
Tiếp xúc với da: kích ứng.
Nuốt phải: đau họng, buồn nôn, đau dạ dày, nhức đầu, buồn ngủ, triệu chứng say rượu.
Tác động môi trường: không đáng kể
Nguy hiểm đặc biệt:-
Triệu chứng chính : -
Phân loại : -

4. Biện Pháp Sơ Cứu

--

Phương pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau:

I. Hít Phải :

1. Di chuyển đến không khí trong lành và nhận biết tín hiệu khó thở..
- 2.Chăm sóc y tế ngay lập tức.

II. Tiếp xúc da :

- 1.Mang găng tay không thấm nước nếu cần thiết để tránh chạm vào hóa chất.
2. Sử dụng nhiều nước và xà phòng để làm sạch.
3. Nếu Cần Thiết,Chăm sóc y tế ngay lập tức.

III. Tiếp xúc Mắt :

- 1.Rửa mắt với nhiều nước trong hơn 15 phút.
- 2.Chăm sóc y tế ngay lập tức.

IV. Nuốt Phải :

- 1.Nếu bệnh nhân nhận thức được vấn đề, hãy rửa kỹ bằng nước và uống nhiều nước.
- 2.Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Triệu chứng quan trọng và tác hiệu ứng: -

Đối với nhân viên sơ cứu : ---

Lời khuyên cho bác sỹ :--

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy: Sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột hoặc nước phun

Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có.

Chữa cháy đặc biệt :

1. Xịt nước để làm mát các thùng chứa, tòa nhà và nhân viên bảo vệ tiếp xúc với đám cháy.
2. Di chuyển hàng ra khỏi đám cháy trong tình huống an toàn
3. Sử dụng nước xả vào vật nguy cơ cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa: găng tay bảo hộ, quần áo chữa cháy

6. Phương pháp xử lý rò rỉ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: găng tay và quần áo bảo hộ .

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh chạy lan trong môi trường, ngăn chặn rò rỉ càng sớm càng tốt và ngay lập tức làm sạch sự cố tràn.

Phương pháp làm sạch: Theo "Đạo luật khắc phục ô nhiễm đất và nước ngầm" và các quy định liên quan.

7. Phương pháp xử lý và lưu trữ an toàn

Xử Lý:

1. Không hút thuốc trong môi trường làm việc .

2. Làm sạch thùng chứa và làm sạch cặn bã để xử lý vô hại

Lưu trữ

1. Lưu trữ trong một thùng đầy kín và đóng nắp sau khi mở.
2. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt và nguồn lửa .
3. Khu vực lưu trữ hoặc hoạt động không được phép hút thuốc
4. Lưu trữ hạn chế (hạn chế tồn kho số lượng lớn)

8. Các biện pháp phòng chống phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật: Cung cấp không khí trong lành

Thiết bị bảo vệ cá nhân :

1. Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang
2. Bảo vệ tay: đeo găng tay không thấm nước
3. Bảo vệ da và cơ thể: không có quy định đặc biệt

Vệ sinh: Hình thành Thói quen tốt, không mang theo thức ăn vào nơi công việc , rửa tay sau khi hoàn thành công việc

9. Tính chất vật lý và hóa học

Tính năng: lỏng	Hình dạng : Lỏng
Màu sắc:	Mùi : Mùi đặc trưng
PH : / Độ PH : /	Độ nhớt (Ly 4# , Giây /25°C): ≤90s s
Khô mặt (mm/30s):30~40	Điểm chớp : 138.9°C

10. Tính Ổn định và phản ứng

Tính Ổn định : Ổn định
Phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: -: —
Tình huống nên tránh: —
Nên tránh các vật liệu: Axit và chất oxy hóa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: -

11. Dữ liệu độc tính

Độc tính cấp tính: viêm da
Tác dụng tại chỗ: Kích ứng da, phỏng rộp.
Độ nhạy cảm: thấp, tùy thuộc vào vóc dáng của bạn.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng tạo máu
Hiệu ứng đặc biệt :—

12. Dữ liệu sinh thái

Tác động môi trường / dòng chảy môi trường có thể:

Vật liệu này dự kiến sẽ hơi độc đối với các sinh vật dưới nước. Giá trị LD50 / 96 giờ của cá từ 10 đến 100 mg / lít

13. Xử lý phế phẩm

Xử lý chất thải:

Ưu tiên quản lý chất thải (tùy thuộc vào lượng và nồng độ chất thải) là: 1. Chu kỳ (tái xử lý). 2. Thu hồi (lò nung xi măng, sản xuất nhiệt điện) .3. Đưa vào một cơ sở xử lý chất thải được cấp phép. Đừng cố gắng đốt chất thải tại chỗ. Đốt cháy tại nơi xử lý chất thải được cấp phép với sự chấp thuận của cơ quan môi trường

14. Vận chuyển

Quy định vận chuyển quốc tế : Bao gồm bộ giao thông vận tải Mỹ và tổ chức hàng hải quốc tế (IMO), Được liệt vào hàng nguy hiểm dễ cháy 3 . Bao bì nhóm III

Số Liên Hiệp : UN3208,1294

Vận tải trong nước :

1. Trên các quy tắc an toàn giao thông đường bộ 84
2. Quy tắc tàu chở hàng nguy hiểm .
3. Cục đường sắt thực hiện chi tiết về xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm .

Phương pháp vận chuyển đặt biệt riêng :—

15. Dữ Liệu Pháp Chế

Áp dụng pháp luật và các quy định :

1. Giám sát an toàn thiết bị
2. Quy định ngăn chặn ngộ độc dung môi hữu cơ
3. Quy định an toàn giao thông đường bộ
4. Kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm
5. Hành vi kiểm soát ô nhiễm không khí
6. Tiêu chuẩn về phương pháp và phương tiện để làm sạch và xử lý chất thải công nghiệp

16. Thông Tin Khác

Tài liệu tham khảo		
Đơn vị sản xuất	Công Ty : Shyange Paint VietNam Co.,Ltd.	
	Địa chỉ : Street No.5 Tam Phuoc, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam	
	TEL: 084.251.3513336~8 FAX:084.251.3513339	
Ngày	2025-01-02	Edition : 19
Ghi Chú	Biểu tượng" _ "trong thông tin trên có nghĩa là hiện tại không có thông tin liên quan và ký hiệu" / "có nghĩa là chất này không được áp dụng cho trường này.	



永大（新永展）樹脂

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN MSDS

1. NHÂN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: **H-15**
Tên công ty: **CÔNG TY TNHH RESIN YOUNG TA VIỆT NAM**
Lô B11, Khu A- KCN Đất Cuốc, Ấp Tân Lợi, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Tel. (84274) 3868977

2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CẤU TẠO

Polymeric MDI

Molecular formula: $[-C_6H_3(NCO)CH_2-]_n$

CAS No: 9016-87-9

3. NHÂN DẠNG MỐI NGUY HIỂM

Biểu tượng cảnh báo:



Chất lỏng dễ cháy: Không.

Chất hoặc hỗn hợp tự bốc cháy: Không.

Chú ý! Có thể gây rát da và mắt. Gây rát hệ hô hấp và tiêu hóa. Tính độc hại của hóa chất này không được nghiên cứu đầy đủ.

Ảnh hưởng tiềm năng đến sức khỏe

Mắt: Có thể gây rát mắt nếu tiếp xúc trực tiếp.

Da: Làm rát da đối với những vùng da nhạy cảm.

Nuốt phải: Làm rát hệ hô hấp và tiêu hóa. Tính độc hại của thành phần này không được nghiên cứu đầy đủ.

Hít phải một lần: Đánh giá: sản phẩm không được phân loại có ảnh hưởng khi tiếp xúc một lần.

Hít phải nhiều lần (lặp đi lặp lại): Có thể gây rát hệ hô hấp.

4. SƠ CỨU

Hô hấp	Di chuyển người bị tác động đến nơi có không khí thoáng. Đặt người đó ở tư thế nghỉ ngơi để thở 1 cách dễ dàng. Gọi cho bác sĩ nếu nạn nhân cảm thấy không khỏe
Tiếp xúc với da	Lập tức cởi bỏ hoặc dịch chuyển quần áo bị nhiễm chất này Rửa thật sạch với nhiều nước và xà bông Gọi cho bác sĩ
Tiếp xúc với mắt	Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính sát trùng nếu có và để thực hiện cởi bỏ. Tiếp tục rửa sạch mắt. Gọi cho bác sĩ
Nuốt phải	Rửa sạch miệng. Không cố gắng nôn ói Gọi cho bác sĩ

5. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

Các thiết bị chữa cháy	Nước, carbon dioxide, bột chữa cháy, đất
Các phương pháp chữa cháy cụ thể	Chữa cháy từ hướng gió thổi và trong khu vực không chứa các chất gas, và thực hiện các bước chống sự rò rỉ
Bảo vệ cho người chữa cháy	Trong khi thực hiện các động tác chữa cháy, người chữa cháy nên mang các dụng cụ để thở phù hợp và quần áo bảo vệ khỏi các hóa chất

6. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRÁNH TAI NẠN

Đề phòng cá nhân	Nghiêm cấm việc xâm nhập mà không có sự cho phép Làm thông thoáng khu vực bị đóng kín Không đụng vào các chỗ bị rò rỉ Mặc các quần áo bảo vệ cá nhân phù hợp (Xem mục 8) và tránh hít quá nhiều hoặc để hóa chất tiếp xúc với da và mắt Không đổ ra môi trường
Bảo vệ môi trường	Tránh làm bẩn hoặc ô nhiễm môi trường
Thu hồi/ tái chế	Đối với số lượng nhỏ: Dùng các chất khô để hấp thụ như cát hoặc sỏi khô rồi thu chúng vào vật chứa chất thải hóa học Đối với số lượng lớn: Cần thận di chuyển những phần còn lại và đem chúng đến nơi an toàn Ngăn chặn việc rò rỉ nếu việc này dễ dàng
Các phương pháp và trang thiết bị ngăn chặn hoặc làm sạch	
Các phương pháp ngăn chặn	Ngăn chặn hóa chất chảy vào các cống rãnh, tầng hầm hoặc những nơi bị đóng kín
Đối với những tai nạn gián tiếp	Di chuyển một cách cẩn thận vì hóa chất sẽ làm sàn nhà rất trơn trượt

7. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại quan:	: Chất lỏng màu nâu.
Độ nhớt	: 150 - 250 mPa.s
Điểm sôi	: 200 C at 5 mm Hg
Trọng lượng riêng	: 1.24
Mật độ hơi	: 8.6 g/l
Điểm sáng	: 113°C

8. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Điều kiện lưu trữ:	- Lưu trữ ở nhiệt độ : 8 - 40 C - Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời - Giữ vật chứa được đóng kín - Tránh nhiệt độ đông lạnh
Các nguyên liệu dùng đóng gói	Không có quy định cho vật lưu trữ đúng nơi và đóng gói nhưng lưu trữ trong các vật chứa đóng kín bền để lưu trữ/ chứa

9. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Tính ổn định hóa học	: Ổn định dưới điều kiện thông thường
Khả năng phản ứng nguy hiểm	: Không.
Các điều kiện nên tránh	: Không.
Các nguyên liệu không tương thích	: Các hợp chất diodizing

10. KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát việc tiếp xúc	: Sử dụng hóa chất ở khu vực thông gió : Nơi làm việc để lưu trữ hoặc xử lý chất này cần phải được trang bị chỗ rửa mắt và vòi nước trong trường hợp khẩn cấp
Bảo vệ	: Sử dụng trang thiết bị bảo vệ cá nhân cần thiết : Mang găng tay bảo vệ : Mang kính bảo hộ : Mang quần áo bảo hộ/ giày bảo vệ
Các phương pháp vệ sinh đặc biệt	: Rửa tay sạch sau khi xử lý

11. THÔNG TIN VỀ CÁC CHẤT ĐỘC

RTECS#:

CAS Number: 9003-20-7 không công bố.

Chất sinh ung thư : CAS Number: 9003-20-7 : không công bố bởi ACGIH, IARC, NTP, or CA Prop 65.

Dịch tế học: Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Khả năng di truyền bên trong: Đã tiến hành kiểm tra bên trong, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Độc biến Gen: Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Tác động đến hệ thần kinh: Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI HỌC

Độc tính đối với cân bằng môi trường	: Căn cứ kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: Không có.
Độc tính mãn tính đối với cân bằng môi trường	: Căn cứ kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: Không có.
Các tác động có hại khác	: Khuyến cáo nên tránh làm ô nhiễm môi trường trên cạn và dưới nước nếu đổ trực tiếp và sông có thể gây chết cá do khó thở bởi các hợp chất kết dính cực mạnh của loại keo sữa này. : Nguy hiểm đối với môi trường nếu đổ thẳng vào các nguồn nước

13. NHỮNG LƯU Ý ĐỐI VỚI VIỆC TIÊU HỦY

Rác thải còn dư	Nếu bạn có ý định tiêu hủy hóa chất này, bạn nên tự tay tiêu hủy chúng 1 cách cẩn thận hoặc hỏi các đại lý uy tín theo luật pháp hoặc các luật lệ địa phương. Nếu bạn muốn hỏi các đại lý về việc hủy các chất này bạn nên cung cấp cho đại lý đầy đủ các thông tin hiệu quả về sự nguy hiểm và độc hại của chất này.
-----------------	---

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Văn bản dưới luật	: Không quy định
Thông tin bởi hiệp hội đường biển	: Không quy định
Chất gây ô nhiễm hàng hải	: Không quy định
Thông tin luật quy bởi hiệp hội đường hàng không	: Không quy định

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT LỆ

Bạn có trách nhiệm phải kiểm tra các thông tin về luật lệ quy định liên quan đến chất này ở đất nước và vùng của bạn

16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin này được dựa trên mức độ hiện tại của chúng tôi về kiến thức và kết quả lấy được từ những khách hàng đã sử dụng sản phẩm. Nó được dùng để mô tả sản phẩm của chúng tôi từ quan điểm của các yêu cầu về tính an toàn, không đảm bảo trong trường hợp mang tính chất đặc biệt.



永大（永展）樹脂

CÔNG TY TNHH RESIN YOUNG TA VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VĨNH TRIỂN

Lô B11, Khu A- KCN Đất Cuốc, Ấp Tân Lợi, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên,
Tỉnh Bình Dương

Tel: 0274.3868977 Fax: 0274.3868978 Email: ctyyoungta@gmail.com

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN

1. NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

Tên sản phẩm

Keo Sữa : 560

2. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CẤU TẠO

1. Vinyl Acetate Copolymer

CAS NO: 9003-20-7

WT %: 35 Min

2. Polyvinyl Alcohol

CAS NO: 9002-89-5

WT %: 9.7 Min

4. 1, 2 - Benzisothiazolin - 3 - One

CAS NO: 2634-33-5

WT %: 0.3 Min

5. Water

WT %: 55 Max

3. NHẬN DẠNG MỐI NGUY HIỂM

Biểu tượng cảnh báo:



Chất lỏng dễ cháy:

Chất hoặc hỗn hợp tự bốc cháy:

Chú ý !

: Không.

: Không.

Có thể gây rát da và mắt. Gây rát hệ hô hấp và tiêu hóa. Tính độc hại của hóa chất này không được nghiên cứu đầy đủ.

Ảnh hưởng tiềm năng đến sức khỏe

Mắt :

Có thể gây rát mắt nếu tiếp xúc trực tiếp.

Da :

Làm rát da đối với những vùng da nhạy cảm.

Nuốt phải :

Làm rát hệ hô hấp và tiêu hóa. Tính độc hại của thành phần này không được nghiên cứu đầy đủ.

Hít phải một lần :

Đánh giá: sản phẩm không được phân loại có ảnh hưởng khi tiếp xúc một lần.

Hít phải nhiều lần (lặp đi lặp lại):

Có thể gây rát hệ hô hấp.

4. SƠ CỨU

Hô hấp

Di chuyển người bị tác động đến nơi có không khí thoáng.

Đặt người đó ở tư thế nghiêng để thở 1 cách dễ dàng

Gọi cho bác sĩ nếu nạn nhân cảm thấy không khỏe

Lập tức cởi bỏ hoặc dịch chuyển quần áo bị nhiễm chất này

Rửa thật sạch với nhiều nước và xà bông

Gọi cho bác sĩ

Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút.

Gỡ bỏ kính sát tròng nếu có và dễ thực hiện cởi bỏ. Tiếp tục rửa sạch mắt.

Gọi cho bác sĩ

Rửa sạch miệng. Không cố gắng nôn ói

Gọi cho bác sĩ

Mang các vật dụng bảo vệ để ngăn chặn chất này gây độc hại

Tiếp xúc với da

Tiếp xúc với mắt

Nuốt phải

Các thiết bị bảo vệ

5. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

Các thiết bị chữa cháy

Các phương pháp chữa cháy cụ thể

Nước, carbon dioxide, bột chữa cháy, đất

Chữa cháy từ hướng gió thổi và trong khu vực không chứa các chất gas, và thực hiện các bước chống sự rò rỉ

Trong khi thực hiện các động tác chữa cháy, người chữa cháy

nên mang các dụng cụ để thở phù hợp và quần

áo bảo vệ khỏi các hóa chất

Bảo vệ cho người chữa cháy

6. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRÁNH TAI NẠN



永大 (永展) 樹脂

Đề phòng cá nhân và

Bảo vệ môi trường

Thu hồi/ tái chế

Các phương pháp và trang thiết bị
ngăn chặn hoặc làm sạch
Các phương pháp ngăn chặn
đối với những tai nạn thứ 2

7. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại hình:

Độ pH

Tính dẻo

Hàm lượng rắn

Tỉ trọng

Tính tan

Điểm phát sáng

Nhiệt độ tự bốc cháy

Nghiêm cấm việc xâm nhập mà không có sự cho phép

Làm thông thoáng khu vực bị đóng kín

Không dùng vào các chỗ bị rò rỉ

Mặc các quần áo bảo vệ cá nhân phù hợp (xem mục 8) và
tránh hít hoặc tiếp xúc tiếp xúc với da và mắt

Không đổ ra môi trường

Tránh làm bắn hoặc ô nhiễm môi trường

Đối với số lượng nhỏ: Dùng các chất khô để hấp thụ như cát
hoặc sỏi khô rồi thu chúng vào vật chứa chất thải hóa học

Đối với số lượng lớn: Cần thận di chuyển những
phần còn lại và đem chúng đến nơi an toàn

Ngăn chặn việc rò rỉ nếu việc này dễ dàng

Ngăn chặn hóa chất chảy vào các cống rãnh, tầng hầm hoặc
những nơi bị đóng kín

Di chuyển 1 cách cẩn thận vì hóa chất sẽ làm sàn nhà rất trơn trượt

: Trắng như tương

: 6 - 7

: 8000 - 9000 cps

: $41 \pm 1\%$

: 1.025 - 1.165

: Tan được trong nước

: Không bốc cháy

: Không tự bốc cháy

8. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Điều kiện lưu trữ:

Các nguyên liệu dùng

Lưu trữ ở nhiệt độ : 8 - 40 C

Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời

Giữ các vật chứa được đóng kín

Tránh nhiệt độ đông lạnh

Không có quy định cho vật lưu trữ đúng nơi và đóng gói nhưng
lưu trữ trong các vật chứa đóng kín bền để lưu trữ/ chứa

9. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Tính ổn định hóa học

Khả năng phản ứng nguy hiểm

Các điều kiện nên tránh

Các nguyên liệu không tương thích

: Ổn định dưới điều kiện thông thường

: Không có dữ liệu

: Chưa có dữ liệu

: Các hợp chất diodizing

10. KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát việc tiếp xúc

Bảo vệ

: Sử dụng hóa chất ở khu vực thông gió

: Nơi làm việc để lưu trữ hoặc xử lý chất này cần phải được trang bị
chỗ rửa mắt

và vòi nước trong trường hợp khẩn cấp

: Sử dụng trang thiết bị bảo vệ cá nhân cần thiết

: Mang găng tay bảo vệ

: Mang kính bảo hộ

: Mang quần áo bảo hộ/ giày bảo vệ

: Rửa tay sạch sau khi xử lý

Các phương pháp vệ sinh đặc biệt

11. THÔNG TIN VỀ CÁC CHẤT ĐỘC



永大（永展）樹脂

Dịch tế học:

Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Khả năng di truyền bên trong:

Đã tiến hành kiểm tra bên trong, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản :

Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Đột biến Gen:

Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

Tác động đến hệ thần kinh:

Đã tiến hành kiểm tra, không tìm thấy thông tin tác nhân gây ảnh hưởng.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI HỌC

Độc tính đối với cân bằng môi trường

: Căn cứ kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại

Độc tính mãn tính đối với cân bằng

về các thành phần đã biết: Không có.

môi trường

: Căn cứ kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại

Các tác động có hại khác

về các thành phần đã biết: Không có.

: Khuyến cáo nên tránh làm ô nhiễm môi trường trên cạn và dưới nước. Nếu đổ trực tiếp và sông có thể gây chết cá do khó thở bởi các hợp chất

kết dính cực mạnh của loại keo sữa này.

: Nguy hiểm đối với môi trường nếu đổ thẳng vào các nguồn nước

13. NHỮNG LƯU Ý ĐỐI VỚI VIỆC TIÊU HỦY

Rác thải còn dư

Nếu bạn có ý định tiêu hủy hóa chất này, bạn nên tự tay tiêu hủy chúng 1 cách

cẩn thận hoặc hỏi các đại lý uy tín theo luật pháp hoặc các luật lệ địa phương.

Nếu bạn muốn hỏi các đại lý về việc hủy các chất này bạn nên cung cấp cho

đại lý đầy đủ các thông tin hiệu quả về sự nguy hiểm và độc hại của chất này

14. THÔNG TIN VỀ VĂN CHUYỀN

Văn bản dưới luật

: Không quy định

Thông tin bởi hiệp hội đường biển

: Không quy định

Chất gây ô nhiễm hàng hải

: Không quy định

Thông tin luật quy bởi hiệp hội

: Không quy định

đường hàng không

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT LỆ

Bạn có trách nhiệm phải kiểm tra các thông tin về luật lệ quy định liên quan đến chất này ở đất nước và vùng của bạn

16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin này được dựa trên mức độ hiện tại của chúng tôi về kiến thức và kết quả lấy được từ những khách hàng đã sử dụng sản phẩm. Nó được dùng để mô

tả sản phẩm của chúng tôi từ quan điểm của các yêu cầu về tính an toàn, không đảm bảo trong trường hợp mang tính chất đặc biệt.



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hoà 2, phường
Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.szb.com.vn

Điện thoại: +84 251 383 4700
E-mail: info@szb.com.vn

Số: 170/SZB-KT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2026

V/v Đấu nối giao thông và hạ tầng kỹ
thuật dự án Nhà máy Công ty TNHH
Homer tại KCN Biên Hòa 2.

Kính gửi: Công ty TNHH Homer (Việt Nam).

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã nhận được văn bản số 02/Homer-2026 ngày 09/3/2026 của Quý Công ty về việc xin thỏa thuận đấu nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật của dự án Nhà máy Công ty TNHH Homer vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN Biên Hòa 2. Sau khi khảo sát và làm việc với đại diện Quý Công ty (Biên bản làm việc ngày 02/4/2026 đính kèm), chúng tôi phúc đáp như sau:

1. Về đấu nối giao thông mở cổng phụ và điều chỉnh, mở rộng cổng chính:

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đồng ý cho Quý Công ty mở cổng phụ và điều chỉnh, mở rộng cổng chính theo hồ sơ đề nghị và Biên bản làm việc ngày 02/4/2026, cụ thể:

a. Điều chỉnh, mở rộng cổng chính: Chiều rộng cổng sau khi điều chỉnh, mở rộng: Phần trong cổng (giáp tường rào Công ty Homer) là 15,1m, phần ngoài cổng (giáp đường 19A) là 31,8m. Mép cổng cách tường rào giáp Công ty ASY là 11,9m. Vía hè hai bên đường vào cổng rộng 2m và có cao độ bằng với cao độ vỉa hè hiện hữu của đường 19A.

b. Mở cổng phụ: Chiều rộng cổng: Phần trong cổng (giáp tường rào Công ty Homer) là 7m, phần ngoài cổng (giáp đường 19A) là 19,2m, mép cổng cách tường rào giáp Công ty C.P là 0,3m. Vía hè hai bên đường vào cổng rộng 2m và có cao độ bằng với cao độ vỉa hè hiện hữu của đường 19A.

2. Về đấu nối thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của nhà máy hiện đang đấu nối vào hệ thống chung của KCN tại 03 vị trí (HG08, HG09 & HG11) trên đường 19A (theo Biên bản xác nhận số 02/BB/SZB-KT ngày 21/8/2020). Quý Công ty tiếp tục sử dụng 03 vị trí đấu nối này.

3. Về đấu nối nước thải:

Hệ thống thoát nước thải nội bộ của nhà máy hiện đang đấu nối vào hệ thống chung của KCN tại hố ga số 08 trên đường 19A (theo Biên bản xác nhận số 02/BB/SZB-KT ngày 21/8/2020). Quý Công ty sẽ đóng lại vị trí này và đấu nối tại vị trí mới (hố ga số 07 trên đường 19A).

4. Về đấu nối nước cấp:

Quý Công ty sử dụng nguồn nước từ hồ đồng hồ nước cấp số 99 hiện hữu trên đường 19A.

5. Về đấu nối cấp điện:

Quý Công ty liên hệ trực tiếp với Đội quản lý điện Long Bình để được hướng dẫn các thủ tục theo quy định hiện hành của ngành điện.

6. Quý Công ty có trách nhiệm thực hiện:

- Lắp đặt lưới chắn rác tại hố ga nội bộ trong Nhà máy trước khi đấu nối vào các hố ga của hệ thống thoát nước mưa, nước thải KCN.

- Cải tạo 03 hố ga nước mưa trong phạm vi đường vào cổng chính và cổng phụ: Cải tạo gờ kê đan, thay thế tấm đan BTCT bằng tấm đan thép mạ kẽm nhúng nóng đảm bảo chịu lực kết hợp thu nước.

- Cải tạo 01 hố ga nước thải trong phạm vi đường vào cổng chính: Cải tạo gờ kê đan, thay mới tấm đan BTCT hố ga nước thải hiện hữu bằng tấm đan BTCT đá 1x2 m300, dày 20cm để đảm bảo chịu lực.

- Thi công vỉa hè, bó vỉa hai bên đường vào cổng chính và cổng phụ (kết cấu tương tự như vỉa hè, bó vỉa hiện hữu của đường 19A).

- Cắt bỏ 06 cây giáng hương trong phạm vi đường vào 2 cổng.

- Trồng bổ sung 01 cây giáng hương và thảm cỏ nhung bên trái cổng chính.

- Tháo bỏ gạch bê tông tự chèn trong phạm vi đường vào 2 cổng.

- Di dời trụ biển báo giao thông trong phạm vi cổng phụ sang phía đường 2A.

- Chủ động liên hệ VNPT để được hướng dẫn gia cố đường ống cáp viễn thông băng ngang qua 2 cổng nêu trên.

- Gia cố hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu trong phạm vi thi công.

(Xem bản vẽ mặt bằng và gia cố hạ tầng đính kèm)

7. Trước khi triển khai thi công: Quý Công ty vui lòng liên hệ Ông Đỗ Ngọc Thuận (ĐT 0918 745 487) để được bàn giao mặt bằng và phối hợp giám sát quá trình thi công.

8. Trong quá trình thi công: Đề nghị Quý Công ty lắp đặt đầy đủ rào chắn, biển báo để đảm bảo an toàn khu vực thi công, không làm ảnh hưởng đến lưu thông và không xâm hại công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN. Trường hợp gây hư hỏng hạ tầng kỹ thuật, Quý Công ty phải chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục kịp thời toàn bộ thiệt hại. Sau khi thi công hoàn tất, đề nghị Quý Công ty dọn dẹp vệ sinh, hoàn trả mặt bằng đúng hiện trạng ban đầu và thông báo cho chúng tôi để phối hợp kiểm tra, xác nhận.

Trân trọng./.

Đồng kính gửi:

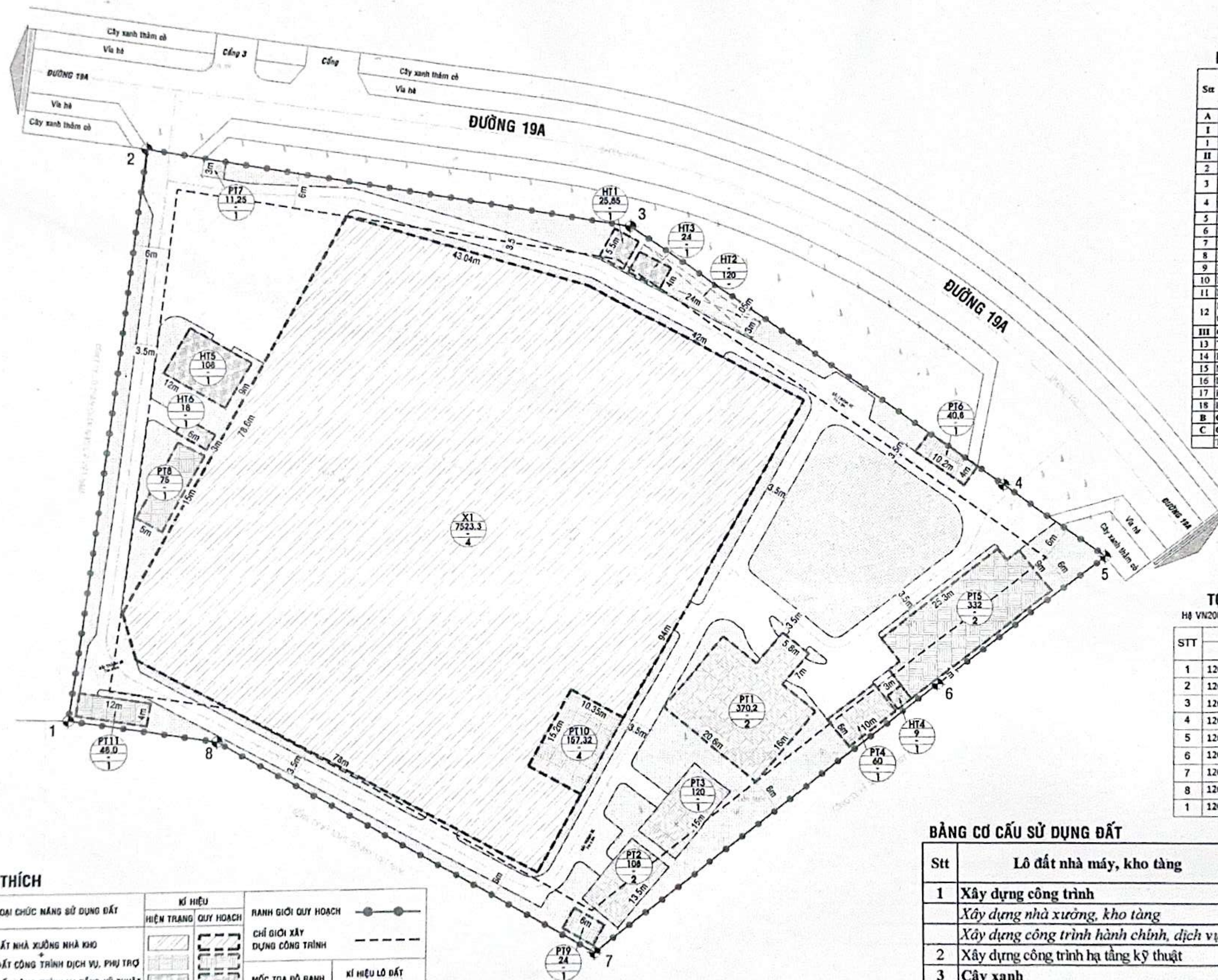
- TT Viễn thông Biên Hòa 2 (phối hợp);
- Đoàn Công an KCN Biên Hòa; Trung đội DQTT Biên Hòa (biết);
- Công ty SSS (theo dõi).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban PTDA (để biết);
- P. Kinh doanh (để biết);
- Lưu: VT, KT (Ban QLVH).



Nguyễn Bá Chuyên



Sr	Là đầu nhà máy, kho tàng	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn tính (m ²)	Chiều cao tối đa (m)	Số tầng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Xây dựng công trình (I+II)		8.869,87				99,44	
I	Công trình nhà xưởng, nhà kho		7.523,39	30.093,20			50,42	
1	Nhà xưởng	XI	7.523,30	30.093,20	+25,00	4		Quy hoạch m
II	Công trình hành chính, dịch vụ		1.346,57	2.628,73			9,02	
2	Nhà làm việc	PT1	370,20	740,40	+15,00	2		Quy hoạch m
3	Nhà ăn công nhân	PT2	108,00	216,00	+15,00	2		Theo GCN QSHCT, số 23 ngày 05/12/200
4	Nhà ăn công viên	PT3	120,00	120,00	+6,00	1		
5	Nhà để xe Ôtô	PT4	60,00	60,00	+6,00	1		
6	Nhà để xe máy	PT5	332,00	664,00	+15,00	2		
7	Nhà bảo vệ 1	PT6	40,80	40,80	+6,00	1		
8	Nhà bảo vệ 2	PT7	11,25	11,25	+6,00	1		
9	Nhà vệ sinh 1	PT8	75,00	75,00	+6,00	1		Quy hoạch m
10	Nhà vệ sinh 2	PT9	24,00	24,00	+6,00	1		
11	Nhà văn phòng xưởng	PT10	157,32	629,28	+25,00	4		
12	Nhà chứa rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại	PT11	48,00	48,00	+6,00	1		
III	Công trình hạ tầng kỹ thuật		184,85	364,85		1	1,24	
13	Trạm biến áp	HT1	25,85	25,85	+6,00	1		
14	Bể nước ngầm	HT2	-	120,00	-	-		
15	Nhà Bơm	HT3	24,00	24,00	+6,00	1		Quy hoạch m
16	Nhà để máy phát điện	HT4	9,00	9,00	+6,00	1		
17	Hệ thống hút, xử lý bụi sơn	HT5	108,00	108,00	+12,00	1		
18	Hệ thống hút, xử lý dầu bôi trơn	HT6	18,00	18,00	+12,00	1		
B	Cây xanh		3.058,00	-	-	-	20,49	
C	Giao thông, sân bãi		2.808,48	-	-	-	18,83	
	Tổng cộng (A+III+B+C)		14.921,20	-	-	-	100,00	

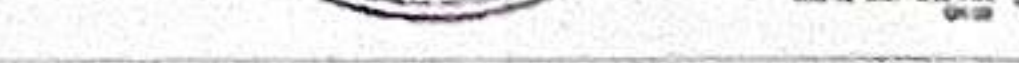
13706
 TỜ TRÌNH TO SỞ LÃO ĐỘNG HOẠCH
 CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)
 Kèm theo TỜ TRÌNH SỞ
 CÔNG TRƯƠNG - DỰ ÁN
 CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)
 TÀI KHẾ NHẢY HOA 12, PHƯỜNG TRẦN BÌNH, TỈNH ĐỒNG HAI
 TÊN BẢN VẼ

Hệ VN2000, Kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, Múi giờ 3°

STT	Tọa độ		K/cách (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1209237.78	403553.74	99,71
2	1209336.65	403566.66	83,14
3	1209323.73	403648.78	78,48
4	1209278.32	403712.75	71,18
5	1209265.73	403730.14	36,27
6	1209243.41	403701.65	47,6
7	1209196.84	403643.17	74,43
8	1209233.86	403578.59	25,15
1	1209237.78	403553.74	

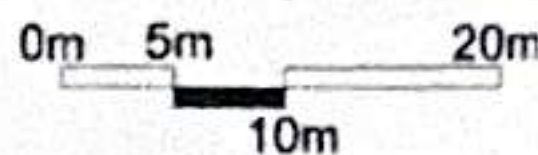
Stt	Lô đất nhà máy, kho tàng	Diện tích (m ²)	Tỷ Lệ (%)
1	Xây dựng công trình	8.869,87	59,44
	Xây dựng nhà xưởng, kho tàng	7.523,30	50,42
	Xây dựng công trình hành chính, dịch vụ	1.346,57	9,02
2	Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	184,85	1,24
3	Cây xanh	3.058,00	20,49
4	Giao thông, sân bãi	2.808,48	18,83
	Tổng cộng	14.921,20	100,00

STT	LOẠI CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÍ HIỆU		RANH GIỚI QUY HOẠCH	
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	
1	ĐẤT NHÀ XƯỞNG NHÀ KHO			 MỐC TỌA ĐỘ RANH	 KÍ HIỆU LÔ ĐẤT DIỆN TÍCH TẦNG CAO
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ, PHỤ TRỢ				
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
4	ĐẤT CÂY XANH				
5	ĐIỀU CHỈNH				



0	CỔNG THOÁT NƯỚC MƯA D800	
1	CỔNG THOÁT NƯỚC MƯA D600	
2	CỔNG THOÁT NƯỚC MƯA D400	
3	HƯỚNG THOÁT NƯỚC	
4	ĐƯỜNG KÍNH, CHIỀU DÀI, ĐỘ DỐC	
5	HỒ GA	

**QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG
HOMER (VIỆT NAM) TẠI KCN BIÊN HÒA II, PHƯỜNG TRẦN
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI**



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:

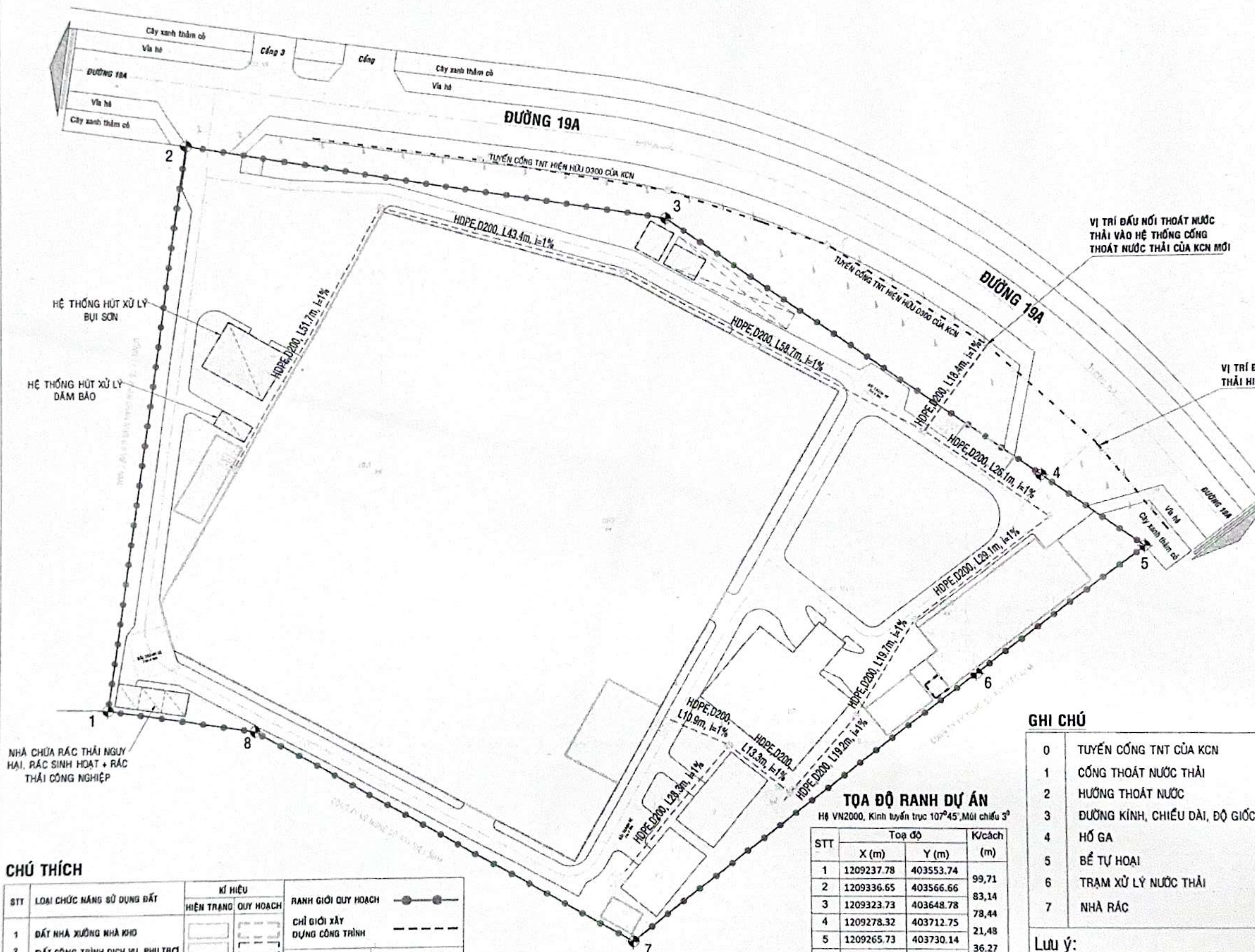
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ QCVN 07:2023/BXD.
- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ QCVN 01:2021/BXD
- TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG : TCXDVN 7957:2023 "THOÁT NƯỚC - MANG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ".

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG HDPE D200	m	295
2	BỂ TỰ HOẠI	cái	5
3	HỒ GA BTCT	cái	09

VỊ TRÍ ĐẦU NƠI THOÁT NƯỚC
THẢI VÀO HỆ THỐNG CỐNG
THOÁT NƯỚC THẢI CỦA KCN MỚI

VỊ TRÍ ĐẦU NƠI THOÁT NƯỚC
THẢI HIỆN HỮU (BÍT LẠI)



TỌA ĐỘ RANH DƯ ÁN

Hệ VN2000, Kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, Múi giờ 3

STT	Tọa độ		K/các (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1209237.78	403553.74	99,71
2	1209336.65	403566.66	
3	1209323.73	403648.78	83,14
4	1209278.32	403712.75	78,44
5	1209265.73	403730.14	21,48
6	1209243.41	403701.65	36,27
7	1209196.84	403643.17	4,76
8	1209233.86	403578.59	74,43
1	1209237.78	403553.74	25,15

GHI CHÚ

- 0 TUYẾN CỐNG TNT CỦA KCN
- 1 CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- 2 HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- 3 ĐƯỜNG KÍNH, CHIỀU DÀI, ĐỘ GIỐC
- 4 HỒ GA
- 5 BỂ TỰ HOẠI
- 6 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 7 NHÀ RÁC

Lưu ý:

- Rác thải nguy hại và rác thải thông thường được thu gom về nhà rác của nhà máy, sau đó vận chuyển về khu xử lý tập trung của khu công nghiệp

CHÚ THÍCH

STT	LOẠI CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU		RANH GIỚI QUY HOẠCH	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH		
1	ĐẤT NHÀ XƯỞNG NHÀ KHO				KÝ HIỆU LỘ ĐẤT DIỆN TÍCH TĂNG CAO
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ, PHỤ TRỢ				
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
4	ĐẤT CÂY XANH				
5	ĐIỀU CHỈNH				

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ _____ NGÀY _____ THÁNG _____ NĂM _____

CỦ QUẢN THẨM ĐỊNH

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ _____ NGÀY _____ THÁNG _____ NĂM _____
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT _____

3203737062
 BỘ QUẢN LÝ CÔNG TÁC QUÂN HOẠCH
 CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 KẾM THEO TỜ TRÌNH SỐ
 CÔNG TRÌNH - QUẢN LÝ
 HOMER (VIỆT NAM)
 CÔNG TY TNHH HOMER (VIỆT NAM)
 TÀI TRỢ DỰ ÁN 12, PHƯỜNG TRẦN BÌNH, TỈNH ĐỒNG NAI
 (TÊN BAN VET)

BẢN VỀ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ: CH-05	GHÉP: A2	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: 03/20
---------------	----------	--------------	--------------

CM(1) Tr(1)	KS. NGUYỄN THUY QUỲNH TRANG
-------------	-----------------------------

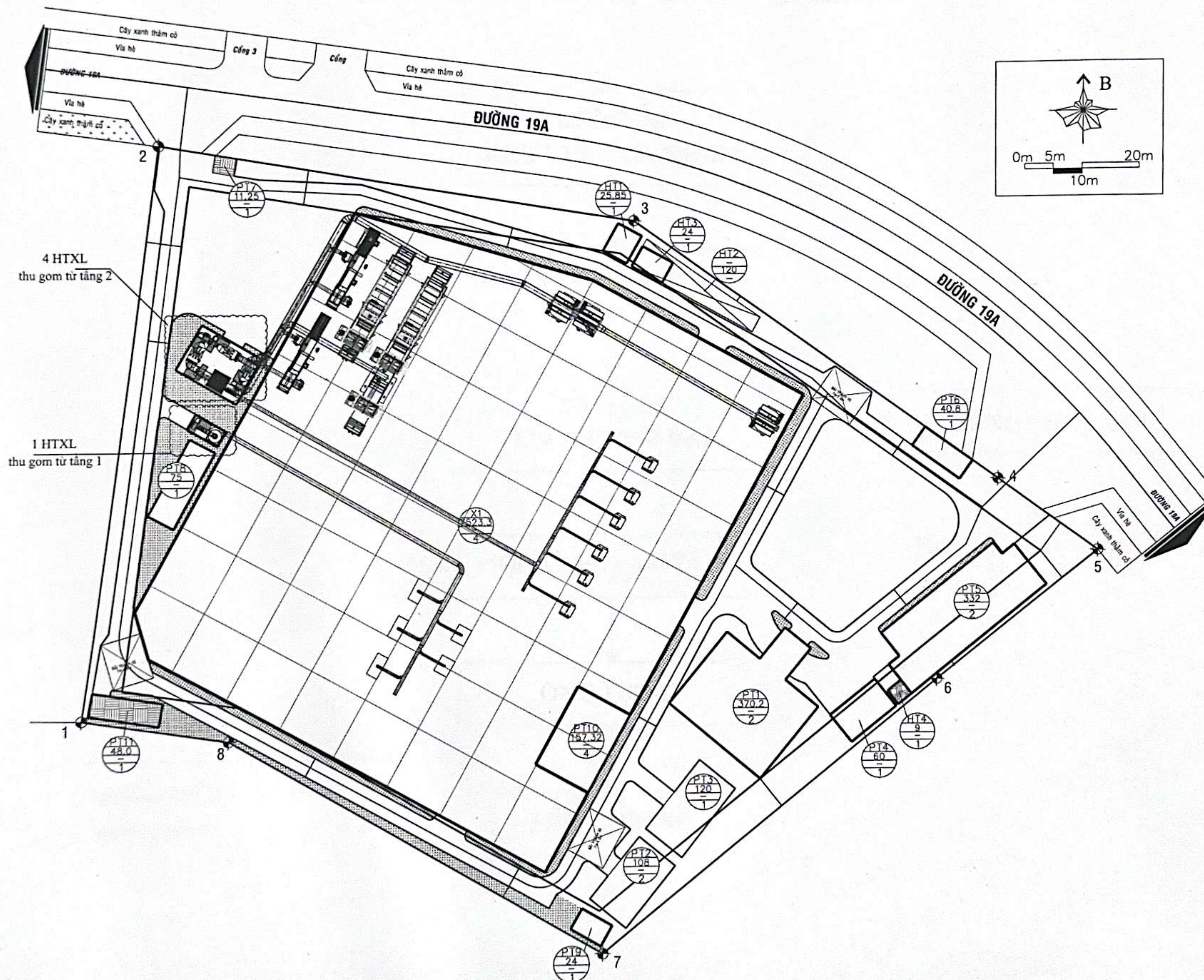
100-443886-100

UNCLASSIFIED

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG KIẾN

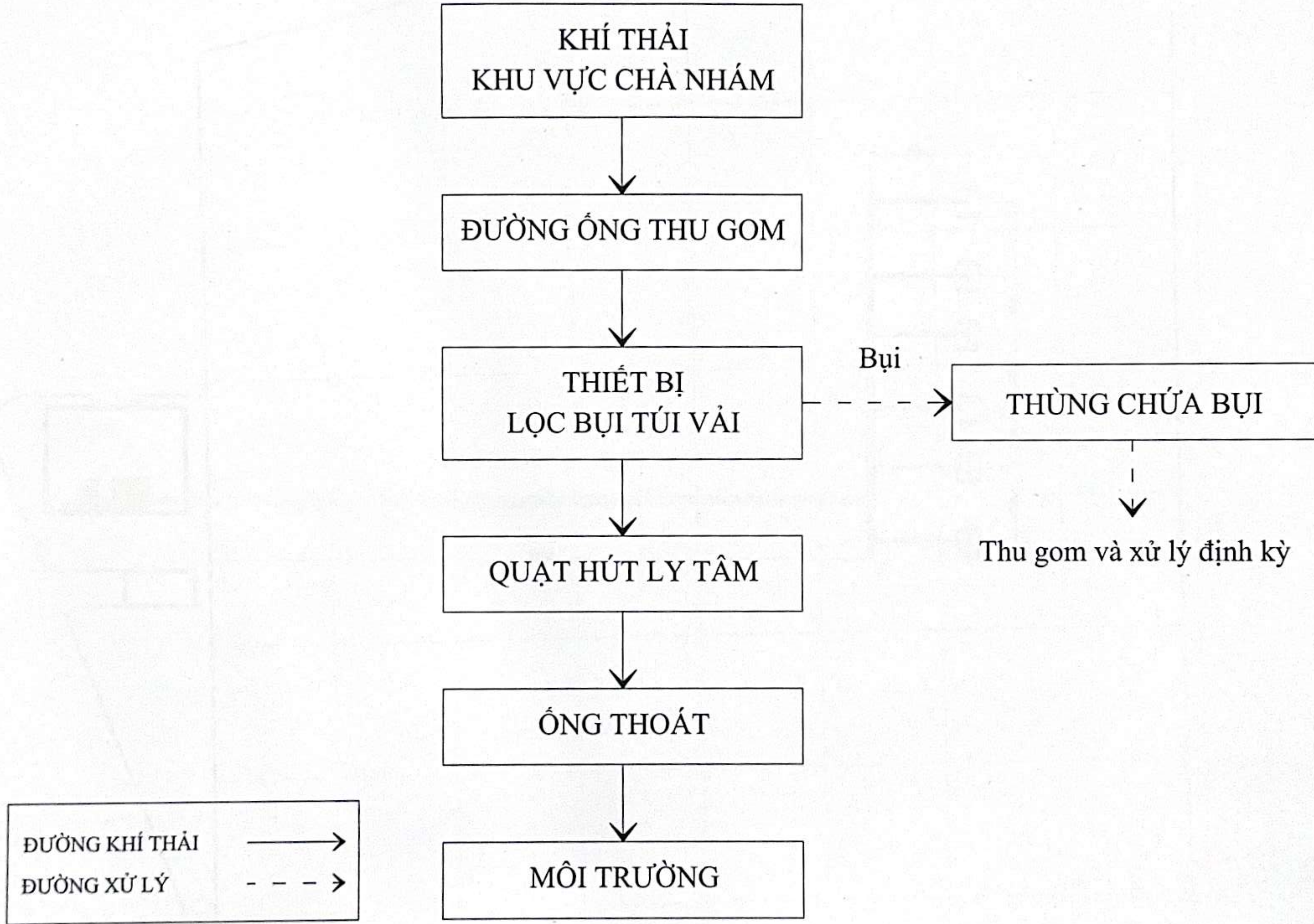

KIEN NIEN
 100% COTTON T-SHIRT

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC CHÀ NHẢM - CÔNG SUẤT 27.000 M³/H
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM CÔNG TY TRÁCH MIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM) Địa chỉ: 2 Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Bùn, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ VIỆT ĐỎ LTD Công nghệ vi môi trường Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (+84) 945 395 608		
GIÁM ĐỐC:		
VÕ MINH SANG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:		
TRẦN VĂN CƯ		
VẼ:		
TRẦN THỊ DIỄM HÂN		
KIỂM TRA:		
TRẦN VĂN CƯ		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TỶ LỆ: 1:100	NGÀY HOÀN THÀNH: 26/03/2024	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 01	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC CHÀ NHÁM - CÔNG SUẤT 27.000 M³/H
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



Nguyễn Thị Thanh Tin
Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

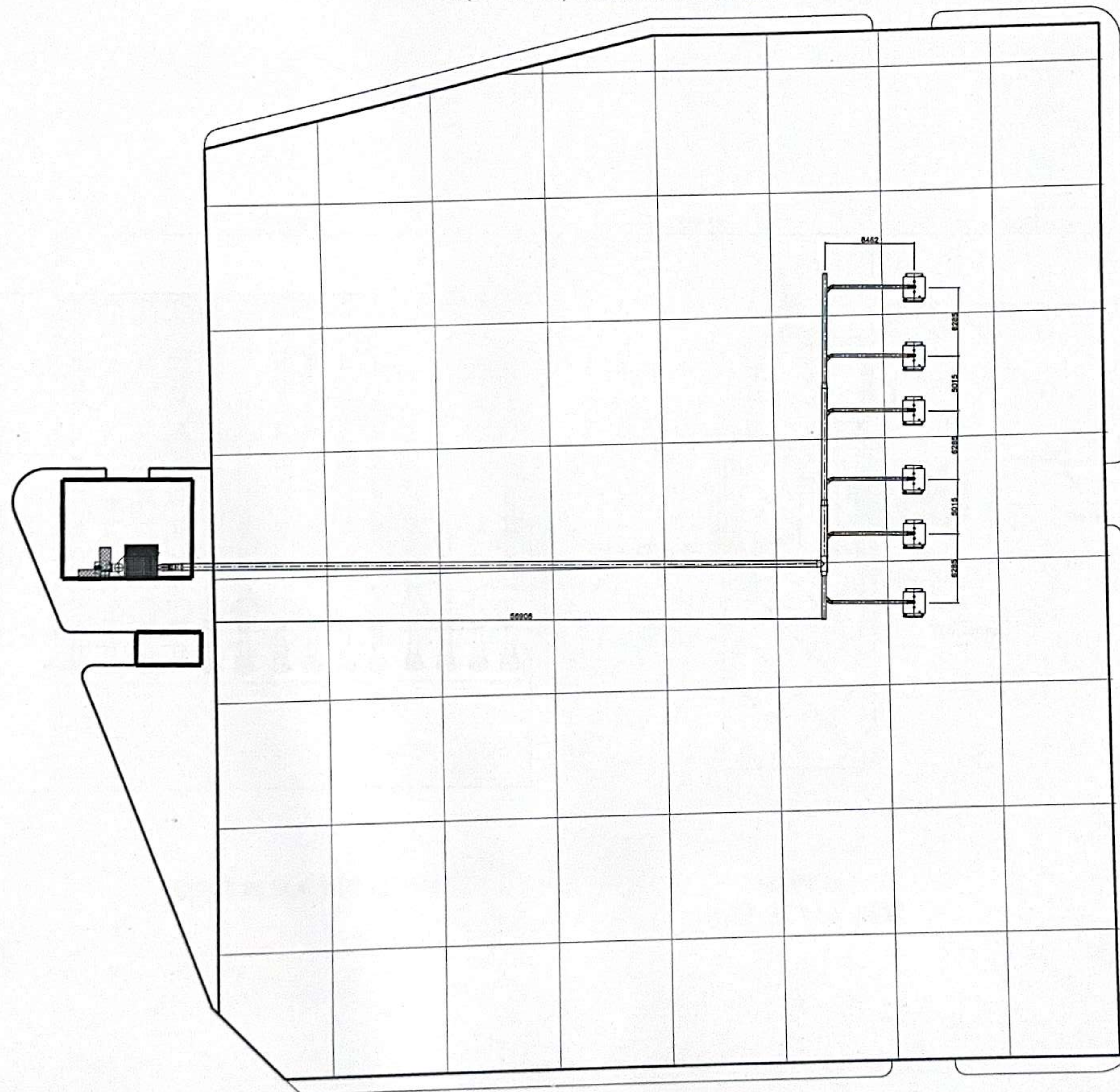
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ

VIỆT ĐÔ LTD
Công nghệ vì môi trường
Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 943 395 608

GIÁM ĐỐC:	
VŨ MINH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
TRẦN VĂN CƯ	
VẼ:	
TRẦN THỊ DIỄM HÂN	
KIỂM TRA:	
TRẦN VĂN CƯ	

TÊN BẢN VẼ:		
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 26/03/2026	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 02	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC CHÀ NHĂM - CÔNG SUẤT 27.000 M³/H
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Địa chỉ: số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bền, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vì môi trường

Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 795 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

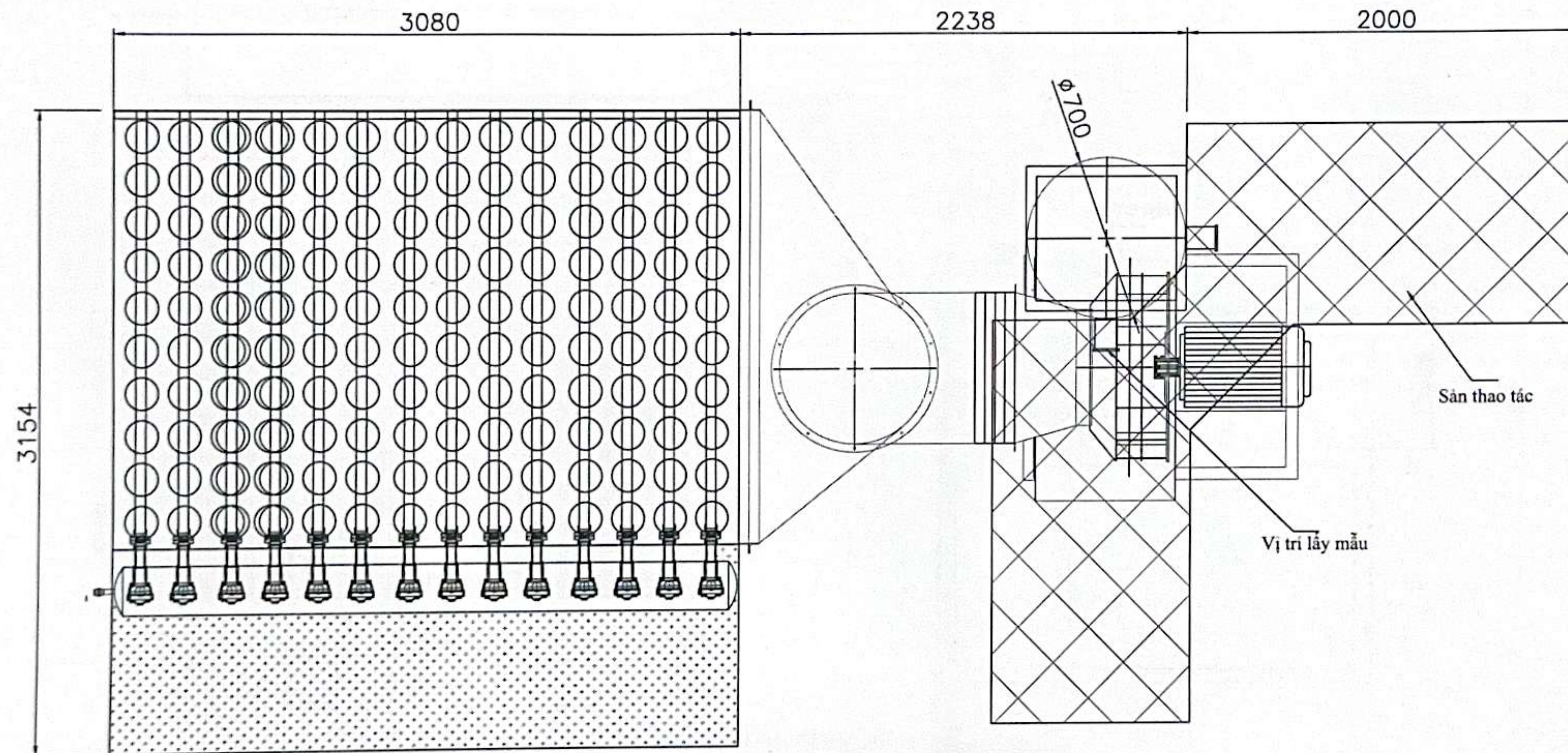
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 03

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC CHÀ NHÁM - CÔNG SUẤT 27.000 M³/H
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI



THIẾT BỊ LỌC BỤI TÚI VẢI

THIẾT BỊ
QUẠT HÚT LY TÂM



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường
Địa chỉ: 204/932, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THIẾT BỊ
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

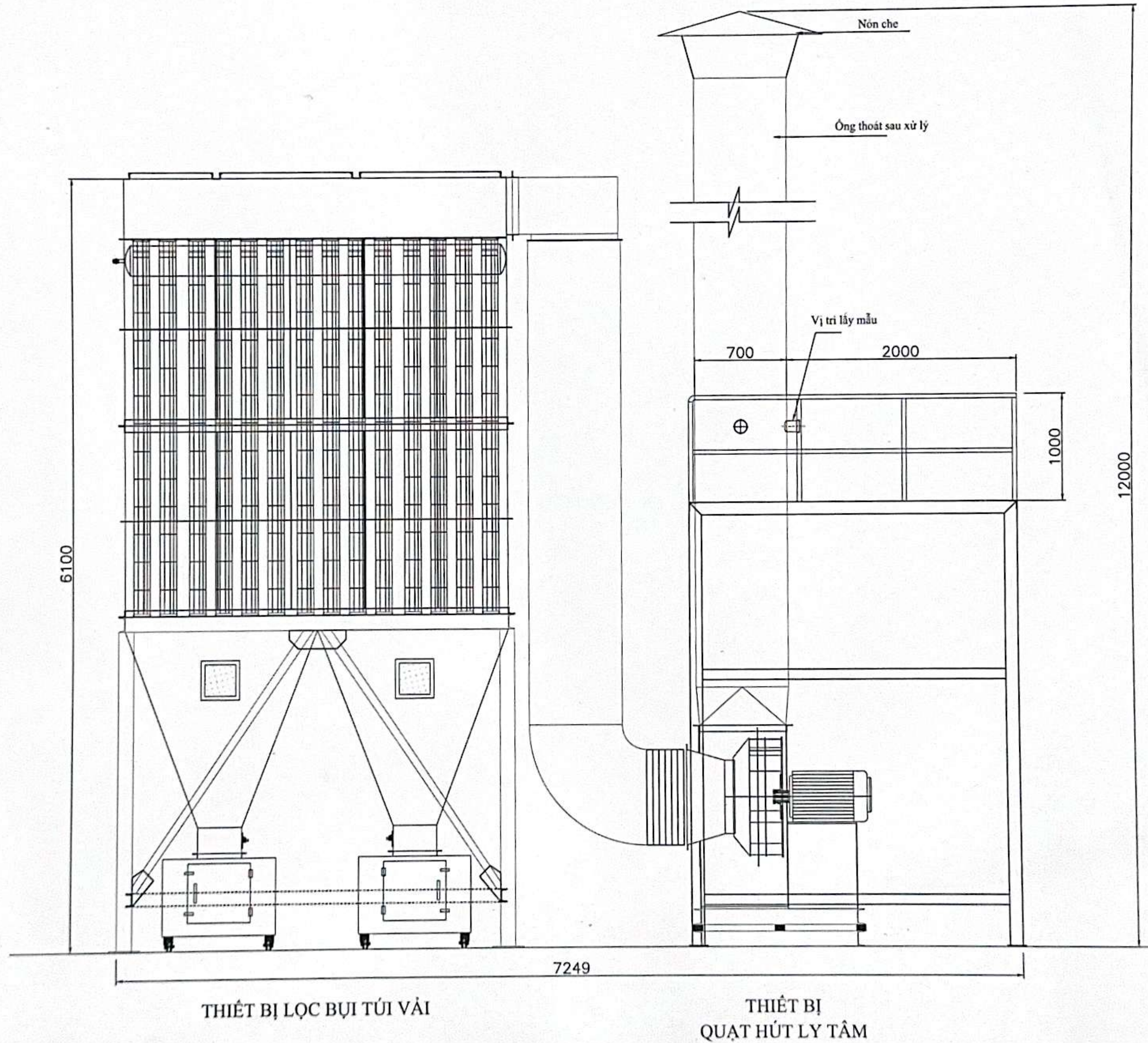
NGÀY HOÀN THIỆN:
26/03/2024

BẢN VẼ SỐ

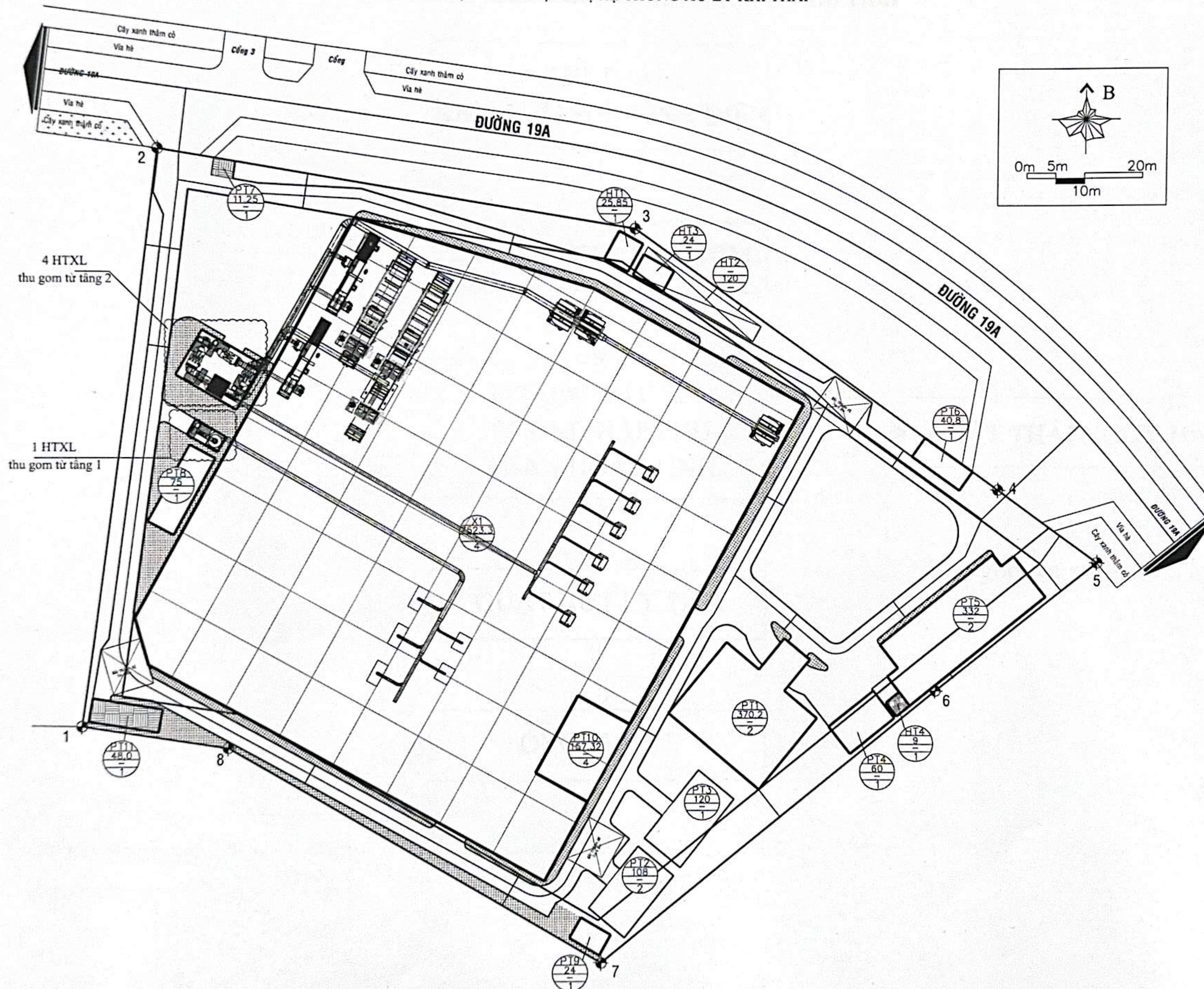
ETS - TK - 04

THAY ĐỔI

GHI CHÚ :		
CHỮ ĐẦU TƯ :		
 CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM) Số 08 - Ngõ 7, Đường 19A, Khu công nghiệp Bình Hòa II, Phường Trãi Bám, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
CÓNG TRÌNH :		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ VIỆT ĐỎ LTD Công nghệ vì môi trường Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (+84) 945 395 608		
GIÁM ĐỌC:		
VÔ MINH SANG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:		
TRẦN VĂN CƯ		
VỀ:		
TRẦN THỊ DIỄM HẸN		
KIỂM TRA:		
TRẦN VĂN CƯ		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT CẮT A - A		
TY LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 26/03/2026	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 05	THAY ĐỔI



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN TỈNH ĐIỆN - CÔNG SUẤT 54.000 M³/H
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM ĐẦU TƯ

HOMER (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 2 Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,

Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường

Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (+84) 945 395 606

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

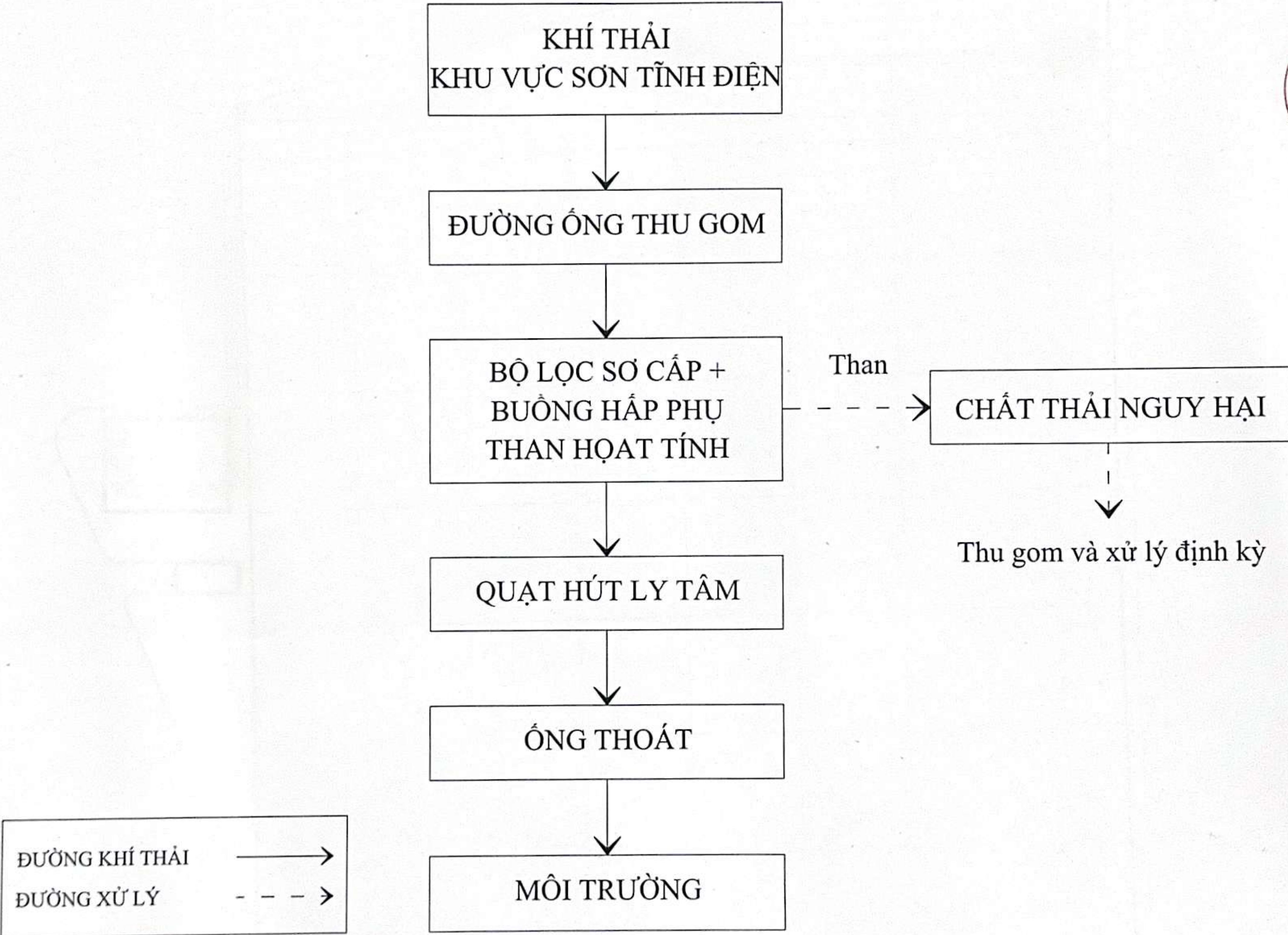
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 01

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN TỈNH ĐIỆN - CÔNG SUẤT 54.000 M³/H
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOMER (VIỆT NAM)
Địa chỉ: 2, Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

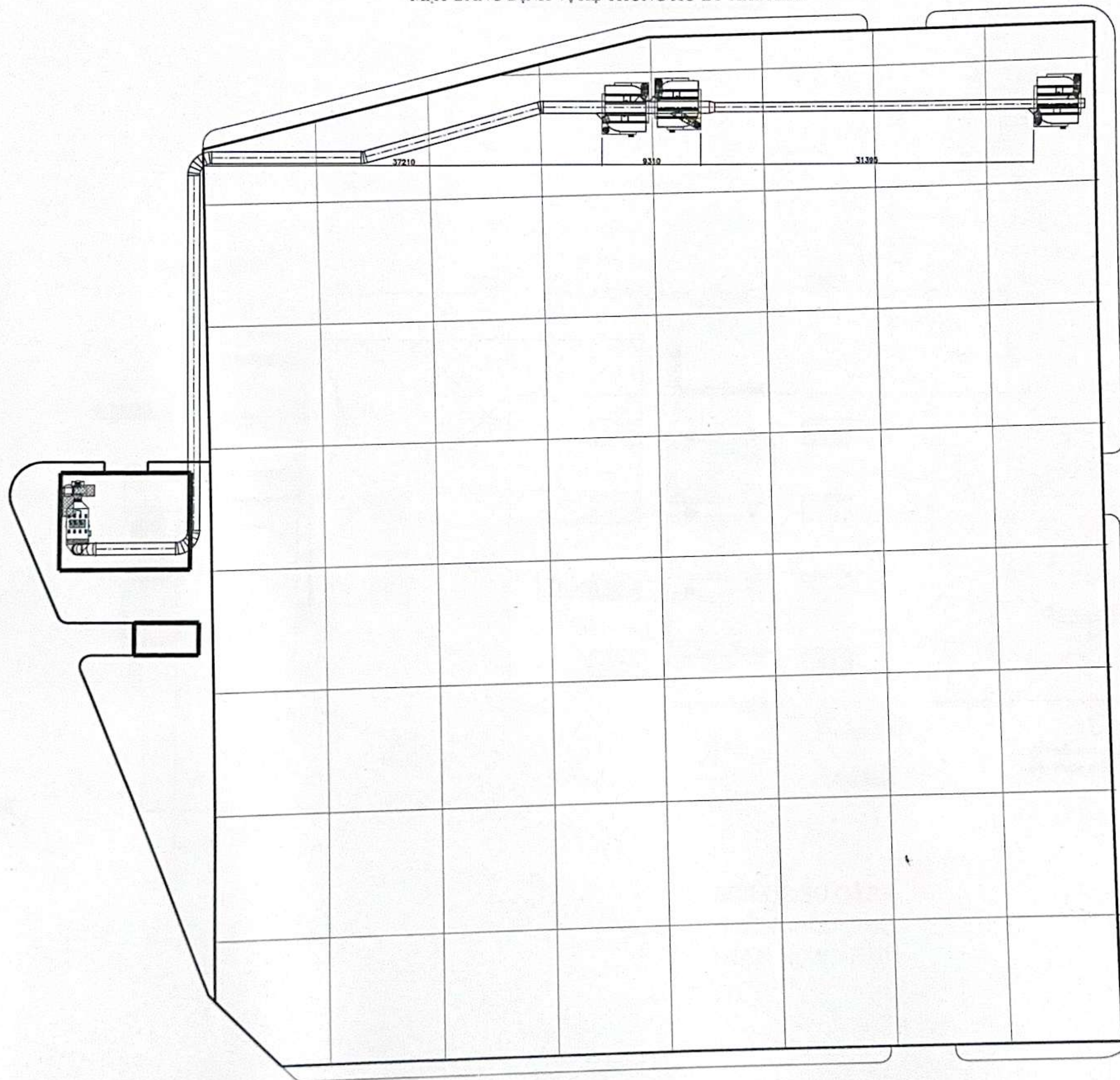
VIỆT ĐỎ LTD
Công nghệ vi môi trường
Địa chỉ: 204/9/72, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VŨ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
TRẦN VĂN CƯ	
VỀ:	
TRẦN THỊ DIỄM HẸN	
KIỂM TRA:	
TRẦN VĂN CƯ	
TÊN BẢN VẼ:	
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 26/03/2025
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 02
	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN TỈNH ĐIỆN - CÔNG SUẤT 54.000 M³/H
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHỊ CHỮ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Địa chỉ: 2, đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường
Địa chỉ: 204/9/72, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỆM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

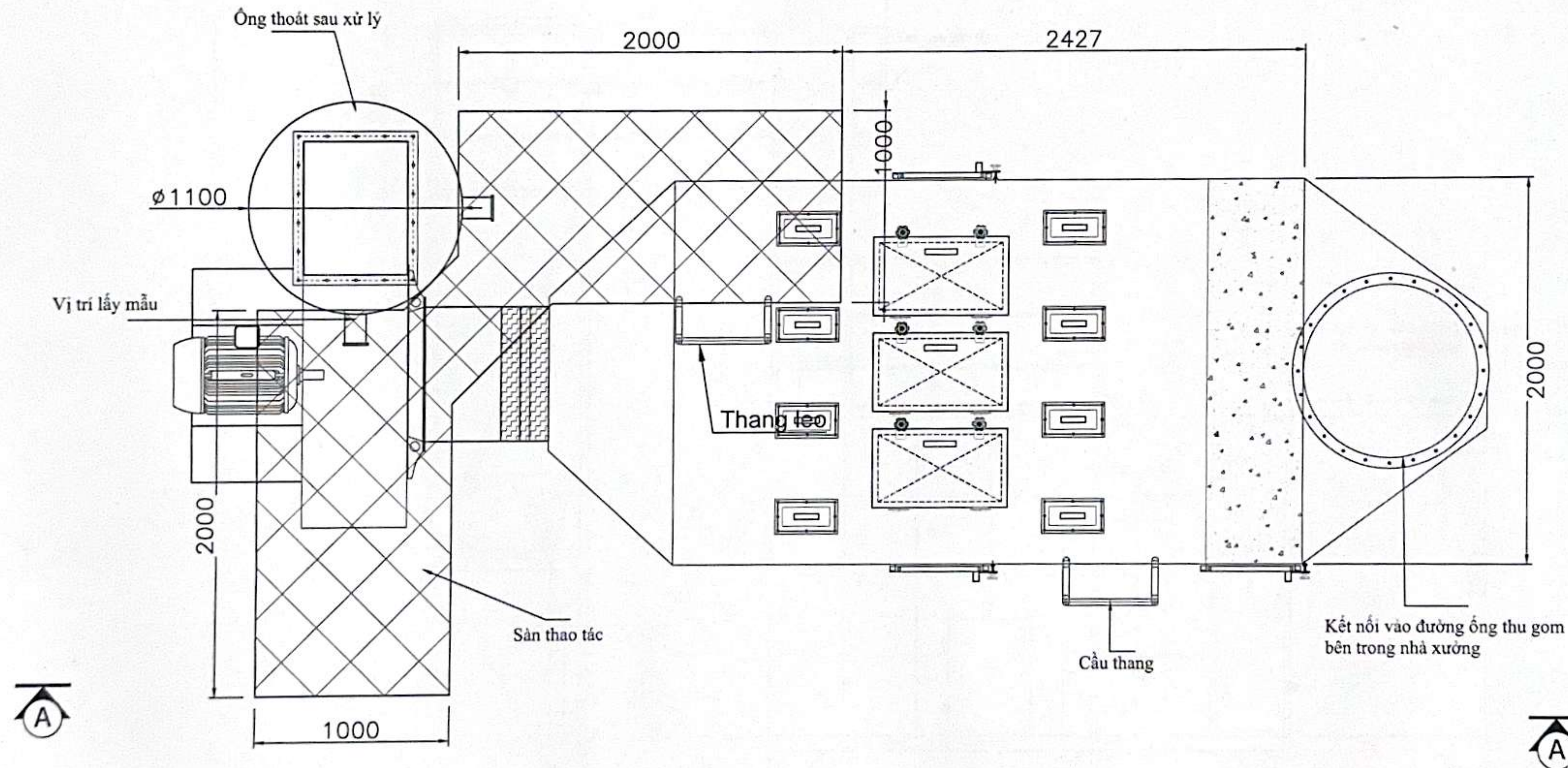
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 03

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN TỈNH ĐIỆN - CÔNG SUẤT 54.000 M³/H
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI



THIẾT BỊ
QUẠT HÚT LY TÂM

BỘ LỌC SƠ CẤP +
BUỒNG HẤP PHỤ
THAN HOẠT TÍNH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Địa chỉ: số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bùn, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường
Địa chỉ: 294/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐOC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỆM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THIẾT BỊ
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

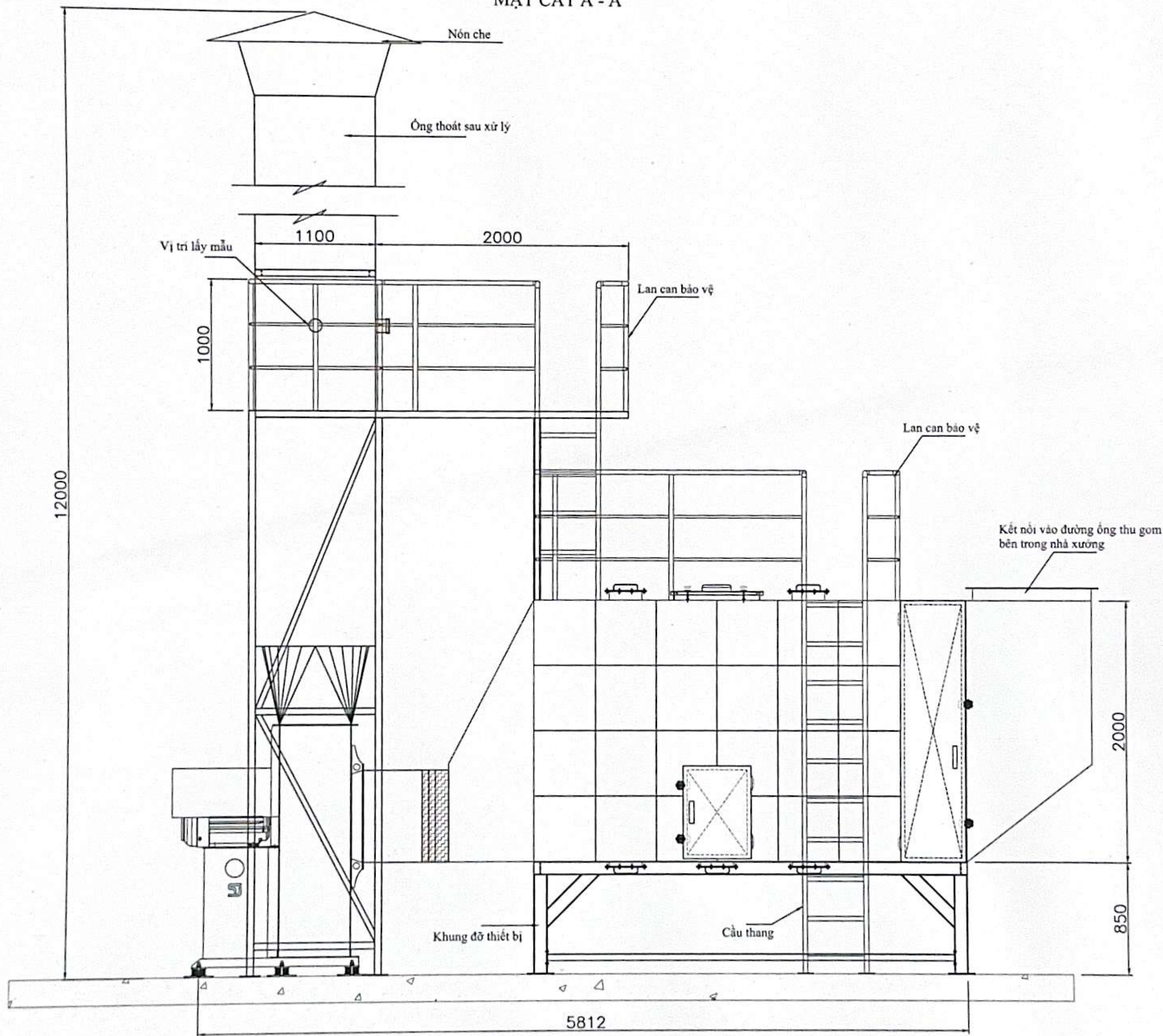
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 04

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN TỈNH ĐIỆN - CÔNG SUẤT 54.000 M³/H
MẶT CẮT A - A



THIẾT BỊ
QUẠT HÚT LY TÂM

BỘ LỌC SƠ CẤP + BUÔNG HẤP PHỤ
THAN HOẠT TÍNH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vì môi trường

Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT A - A

TỶ LỆ: 1/100

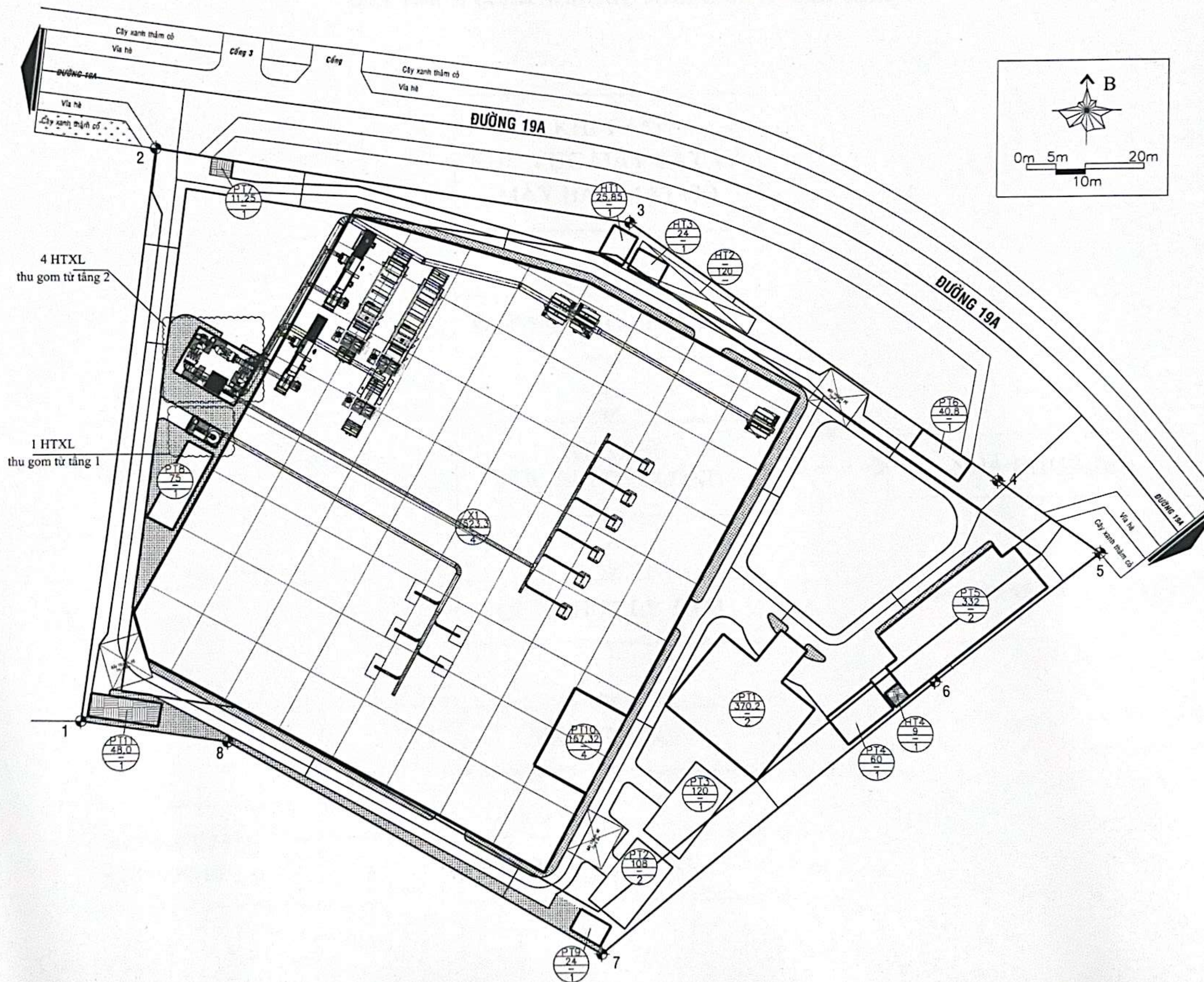
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2025

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 05

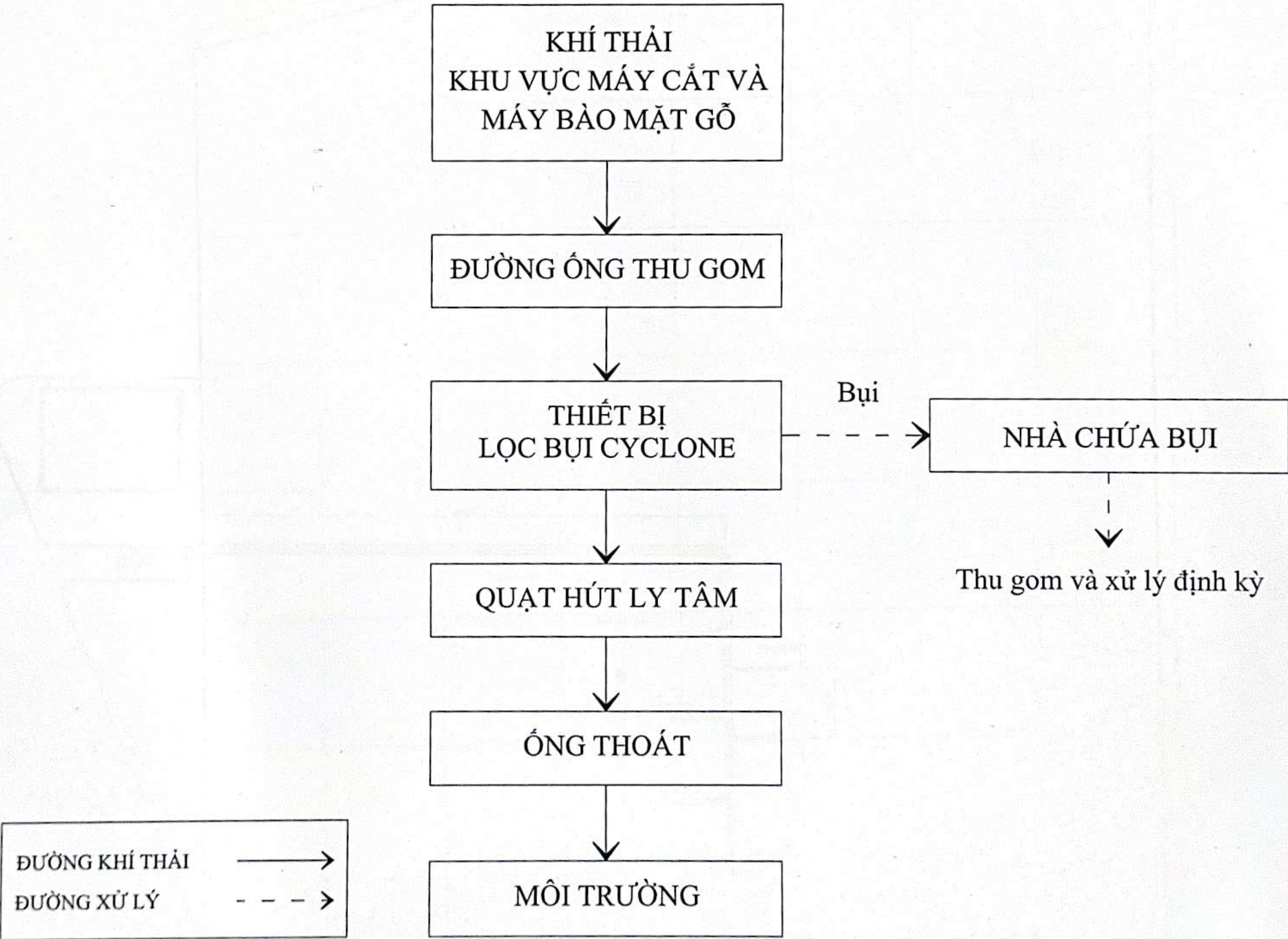
THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MÁY BẢO VÀ MÁY CẮT GỖ - CÔNG SUẤT 32.000 M³/H
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
HOMER (VIỆT NAM)	
Địa chỉ: Số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Hòa Hảo II, Phường Trảo Hải, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
CÔNG TRÌNH:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TƯ VẤN THIẾT KẾ:	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ	
	
VIỆT ĐỎ LTD	
Công nghệ vi môi trường	
Địa chỉ: 204/9/52, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Tel: (+84) 945 395 608	
GIÁM ĐỐC:	
VÕ MINH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
TRẦN VĂN CƯ	
VẼ:	
TRẦN THỊ DIỄM HẸN	
KIỂM TRA:	
TRẦN VĂN CƯ	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH: 26/03/2026
BẢN VẼ SỐ:	ETS - TK - 01
	THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MÁY BẢO VÀ MÁY CẮT GỖ - CÔNG SUẤT 32.000 M³/H
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



CHỈ CHỮ:

CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU TẬN
HOMER (VIỆT NAM)
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Địa chỉ: số 2, Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bền, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

VIỆT ĐỎ LTD
Công nghệ vì môi trường
Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÔ MINH SANG

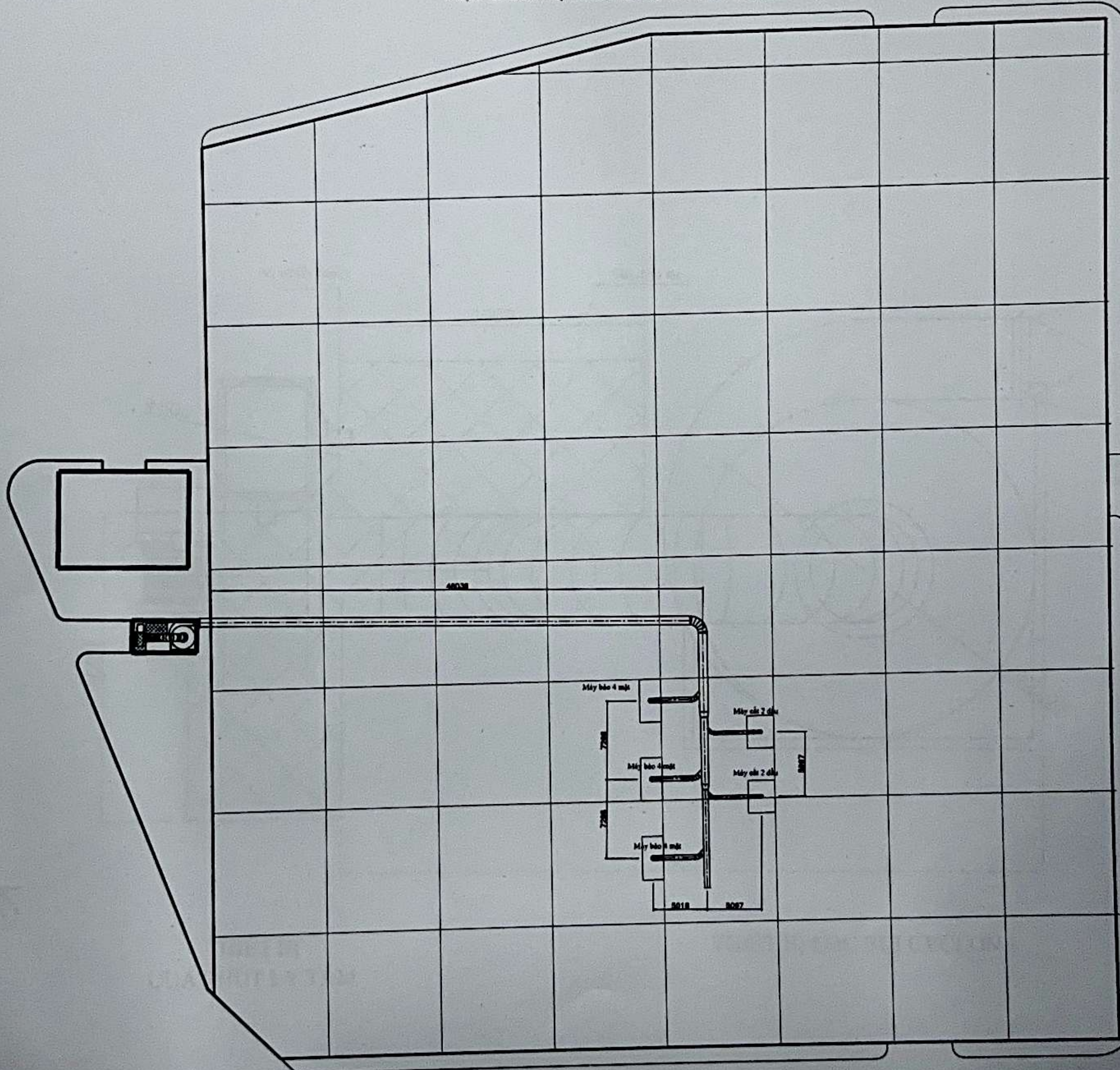
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
TRẦN VĂN CƯ	
VỀ:	
TRẦN THỊ DIỆM HẸN	
KIỂM TRA:	
TRẦN VĂN CƯ	

TÊN BẢN VẼ:

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 26/03/2026	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 02	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MÁY BÃO VÀ MÁY CẮT GỖ - CÔNG SUẤT 32.000 M³/H
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Địa chỉ: số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vì môi trường
Địa chỉ: 204/972, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 090 905 795 008

QUẢN LÝ:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

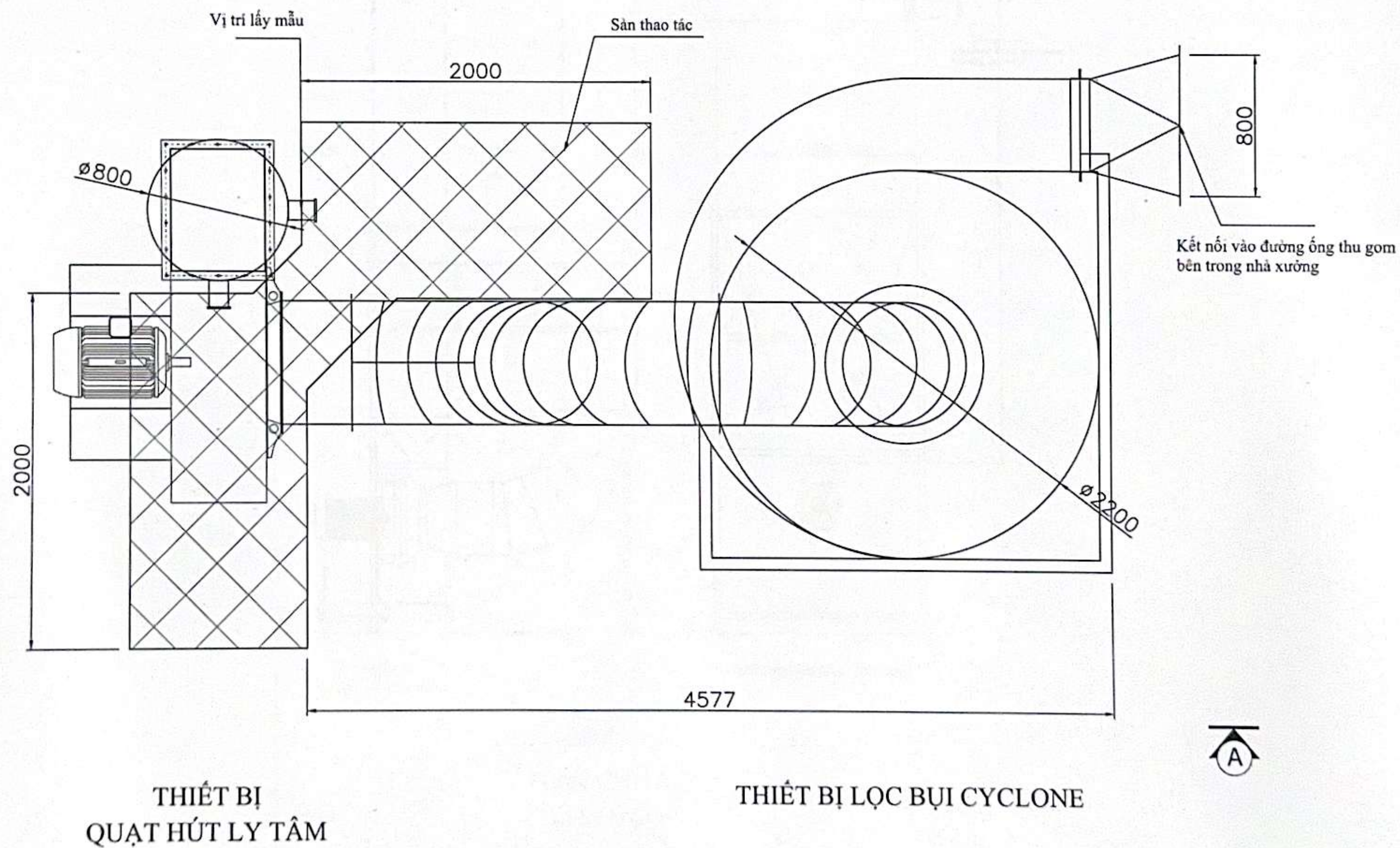
NGÀY HOÀN THÀNH
26/02/2024

BẢN VẼ ĐÓ

ETS - TK - 03

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MÁY BẢO VÀ MÁY CẮT GỖ - CÔNG SUẤT 32.000 M³/H
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỮ ĐẤU TƯ:



Địa chỉ: Số 2, Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TU VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ



VIỆT ĐỘ LTD

Công nghệ vi môi trường

Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIẤM ĐỌC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THIẾT BỊ
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

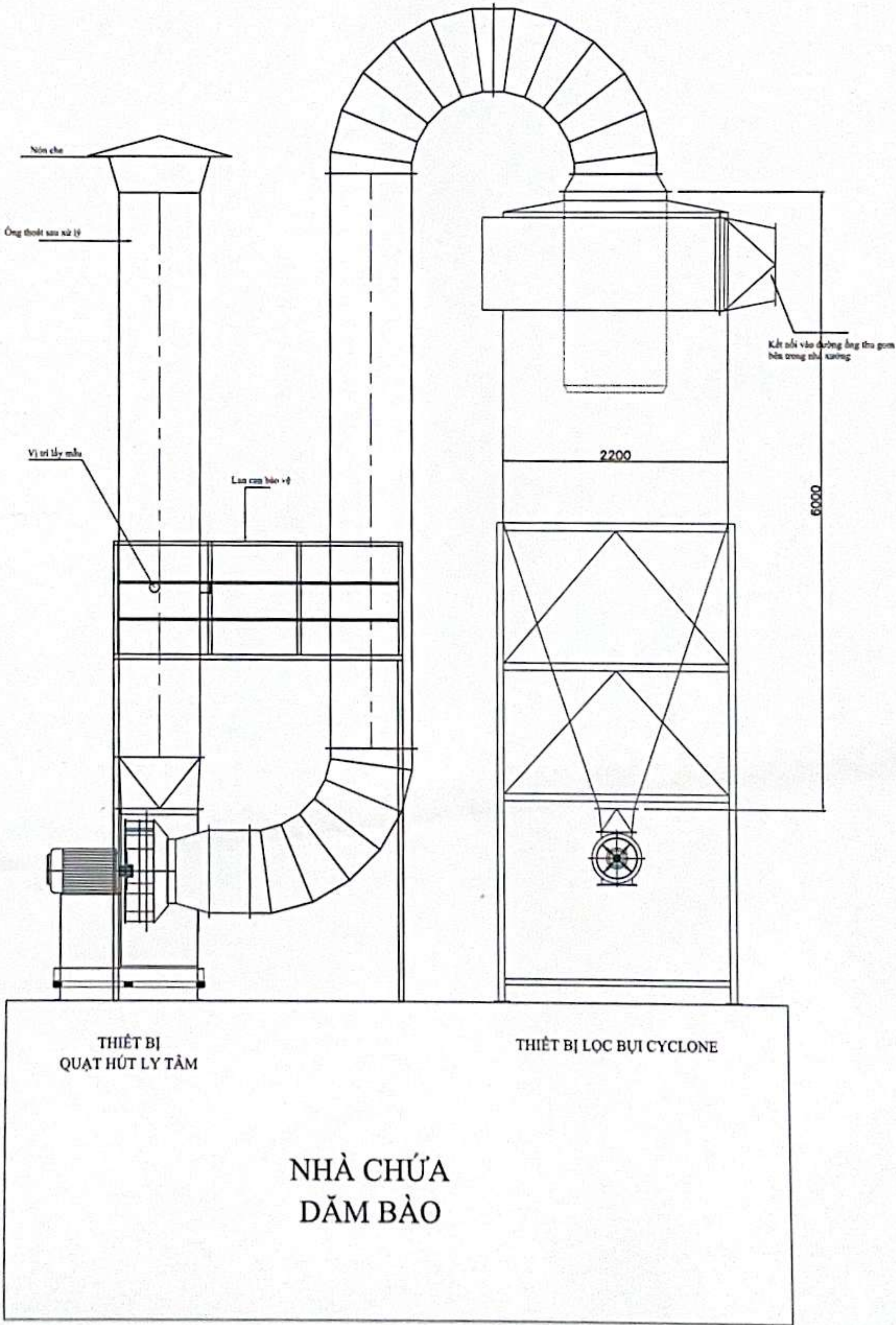
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 04

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MÁY BẢO VÀ MÁY CẮT GỖ - CÔNG SUẤT 32.000 M³/H
MẶT CẮT A - A



GHI CHÚ:

CHỮ ĐÁU TƯ:



Nguyễn Thị Thanh Tín

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường

Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 943 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VỀ:

TRẦN THỊ DIỆM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT A - A

TỶ LỆ: 1/100

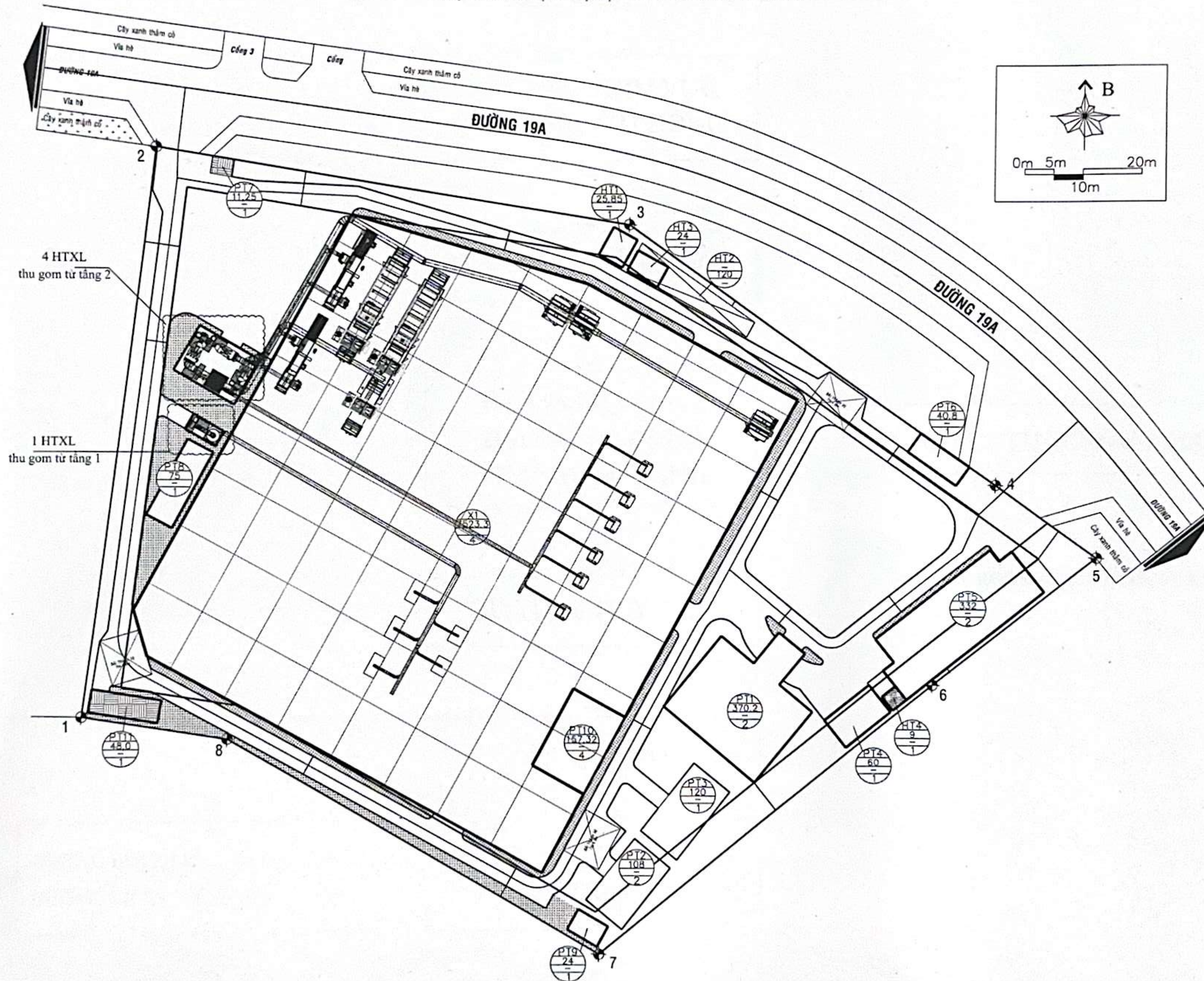
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2028

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 05

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN TỰ ĐỘNG - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



Địa chỉ: số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Bình Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

VIỆT ĐỎ LTD
Công nghệ vì môi trường
Địa chỉ: 204/9/72, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

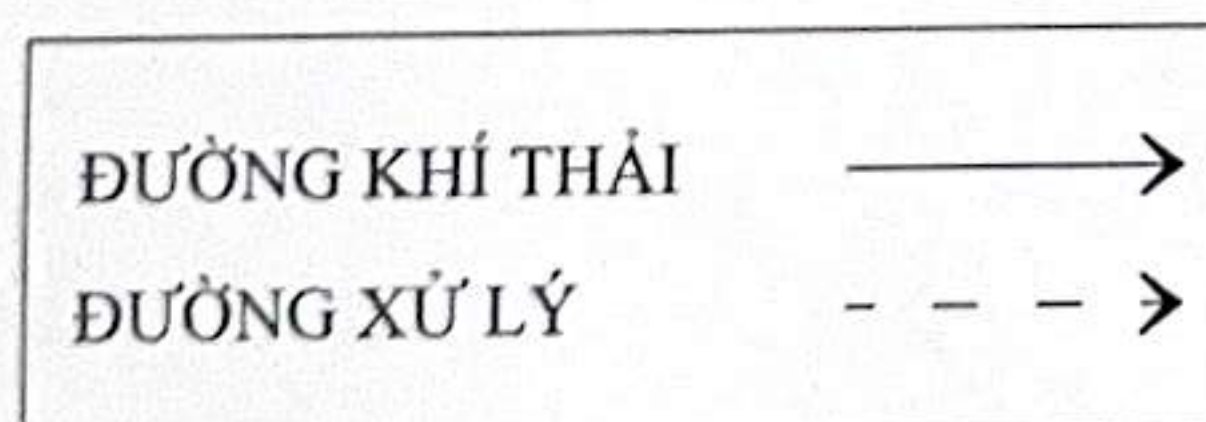
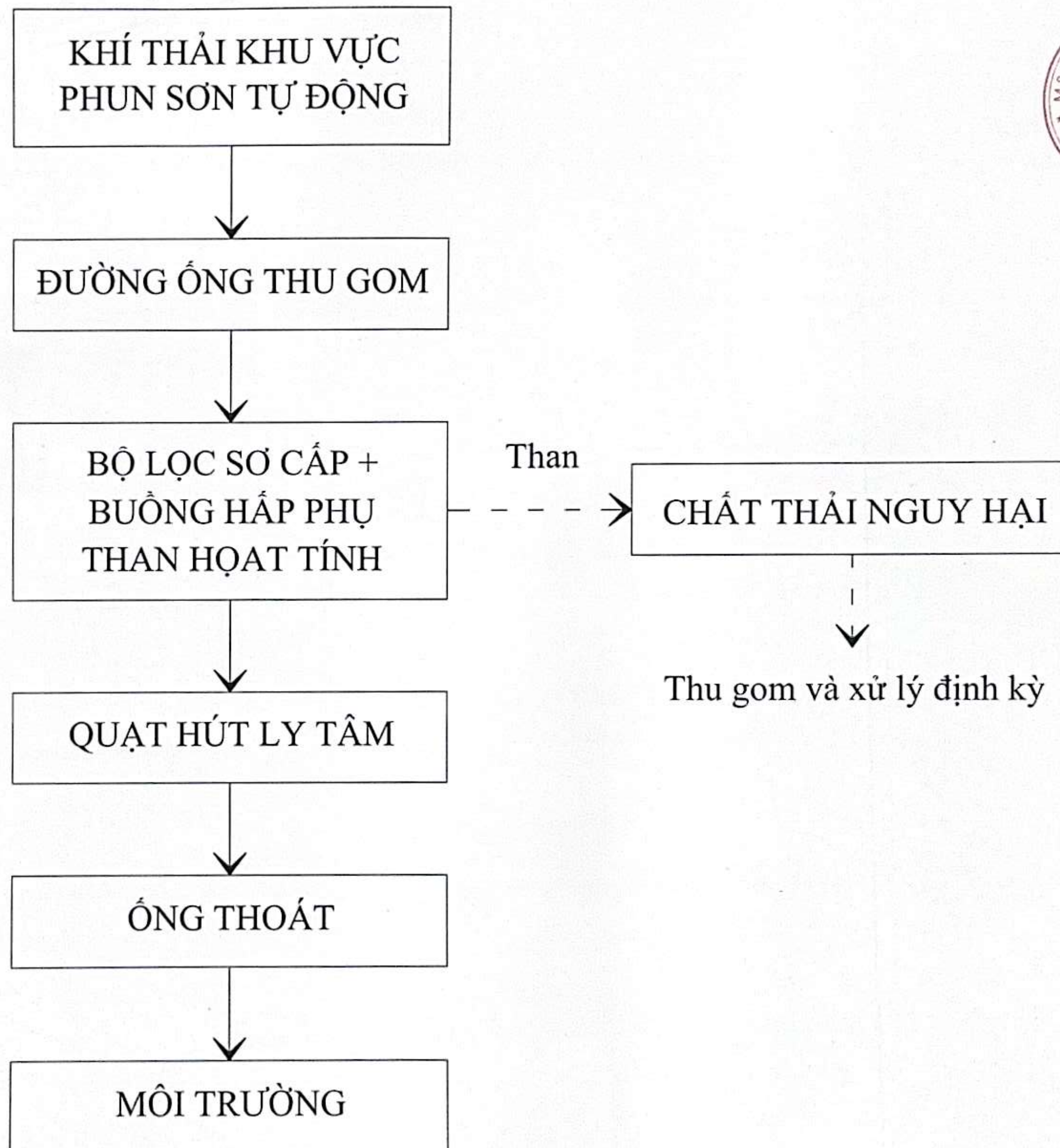
GIÁM ĐỐC:
VŨ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
TRẦN VĂN CƯ
VẼ:
TRẦN THỊ DIỄM HÂN
KIỂM TRA:
TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:
**MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**

TỶ LỆ: 1/100
NGÀY HOÀN THIỆN: 26/05/2025
BẢN VẼ SỐ: ETS - TK - 01
THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN TỰ ĐỘNG - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:
 CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 HOMER (VIỆT NAM)
 Địa chỉ: Số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Bình Hòa II,
 Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 Nguyễn Thị Thanh Tín

CÔNG TRÌNH:
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ
 VIỆT ĐỎ LTD
 Công nghệ vì môi trường
 Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Tel: (+84) 945 395 608

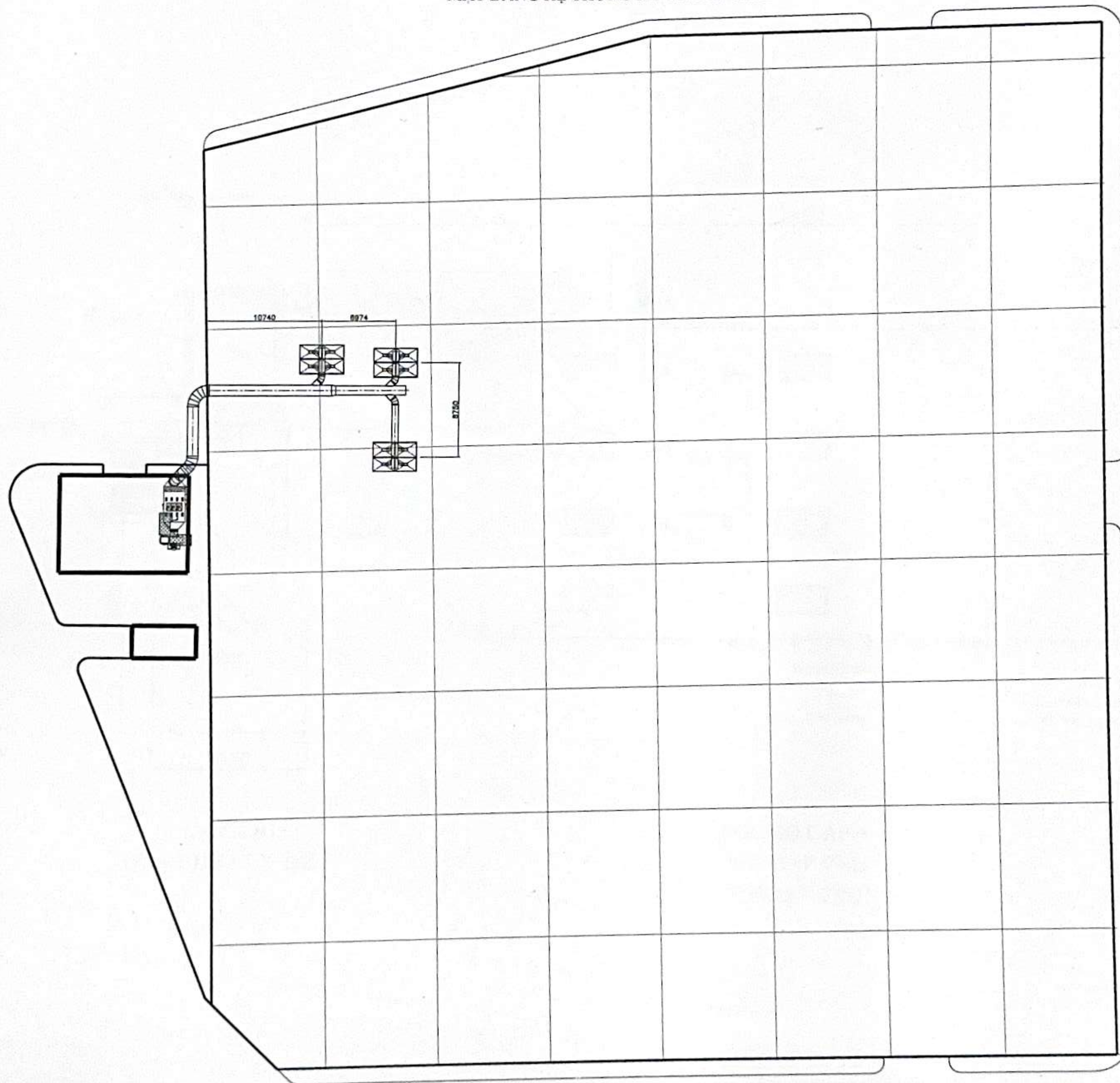
GIÁM ĐỐC:
 VŨ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
 TRẦN VĂN CƯ
 VẼ:
 TRẦN THỊ DIỄM HÂN
 KIỂM TRA:
 TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:
 QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100
 NGÀY HOÀN THÀNH:
 26/01/2025
 BẢN VẼ SỐ: ETS - TK - 02
 THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN TỰ ĐỘNG - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHỊ CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường

Địa chỉ: 204/9/12, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 943 393 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

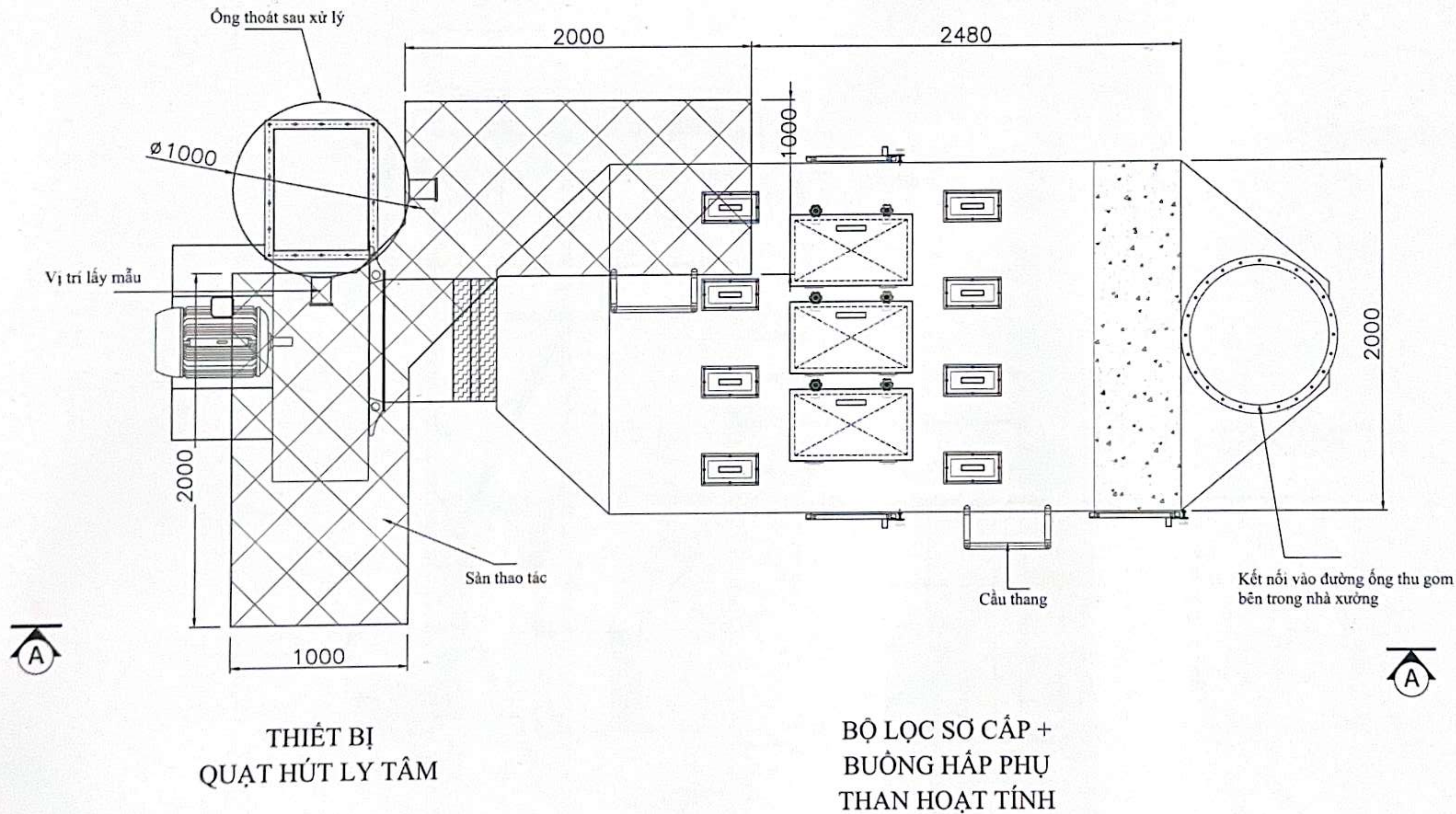
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2025

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 03

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN TỰ ĐỘNG - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Địa chỉ: Số 2, Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Phường Trảng Bền, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ và môi trường

Địa chỉ: 204/9/52, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 606

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VỀ:

TRẦN THỊ DIỄM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THIẾT BỊ
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

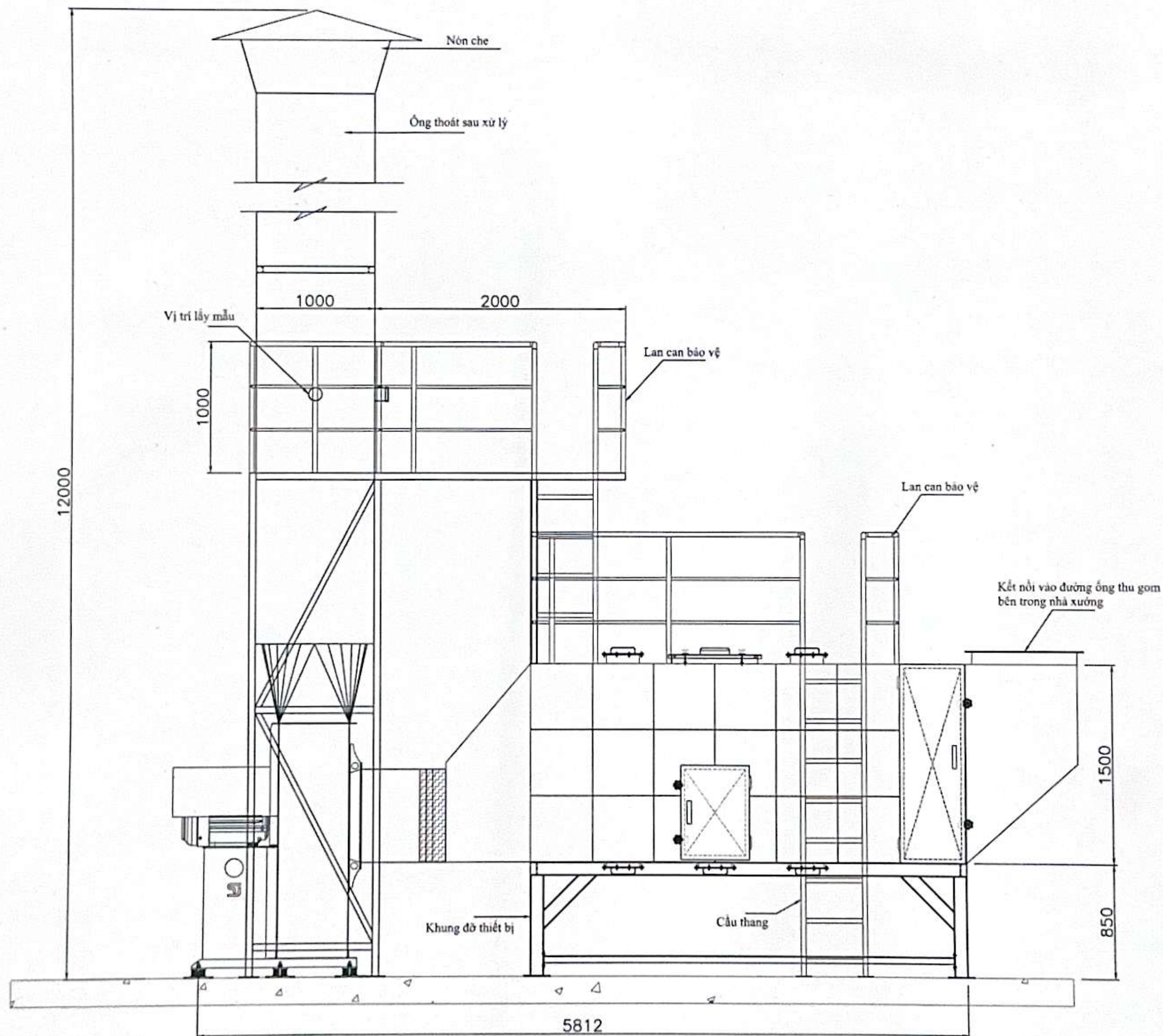
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2024

BẢN VẼ SỐ:

ETS - TK - 04

THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN TỰ ĐỘNG - CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
MẶT CẮT A - A



THIẾT BỊ
QUẠT HÚT LY TÂM

BỘ LỌC SƠ CẤP + BUỒNG HẤP PHỤ
THAN HOẠT TÍNH

GHI CHÚ:



Địa chỉ: số 2, đường 19A, Khu công nghiệp Điện Hòa II,
Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ



VIỆT ĐÔ LTD

Công nghệ vì môi trường

Địa chỉ: 204/972, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VỀ:

TRẦN THỊ DIỄM HÂN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT A - A

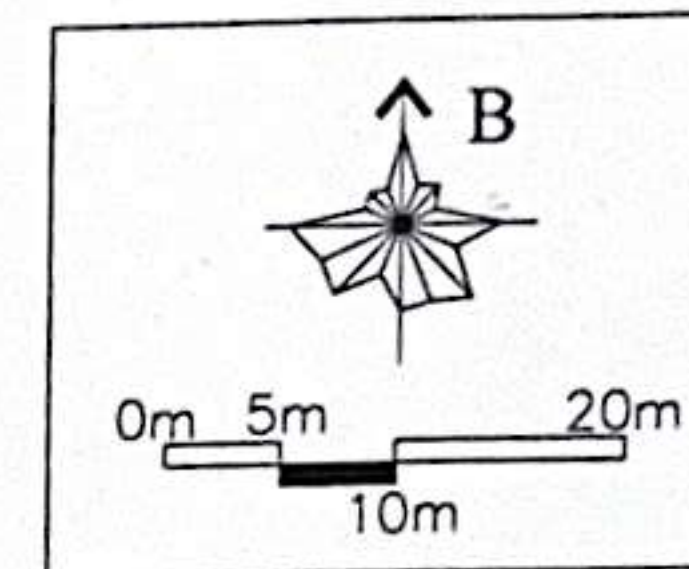
TỶ LỆ: 1/100

NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2024

BẢN VẼ SỐ

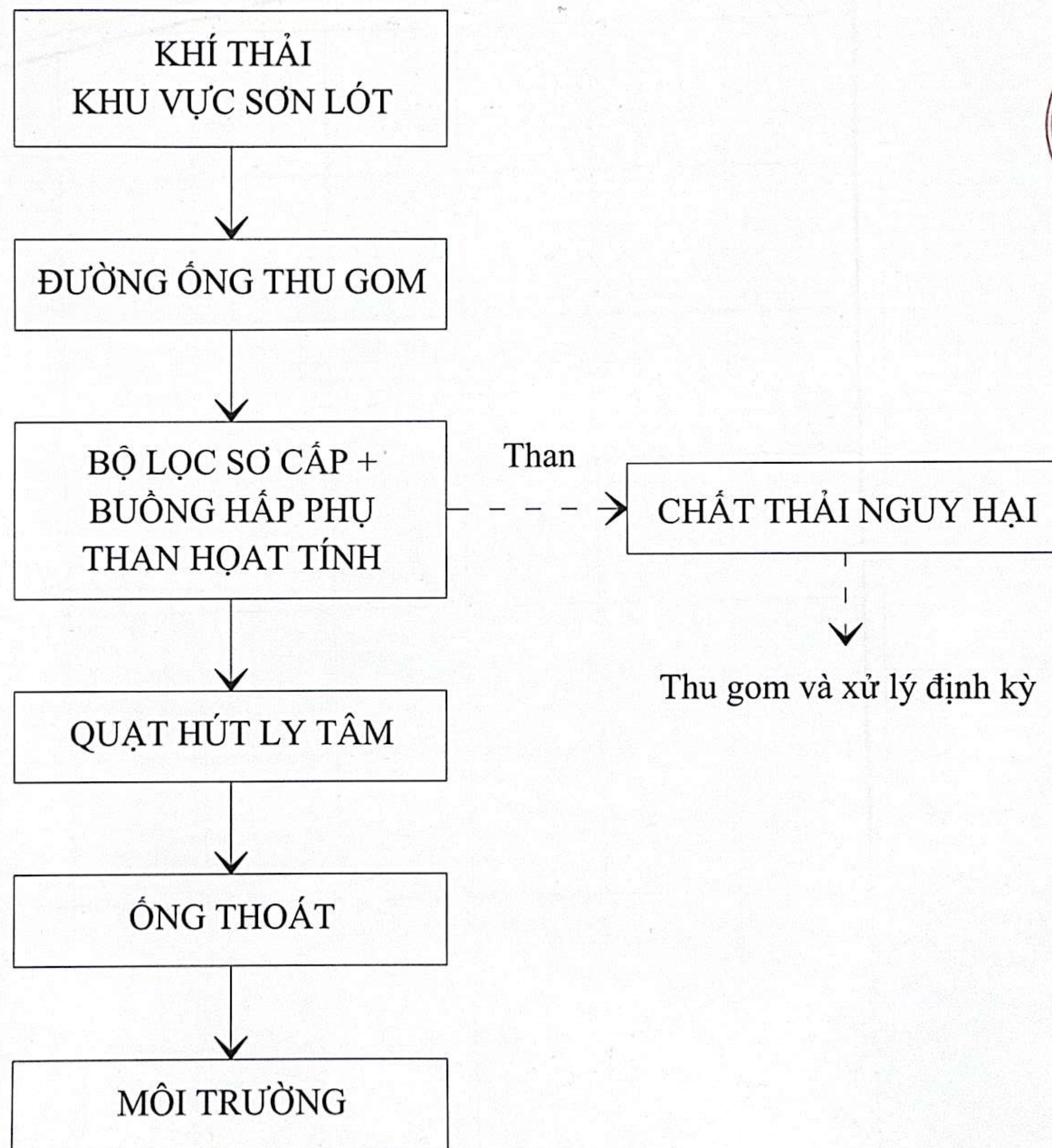
ETS - TK - 05

THAY ĐỔI



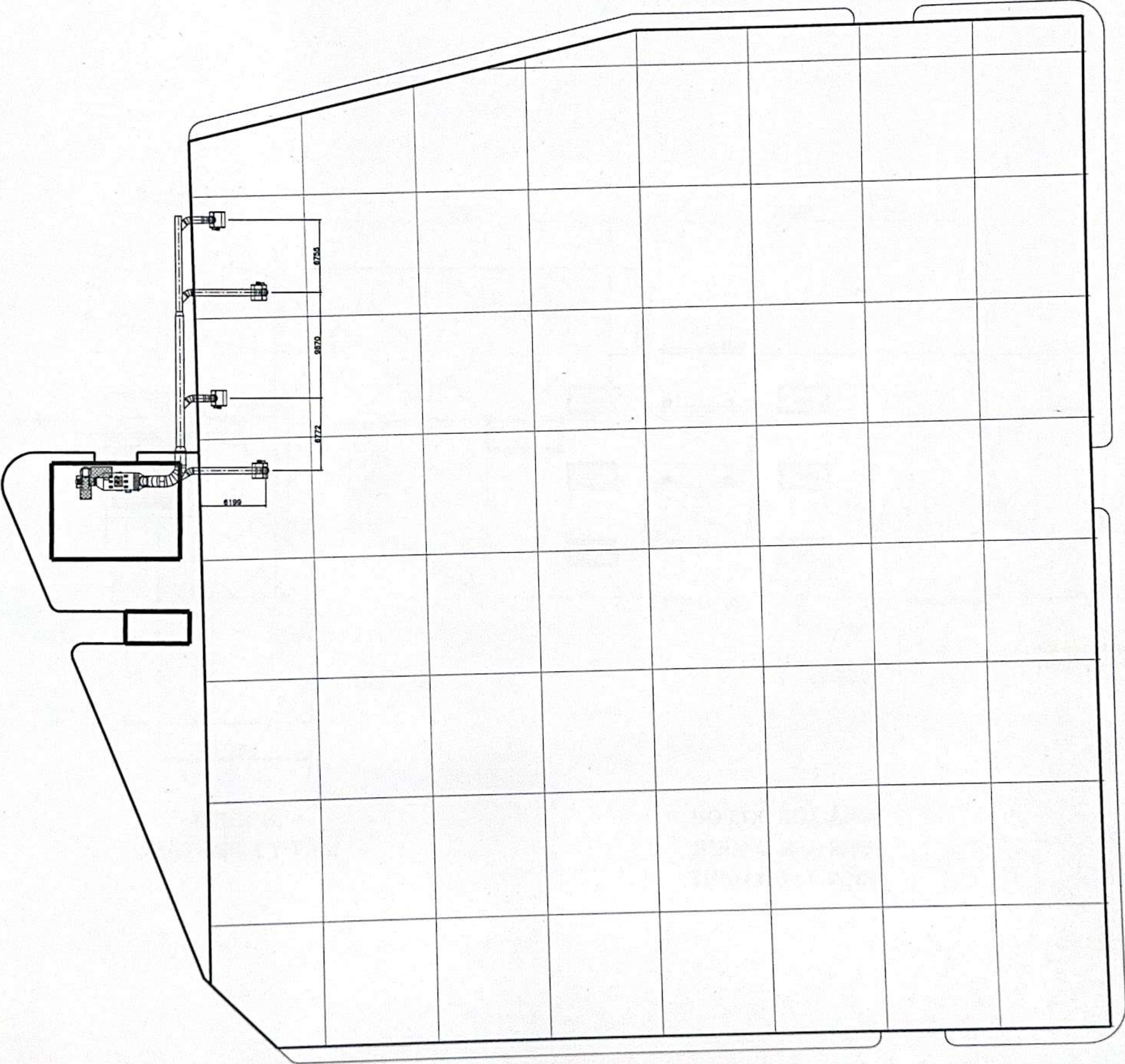
THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN LÓT - CÔNG SUẤT 36.000 M³/H
 QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM)		
Địa chỉ: 6 Đường 19A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Bùn, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ		
 VIỆT ĐỎ LTD Công nghệ vì môi trường Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (+84) 943 395 608		
GIÁM ĐỐC:		
VÕ MINH SANG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:		
TRẦN VĂN CƯ		
VẼ:		
TRẦN THỊ DIỄM HÂN		
KIỂM TRA:		
TRẦN VĂN CƯ		
TÊN BẢN VẼ:		
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THIỆN: 26/03/2026	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 02	THAY ĐỔI:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN LÓT - CÔNG SUẤT 36.000 M³/H
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



Nguyễn Thị Thanh Tú

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vì môi trường

Địa chỉ: 204/4/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 393 606

GIÁM ĐỐC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ: 1/100

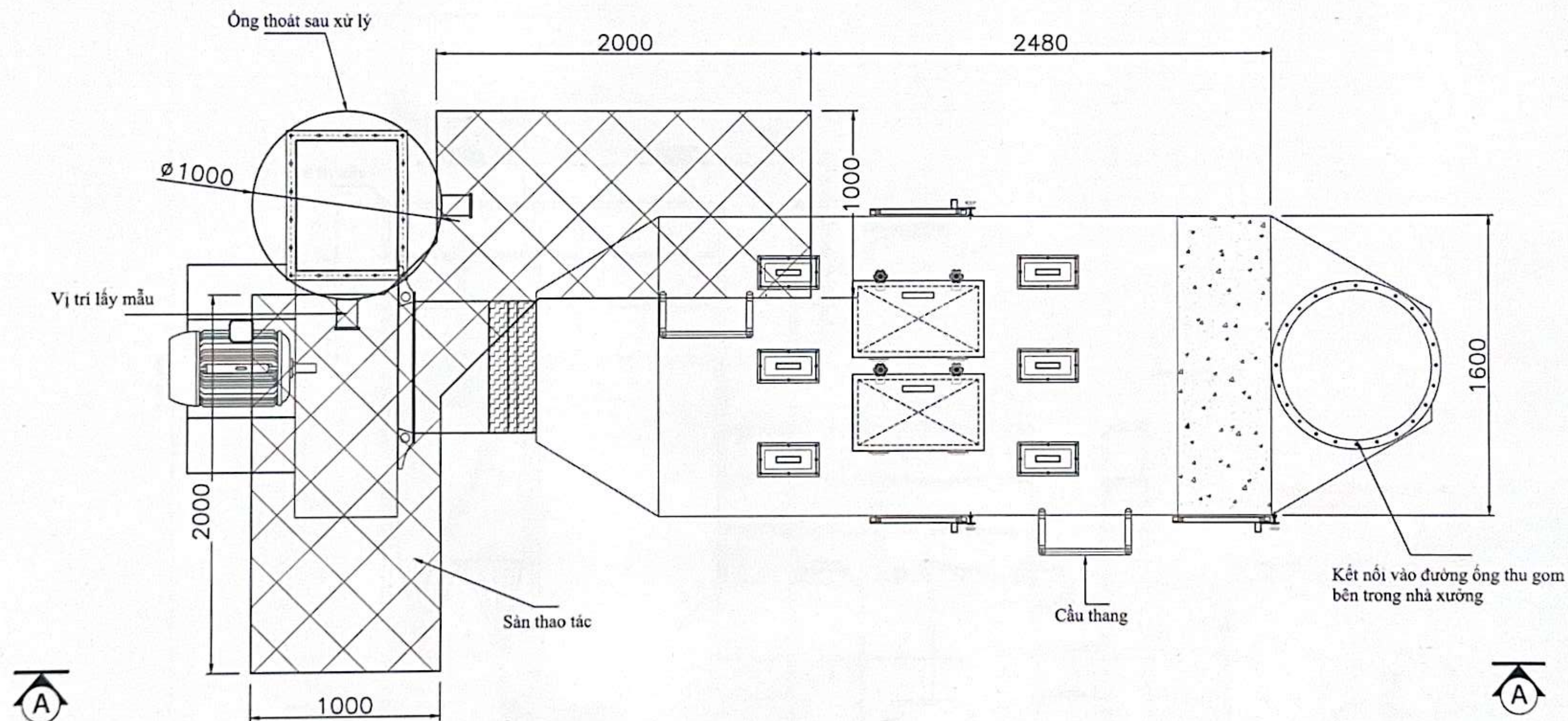
NGÀY HOÀN THÀNH
26/03/2026

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 03

THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC SƠN LÓT - CÔNG SUẤT 36.000 M³/H
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI

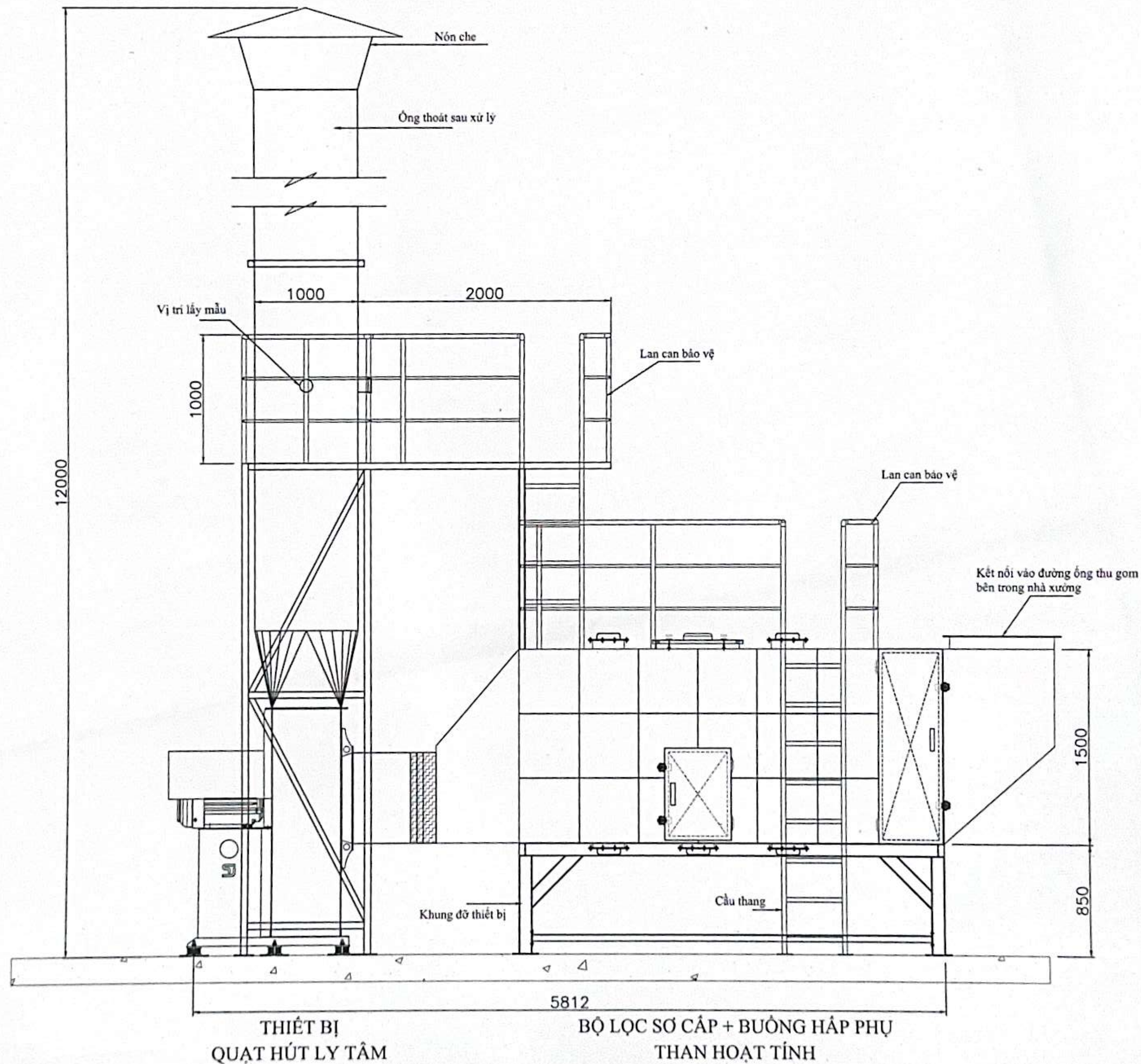


THIẾT BỊ
QUẠT HÚT LY TÂM

BỘ LỌC SƠ CẤP +
BUỒNG HẤP PHỤ
THAN HOẠT TÍNH

GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH HOMER VIỆT NAM CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOMER (VIỆT NAM) Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Bền, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ VIỆT ĐỎ LTD Công nghệ vi môi trường Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tel: (+84) 945 395 608		
GIÁM ĐỐC:		
VŨ MINH SANG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:		
TRẦN VĂN CƯ		
VẼ:		
TRẦN THỊ DIỄM HẸN		
KIỂM TRA:		
TRẦN VĂN CƯ		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TỶ LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH: 26/03/2026	
BẢN VẼ SỐ	ETS - TK - 04	THAY ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI - CÔNG SUẤT 36.000 M³/H
MẶT CẮT A - A



GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:



CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



VIỆT ĐỎ LTD

Công nghệ vi môi trường
Địa chỉ: 204/9/32, Đường 11, Khu phố 2, Phường Linh Xuân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84) 945 395 608

GIẤM ĐỌC:

VÕ MINH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

TRẦN VĂN CƯ

VẼ:

TRẦN THỊ DIỄM HẸN

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT A - A

TỶ LỆ: 1/100

NGÀY HOÀN THÀNH
26/05/2025

BẢN VẼ SỐ

ETS - TK - 05

THAY ĐỔI

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 580 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 654/SZB-KT ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Biên Hòa II và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, địa chỉ tại số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Biên Hòa II có địa chỉ tại phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Biên Hòa II.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3601867699 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3601867699.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư vào khu công nghiệp	Mã ngành kinh tế Việt Nam
Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm	A 01461
Sản xuất và chế biến thực phẩm	C 10

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư vào khu công nghiệp	Mã ngành kinh tế Việt Nam
Sản xuất đồ uống	C 110
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C 120
Dệt	C 13
Sản xuất trang phục	C 14
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C 15
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện)	C 16
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C 170
In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C 181
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C 20
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C 210
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C 22
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C 239
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C 251
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C 259
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C 26
Sản xuất đồ điện dân dụng	C 27
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C 28
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C 31
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C 32
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C 331
Sản xuất nước đá	C 35302
Truyền tải và phân phối điện	D 3512
Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G 45
Bru chính và chuyên phát	H 53
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	H 5229
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	L 68104
Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M 71200

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 394,63 ha.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2031).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Lưu: VT, KSONMT, O.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp, tổ chức nằm trong Khu công nghiệp Biên Hòa II và Khu công nghiệp Biên Hòa I.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu điều hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (súc rửa dụng cụ phòng thí nghiệm).
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn và sân phơi bùn.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của Văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ trạm bơm tăng áp nước cấp Khu công nghiệp Biên Hòa II.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa) (đã được miễn trừ đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Suối Bà Lúa sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp xả ra suối Bà Lúa tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1206535; Y = 402366 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.000 m³/ngày (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý qua mương quan trắc nước thải tự động theo đường ống tự chảy ra suối Bà Lúa sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai đoạn thuộc phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	COD	mg/l	60,75		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40,5		
5	Amoni (theo N)	mg/l	4,05		
6	Màu	Pt/Co	50		Không thuộc đối tượng
7	BOD5 (20°C)	mg/l	24,3		
8	Asen (As)	mg/l	0,0405		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,00405		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,081		
11	Cadmi (Cd)	mg/l	0,0405		
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,0405		
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	0,162		
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,62		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,43		
16	Niken (Ni)	mg/l	0,162		
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,405		
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,81		
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,0567		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,081		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,162		
23	Florua (F ⁻)	mg/l	4,05		
24	Tổng Nitơ	mg/l	16,2		
25	Tổng Phốt pho	mg/l	3,24		
26	Clo dư	mg/l	0,81		
27	Coliform	MPN/ 100 ml	3.000		
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
30	Clorua	mg/l	405		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,0405	01 năm/lần	
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		
33	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp (nguồn số 01) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi của Khu công nghiệp trước khi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu điều hành nhà máy xử lý nước thải tập trung (nguồn số 02), của Văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (nguồn số 05), của trạm bơm tăng áp nước cấp Khu công nghiệp Biên Hòa II (nguồn số 06) được đưa qua bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 03 và 04) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa) trong Khu công nghiệp (nguồn số 07) được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty và xả thẳng ra nguồn tiếp nhận là suối Bà Lúa, cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp có tổng công suất thiết kế 8.000 m³/ngày, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom (có tách rác thô) → Sàng quay (tách rác tinh) → Bể xử lý hóa lý → Bể điều hòa → Mô đun 1/Mô đun 2 → Hồ hoàn thiện (ngăn 1) → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện ngăn 2 → Nguồn tiếp nhận. Trong đó:

- + Mô đun 1 (công suất 4.000 m³/ngày): Các Bể Unitank → Bể chứa nước sạch.

- + Mô đun 2 (công suất 4.000 m³/ngày): Các bể Selector → Các bể C-Tech.

- Công suất thiết kế: Tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm 02 mô đun có công suất 4.000 m³/mô đun).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: FeCl₃, NaOH, Polymer Anion, Polymer Cation, Javen, Chlorine (Ca(OCl)₂) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: Tại bể quan trắc, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Số liệu quan trắc nước thải tự động được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng bể sự cố có dung tích thiết kế 4.000 m³, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố. Bể sự cố có kết cấu bằng bê tông cốt thép.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: Thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hồ ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp hoặc vào hệ thống xử lý nước thải của các doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp thuộc danh sách nêu trên hoặc kiểm tra đột xuất các doanh nghiệp thứ cấp.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Các biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố, nước thải từ hồ hoàn thiện sẽ bơm về bể sự cố để lưu trữ. Nhân viên vận hành rà soát tìm nguyên nhân, sau đó tiến hành cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

- + Trường hợp lưu lượng hoặc chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận: Khi xảy ra sự cố, kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp nghi vấn, lập biên bản đối với doanh nghiệp xả không đạt tiêu chuẩn. Các doanh nghiệp không bị vượt chuẩn vẫn xả thải bình thường; tiến hành điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ

thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải còn lại từ bể thu gom được bơm về lưu chứa tại bể sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về thiết bị hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung dừng để bảo dưỡng, thay thế thiết bị: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố; nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố do quá trình xử lý hóa lý, sinh học: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố, nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về bể sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động đột ngột do sự cố mất điện: Sử dụng máy phát điện dự phòng cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu nổi của Khu công nghiệp Biên Hòa II:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-10
3	Màu	Pt/Co	50
4	BOD5 (20°C)	mg/l	500
5	COD	mg/l	800
6	TSS	mg/l	300
7	Asen (As)	mg/l	0,2
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,1
9	Chì (Pb)	mg/l	0,108
10	Cadmi (Cd)	mg/l	0,054
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,25
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	1
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,16
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3,24
15	Niken (Ni)	mg/l	0,216
16	Mangan (Mn)	mg/l	1
17	Sắt (Fe)	mg/l	4
18	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,0756
19	Tổng Phenol	mg/l	0,108
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
21	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5
22	Florua (F ⁻)	mg/l	5,4
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Phốt pho	mg/l	12
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	800
27	Clo dư	mg/l	5
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,297
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,324
30	Tổng PCB	mg/l	0,00324
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *lt*

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của cụm bể C-tech (giai đoạn 2) của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí bể sục có 4.000 m³ tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1206630; Y = 402472.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1206620; Y = 402472.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1206675; Y = 402465.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.
- 1.2. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- 1.3 Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	110
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	224
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	20
4	Thiết bị thải có các bộ phận linh kiện điện tử thải	19 02 05	100
5	Các loại chất thải oxi hóa thải (nước thải phòng thí nghiệm dạng đậm đặc có thành phần nguy hại như axit, Penanganat)	19 09 04	300
Tổng khối lượng			754

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	20
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải khác của hệ thống XLNT tập trung	12 06 05	1.500.000
3	Bao bì mềm thải chứa hóa chất	18 01 01	180
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	10
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	96
6	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (kính thải bỏ)	19 12 03	100
Tổng khối lượng			1.500.406

1.3 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì thải, giấy các loại, rác thải từ công tác duy tu, vệ sinh phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II và văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.	78.000
2	Bùn nạo vét từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa.	5.000
Tổng khối lượng		83.000

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II và văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình): 23 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích khoảng 336 m².

- Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh và hồ thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có gờ chống tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bể nén bùn, thùng chứa, máy ép bùn.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Sân phơi bùn có diện tích 200 m² nền bê tông cốt thép, lợp mái tôn, rãnh thu nước thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

vt

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng của “Khu công nghiệp Biên Hòa II” tại phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Quyết định số 174/QĐ-MTg ngày 31 tháng 01 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu Công nghiệp Biên Hòa II - thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 200 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng dự phòng trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Phải có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp và ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghệ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

8. Bảo đảm diện tích và tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

9. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số

22/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các quy định khác của chính quyền địa phương.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. 